

TRONG SỐ NÀY



FDI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

- [2] ĐẦU TƯ NƯỚC TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM: 25 NĂM THU HÚT VÀ PHÁT TRIỂN
- [2] HỘI NGHỊ TỔNG KẾT 25 NĂM ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM
- [2] ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI - FDI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- [8] CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TÁC BVMT Ở VIỆT NAM
- [8] FDI TIẾP TỤC ĐÓNG VAI TRÒ XỨNG ĐÁNG TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM
- [8] CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
- [8] TẠO CÚ HÍCH CHO CÁC DOANH NGHIỆP FDI TRONG CÔNG TÁC BVMT
- [8] ÁP DỤNG TÍCH HỢP SẢN XUẤT SẠCH HƠN VÀ TIẾT KIỆM NĂNG TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



VAI TRÒ CỦA FDI TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN KT- XH ĐỊA PHƯƠNG

- [16] ĐỒNG NAI: ĐIỂM HẸN LÝ TƯỞNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC
- [16] FDI GÓP PHẦN MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ VỚI KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI
- [16] VĨNH PHÚC ƯU TIÊN CÁC DOANH NGHIỆP FDI ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ CAO, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG
- [16] VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT BVMT CỦA CÁC DOANH NGHIỆP FDI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC
- [16] KINH TẾ VÙNG ÁNG TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ



DOANH NGHIỆP FDI VỚI CÔNG TÁC BVMT

- [25] SIEMENS CAM KẾT HỖ TRỢ VIỆT NAM
ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ BVMT
- [25] TIÊU CHÍ ĐẦU TIÊN CỦA INTEL LÀ TUÂN THỦ CÁC
QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ MÔI TRƯỜNG
- [25] CÔNG TY TNHH EXEDY VIỆT NAM:
XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC AN TOÀN
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
- [25] DOANH NHÂN NHẬT BẢN NHẬT RÁC Ở HỒ GƯƠM
- [25] 10.000 TÌNH NGUYỆN VIÊN FORD
CHUNG TAY VÌ CỘNG ĐỒNG
- [25] CÙNG HONDA GIỮ MÃI MÀU XANH CHO VIỆT NAM
- [25] HOLCIM PRIZE 2013 - NƠI CHẮP CÁNH Ỗ TƯỞNG
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- [25] QUỸ THÁCH THỨC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM:
NUÔI DƯỠNG CÁC Ỗ TƯỞNG KINH DOANH MỚI



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [25] CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
VÀ CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG Ở HÀN QUỐC
- [25] KINH NGHIỆM THU HÚT FDI
CỦA MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á
- [25] NHỮNG MÔ HÌNH TIÊU BIỂU VỀ ĐẦU TƯ BVMT
CỦA CÁC DOANH NGHIỆP FDI TRÊN THẾ GIỚI



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS. TS. Bùi Cách Tuyến
(Chủ tịch)

GS. TS. Đặng Kim Chi
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
PGS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thục
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (04) 61281438

TÒA SOẠN

Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Ban Trị sự: (04) 66569135
Ban Biên tập: (04) 61281446
Fax: (04) 39412053
Email: tcbvmt@yahoo.com.vn
<http://www.tapchimoitruong.vn>

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 21/GP-BVHTT cấp ngày 22/3/2004

Bìa 1: ...

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Chế bản & in: Công ty in Tây Hồ

CHUYÊN ĐỀ

**VAI TRÒ CỦA CÁC DN FDI
TRONG CÔNG TÁC BVMT**

Giá: 20.000đ

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM: 25 năm thu hút và phát triển



▲ Thứ trưởng Đào Quang Thu

ĐÀO QUANG THU

Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sau hơn 25 năm thực hiện chính sách mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài cùng với việc ban hành Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) ngày càng phát huy vai trò quan trọng và có những đóng góp đáng kể trong phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Việc thu hút, sử dụng FDI thời gian qua cơ bản đã đáp ứng những mục tiêu đề ra về thu hút vốn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng năng suất lao động, tiếp thu công nghệ và kinh nghiệm quản lý hiện đại. Điều này khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế.

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư trong nước

Tính đến ngày 31/12/2012, cả nước có 14.522 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 210,5 tỷ USD, vốn thực hiện hơn 100 tỷ USD (chiếm 47,5% vốn đăng ký). FDI là khu vực phát triển năng động nhất với tốc độ tăng GDP cao hơn tốc độ tăng trưởng cả nước: Năm 1995, GDP của khu vực FDI tăng 14,98% trong khi GDP cả nước tăng 9,54%; tốc độ này tương ứng là 11,44% và 6,79% (2000), 13,22% và 8,44% (2005), 8,12% và 6,78% (2010). Tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI trong GDP tăng dần, từ 2% GDP (1992) lên 12,7% (2000), 16,98% (2006) và 18,97% (2011). So sánh với mức trung bình của thế giới, đóng góp của khu vực FDI vào GDP của Việt Nam cao hơn 7,7 % cho thấy ảnh hưởng của FDI đối với nền kinh tế của Việt Nam là khá lớn.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH

Hiện nay, 58,4% vốn FDI tập trung vào lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, tốc độ tăng trưởng đạt bình

quân gần 18%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng toàn ngành, tạo ra gần 45% giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế như viễn thông, khai thác, chế biến dầu khí, điện tử, công nghệ thông tin, thép, xi măng... Đồng thời, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị hàng hóa nông sản xuất khẩu và tiếp thu một số công nghệ tiên tiến, cây giống, con giống có năng suất, chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế, tạo ra một số phương thức mới, có hiệu quả cao, nhất là các dự án đầu tư vào phát triển nguồn nguyên liệu, cải thiện tập quán canh tác và điều kiện hạ tầng yếu kém, lạc hậu ở một số địa phương.

Tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Hiện nay, khu vực FDI tạo ra trên 2 triệu lao động trực tiếp và khoảng 3 - 4 triệu lao động gián tiếp, có tác động mạnh đến chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH. Doanh nghiệp FDI được xem là tiên phong trong việc đào tạo tại chỗ và đào tạo bên ngoài, nâng cao trình độ của công nhân, kỹ thuật viên, cán bộ

quản lý, trong đó một bộ phận đã có năng lực quản lý, trình độ khoa học, công nghệ đủ sức thay thế chuyên gia nước ngoài. Ngoài ra, FDI đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng lao động thông qua hiệu ứng lan tỏa lao động cho các bên liên quan.

Chuyển giao công nghệ nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế

Từ năm 1993 đến nay, cả nước có 951 hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được phê duyệt/đăng ký, trong đó có 605 hợp đồng của doanh nghiệp FDI, chiếm 63,6%. Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, một số ngành đã thực hiện tốt chuyển giao công nghệ như dầu khí, điện tử, viễn thông, tin học, cơ khí chế tạo, ô tô, xe máy và dệt may, giày dép, trong đó viễn thông, dầu khí được đánh giá có hiệu quả nhất. Đồng thời, có tác động tới các doanh nghiệp trong nước tạo ra các ngành sản xuất, dịch vụ.

Nâng cao năng lực cạnh tranh ở cả ba cấp độ quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm

Nhiều sản phẩm xuất khẩu Việt Nam đủ sức cạnh tranh và có chỗ đứng vững chắc trên các thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản. Kết quả phân



tích các chỉ tiêu về vốn, công nghệ, trình độ quản lý, khả năng tiếp cận thị trường (đầu vào và tiêu thụ sản phẩm) và năng lực tham gia mạng sản xuất toàn cầu cho thấy, năng lực cạnh tranh của khu vực FDI cao hơn so với khu vực trong nước. Hiện nay, khu vực FDI đã và đang có tác động lớn thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, nâng cao trình độ công nghệ, trình độ lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Nâng cao năng lực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp, tạo áp lực đối với việc cải thiện môi trường kinh doanh

Thực tiễn hoạt động FDI đã rút ra nhiều bài học, kinh nghiệm bổ ích về công tác quản lý kinh tế, góp phần thay đổi tư duy quản lý, thúc đẩy quá trình hoàn thiện luật pháp, chính sách theo hướng bình đẳng, công khai, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế; đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý phù hợp với xu thế hội nhập.

Hội nhập kinh tế quốc tế

Hoạt động thu hút FDI đã mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tạo thuận lợi để Việt Nam gia nhập ASEAN, ký Hiệp định khung với EU, Hiệp định Thương mại với Mỹ, Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với 62 quốc gia/vùng lãnh thổ và Hiệp định đối tác kinh tế (EPA) với Nhật Bản và nhiều nước khác.

Bên cạnh những kết quả tích cực, khu vực FDI vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục đó là: Hiệu quả tổng thể nguồn vốn FDI chưa cao; Tỷ lệ vốn thực hiện thấp so với vốn đăng ký, quy mô dự án nhỏ, nhiều dự án chậm triển khai, giãn tiến độ; Mục tiêu thu hút công nghệ (công nghệ cao và công nghệ nguồn), chuyển giao công nghệ chưa đạt yêu cầu; Tạo việc làm chưa tương xứng, đời sống người lao động chưa cao, tranh chấp và đình công có xu hướng gia tăng; Hiệu ứng lan tỏa của khu vực FDI sang khu vực khác của nền kinh tế còn hạn chế; Giá trị gia

tăng tạo ra tại Việt Nam và khả năng tham gia chuỗi giá trị thấp; Một số dự án được cấp phép nhưng chưa bảo đảm tính bền vững, gây ô nhiễm môi trường, tiêu tốn năng lượng, tài nguyên, chưa chú ý tới an ninh quốc phòng...

Nguyên nhân của những hạn chế là do hệ thống kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực và sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu thực tế; Một số định hướng thu hút FDI chưa cụ thể hóa hoặc chưa phù hợp; Hệ thống luật pháp chính sách và thủ tục đầu tư chưa đồng bộ, thiếu nhất quán; Công tác quản lý nhà nước về FDI còn hạn chế; Năng lực phản ứng chính sách ở các cấp còn yếu, chậm luật hóa nên nảy sinh bức xúc như chuyển giá, vi phạm môi trường, gian lận thương mại...

BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ những phân tích nêu trên, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Cần thống nhất từ nhận thức đến hành động ở các cấp về vị trí, vai trò của FDI đối với nền kinh tế để đạt được sự ổn định về chủ trương, chính sách nhằm phát huy những mặt tích cực FDI.

Bên cạnh đó, hỗ trợ và tạo điều

kiện thuận lợi cho các dự án FDI đang hoạt động tại Việt Nam hiệu quả nhất.

Xử lý hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa các bên liên quan đến FDI: quốc gia, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng dân cư.

Thường xuyên cải thiện môi trường đầu tư nhằm bảo đảm sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư, phát huy tối đa lợi thế của Việt Nam.

Chú trọng nâng cao năng lực phản ứng chính sách của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp. Thực tiễn hoạt động FDI rất đa dạng, nên cần sớm thể chế hóa luật pháp, chính sách, tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi.

Nâng cao chất lượng FDI, hướng tới phát triển bền vững phải trở thành xu thế chủ đạo trong hoạt động FDI.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Tập trung khắc phục bất cập về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, phát triển hệ thống doanh nghiệp trong nước, cải thiện môi trường kinh doanh là những giải pháp căn bản, mang tính quyết định đến việc thu hút hiệu quả FDI, trong thời gian tới cần:

Hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến đầu tư, kinh



▲ Khu vực FDI có tác động mạnh đến chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH



doanh. Rà soát, sửa đổi các chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư theo hướng đồng bộ, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư. Sửa Luật Đầu tư trên nguyên tắc điều chỉnh hoạt động đầu tư. Xem xét việc tách một số thủ tục áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước, tách quy trình thủ tục giữa dự án sản xuất và dự án dịch vụ để một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thông qua việc minh bạch hóa thủ tục, mặt khác đảm bảo hiệu quả trong quản lý hoạt động FDI. Hướng dẫn việc áp dụng các điều kiện đầu tư đối với các lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Rà soát các quy định pháp luật hiện hành quy định về hoạt động mua lại và sáp nhập có yếu tố nước ngoài. Đồng thời, hoàn thiện khung pháp lý về mua lại và sáp nhập hiện đang được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ chuyên ngành, địa phương và doanh nghiệp soạn thảo chính sách ưu đãi đầu tư (thuế, đất đai, xuất nhập khẩu...) để đảm bảo tính thống nhất và xuyên suốt. Chính sách ưu đãi được xây dựng trên nguyên tắc hậu kiểm có điều kiện và thời hạn, thay vì phương thức tiền kiểm.

Điều chỉnh một số nguyên tắc quản lý và phân cấp đầu tư: Trên cơ sở mục tiêu và định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011-2015 của cả nước và của các ngành, các địa phương và định hướng ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và cam kết quốc tế, các Bộ, ngành, địa phương tập trung rà soát, điều chỉnh, sửa đổi quy hoạch ngành, sản phẩm, vùng lãnh thổ; công bố các điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật...

Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư (XTĐT): Hoạt động XTĐT cần gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển

kinh tế - xã hội quốc gia; có sự điều phối thống nhất trong cả nước. Trên cơ sở Hiệp định song phương với các nước, xây dựng cơ chế chính sách đặc thù, gồm cả hoạt động XTĐT nhằm tranh thủ dòng vốn FDI từ các quốc gia, các đối tác tiềm năng.

Bổ sung, hoàn thiện các quy định về khoa học công nghệ: Theo hướng điều chỉnh và cụ thể hóa tiêu chí công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam, có tính đến nhóm các dự án công nghệ cao với mức doanh thu hàng năm lớn và sử dụng lao động chất lượng cao. Sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, khắc phục tình trạng chuyển giá qua hợp đồng chuyển giao công nghệ. Về dài hạn, xem xét việc xây dựng Chiến lược thu hút công nghệ, với lộ trình dài hạn, chính sách, biện pháp và công cụ khác nhau nhằm thu hút công nghệ hợp lý và phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Hoàn thiện quy định nhằm kiểm soát vấn đề môi trường: Thực hiện đồng thời cơ chế tiền kiểm và hậu kiểm về vấn đề môi trường đối với các dự án FDI nói riêng, dự án đầu tư nói chung (cấp Giấy chứng nhận môi trường sau khi dự án hoàn thành xây dựng). Quy định tiêu chuẩn môi trường và giới hạn ô nhiễm môi trường. Ban hành hạn ngạch ô nhiễm, quy định lượng phát thải đối với doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp phải đăng công khai một số thông tin liên quan (loại chất thải, lượng thải, điểm thải, tiêu chuẩn môi trường...). Quy định cơ chế xử phạt, chế tài nghiêm minh, đủ mức răn đe. Theo đó, bỏ nguyên tắc xử phạt tối đa, thực hiện xử phạt trên cơ sở lượng xả thải, trường hợp cần thiết, có thể thuê tư vấn độc lập đánh giá đối với môi trường.

Phát triển công nghiệp hỗ trợ: Quy định cụ thể, chi tiết về ngành, sản

phẩm thuộc công nghiệp hỗ trợ theo hướng tập trung vào một số ngành, sản phẩm trọng điểm. Làm rõ các tiêu chí xác định ngành, sản phẩm được hưởng ưu đãi theo diện công nghiệp hỗ trợ. Nâng mức ưu đãi đủ sức hấp dẫn các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Quy định mức ưu đãi cao hơn cho các dự án đầu tư tham gia chuỗi giá trị sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ so với các dự án đơn lẻ.

Nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước sau cấp Giấy chứng nhận đầu tư (GCNĐT): Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về FDI, được nối mạng với cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp FDI. Tập trung hỗ trợ các dự án đã được cấp GCNĐT. Đối với các dự án đang hoạt động của các nhà đầu tư lớn, tập đoàn xuyên quốc gia, thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, có tính lan tỏa cao, các dự án nhỏ và vừa hoạt động hiệu quả, các cơ quan quản lý nhà nước cần thường xuyên nắm tình hình, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh và có cơ chế khen thưởng thỏa đáng. Đối với những dự án đã được cấp GCNĐT nhưng không phù hợp và nhà đầu tư chưa triển khai hoặc triển khai không đúng tiến độ cam kết thì xem xét việc chấm dứt hoạt động và thu hồi GCNĐT hoặc điều chỉnh quy mô, mục tiêu.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý ngoại hối: Hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến công tác giám sát dòng vốn bằng tiền của các doanh nghiệp có vốn FDI (bao gồm dòng vốn góp bằng tiền, dòng vốn vay trong và ngoài nước). Xây dựng cơ chế giám sát tổng mức vay trong nước và vay nước ngoài của các doanh nghiệp có vốn FDI trong tương quan với tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống báo cáo thông qua các tổ chức tín dụng đảm bảo tổng hợp số liệu dòng vốn FDI■



HỘI NGHỊ TỔNG KẾT 25 NĂM ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị Tổng kết 25 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng biểu dương những cố gắng, nỗ lực vượt bậc của các Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có những đóng góp quan trọng vào sự thành công của hoạt động FDI tại Việt Nam trong 25 năm qua. Thủ tướng nhấn mạnh, trong những năm tới, Việt Nam phải tiếp tục huy động mọi tiềm năng và nguồn lực, kể cả nguồn lực trong nước và nguồn lực nước ngoài để phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Việc tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn FDI sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế đất nước. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu không chỉ của Chính phủ mà còn là trách nhiệm của các Bộ, ngành, chính quyền các địa phương và sự đóng góp nhiệt



▲ Hội nghị Tổng kết 25 năm thu hút FDI tại Việt Nam, tháng 3/2013

tình, có hiệu quả từng nhà đầu tư, doanh nghiệp và sự ủng hộ của toàn xã hội. Đặc biệt trong thời gian tới, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước sẽ giảm dần, nguồn vốn ODA sẽ không duy trì được theo mức trước đây. Vai trò của nguồn vốn FDI sẽ phát huy tích cực trong việc đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế đất nước. FDI phải thực sự là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế, góp phần khai thác các nguồn lực trong nước,

mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội nghị đã tập trung vào một số nội dung chính: Đánh giá vai trò và tác động của FDI đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam; Những tồn tại, hạn chế của FDI thời gian qua và các nguyên

nhân cơ bản (hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, phân cấp, quyền hạn và trách nhiệm, sự phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương, triển khai thực hiện, giám sát, kiểm tra, bộ máy nhân lực...); Môi trường đầu tư của Việt Nam (chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách lao động, thủ tục...); Kiến nghị những giải pháp thiết thực và đột phá nhằm thu hút và quản lý FDI thời gian tới.

Tạp chí Môi trường ghi nhận những ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương bên lề Hội nghị Tổng kết 25 năm FDI tại Việt Nam.

NHIỀU ƯU ĐÃI CHO CÁC DOANH NGHIỆP FDI CÔNG NGHỆ CAO

Trong những năm qua, Việt Nam có nhiều chính sách hỗ trợ nhằm đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ cao. Các DN được cấp giấy chứng nhận công nghệ cao được hưởng nhiều ưu đãi về thuế và phí. Cụ thể, thuế thu nhập DN sẽ được miễn 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (tính liên tục từ năm đầu tiên DN có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư). Ngoài ra, miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu (tài sản cố định) của dự án; hàng hóa nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa

học và phát triển công nghệ; nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhằm phục vụ sản xuất.

Để thu hút các DN FDI đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, năm 2011, Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập văn phòng cấp giấy chứng nhận công nghệ cao và phối hợp tuyên truyền tới các DN FDI tại Việt Nam. Hiện nay, quá trình cấp giấy đầu tư rất thuận lợi cho các DN FDI nhưng Bộ cũng rất thận trọng trong quá trình hậu kiểm để tránh việc Việt Nam trở thành “bãi rác công nghiệp”.



▲ Trần Việt Thanh,
Thủ trưởng Bộ Khoa học
và Công nghệ



THU HÚT FDI ĐỂ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Thu hút đầu tư để phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) hiện đang là một trong những mối quan tâm lớn của Việt Nam. Trong đó, mục tiêu quan trọng là góp phần đẩy mạnh phát triển công nghiệp và giảm nhập siêu. Về khung pháp lý, Việt Nam đã ban hành Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 24/2/2011 về chính sách phát triển một số ngành CNHT. Tuy nhiên, Quyết định chưa đủ mạnh để thúc đẩy CNHT phát

triển nên sự quan tâm của các nhà đầu tư chưa nhiều.

Trong thời gian tới, Việt Nam sẽ chủ động trong kêu gọi, xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực CNHT. Trước hết, tạo điều kiện về mặt bằng thuận lợi cho DN; hỗ trợ trong công tác đào tạo người lao động; hỗ trợ cung cấp thông tin cho nhà đầu tư; cơ chế và thủ tục hành chính nhanh, gọn và đơn giản, tiết kiệm thời gian, chi phí cho nhà đầu tư...



▲ Ông Vũ Huy Hoàng,
Bộ trưởng Bộ Công Thương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG: TẠO CƠ CHẾ BÌNH ĐẲNG GIỮA NHÀ ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC VÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI



▲ KCN Quế Võ, Bắc Ninh

Theo quy định hiện hành, các quyền của người sử dụng đất được mở rộng và được Nhà nước bảo đảm thực hiện đã làm cho người sử dụng đất gần bó hơn với đất đai, yên tâm đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh để tăng hiệu quả sử dụng đất, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Thị trường bất động sản trong đó có quyền sử dụng đất đã tạo lập được cơ chế hoạt động, phát triển tương đối đồng bộ.

Chính sách đất đai nói chung mà chủ yếu là Luật Đất đai năm 2003 đã

quy định áp dụng cơ chế một giá đất phù hợp với giá đất trên thị trường trong điều kiện bình thường; xóa bỏ cơ chế “xin - cho” về đất tạo điều kiện cho thị trường chuyển quyền sử dụng đất hoạt động, thu hút vốn đầu tư của toàn xã

hội và vốn đầu tư nước ngoài để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở đô thị cũng như nông thôn; hình thành hệ thống quản lý công khai, minh bạch trên cơ sở hệ thống đăng ký đất đai thống nhất và các trình tự thủ tục hành chính rất rõ ràng; công khai hóa từ khâu quy hoạch sử dụng đất, cách tiếp cận quỹ đất để thực hiện dự án đầu tư, trình tự bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng; xử lý đúng bản chất giá trị của việc chuyển đất nông nghiệp sang sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư và quyền lợi của người bị thu hồi đất, tạo được cơ chế bình đẳng thực sự giữa nhà đầu tư trong

nước và nhà đầu tư nước ngoài trong thực hiện các dự án phát triển bất động sản nhà ở.

Cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất và đấu thầu dự án có sử dụng đất đã từng bước hạn chế được bất cập trong việc giao đất; bảo đảm công khai và minh bạch. Sự kết hợp hài hòa giữa chính sách tài chính đất đai với chính sách đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài đã giải quyết những vướng mắc về lợi ích giữa nhà nước với nhà đầu tư; ổn định chi phí về đất đối với doanh nghiệp.

Số liệu thống kê tình hình sử dụng đất có vốn đầu tư nước ngoài thời kỳ năm 2000 - 2010 cụ thể: Tổng diện tích đất có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 35.068 ha năm 2005 lên 55.788 ha vào năm 2010, trong đó có 36.530 ha đất do 100% vốn nước ngoài. Đầu tư vào các khu công nghiệp năm 2000 là 4.285 ha, đến năm 2005 tăng lên 5.196 ha và đến năm 2010 đạt 12.317 ha; đầu tư vào đất ở tại đô thị năm 2000 là 1 ha, nhưng đến năm 2005 là 405 ha và năm 2010 là 437 ha; đầu tư vào các cơ sở sản xuất kinh doanh năm 2000 là 1.483 ha, năm 2005 đạt 4.768 ha và năm 2010 là 6.551 ha.



PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ ĐỂ THU HÚT VỐN FDI

Tính đến tháng 9/2013, cả nước có 283 KCN được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên 80.100 ha, trong đó, diện tích đất công nghiệp cho thuê đạt gần 45.100 ha, chiếm khoảng 65% tổng diện tích đất tự nhiên. Các KCN được thành lập trên 58 tỉnh/thành phố cả nước, phân bố trên cơ sở phát huy lợi thế kinh tế, tiềm năng của các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời, phân bố mức độ hợp lý một số KCN nhằm tạo điều kiện cho ngành công nghiệp địa phương từng bước phát triển.

Tổng vốn đầu tư kết cấu hạ tầng của 283 KCN khoảng 10 tỷ USD, trong đó có 36 KCN do DN có vốn đầu tư nước ngoài làm chủ đầu tư với tổng vốn đăng ký trên 2 tỷ USD (trên 20% tổng vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đăng ký). Tổng vốn đầu tư kết cấu hạ tầng KCN thực hiện đến cuối tháng 9/2013 đạt 4,5 tỷ USD, bằng 44% tổng

vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đăng ký, trong đó vốn FDI thực hiện khoảng 1,2 tỷ USD. Phần lớn, các KCN do nhà đầu tư nước ngoài làm chủ đầu tư đều cơ bản hoàn thành xây dựng kết cấu hạ tầng và đi vào hoạt động. Kết cấu hạ tầng KCN, KCX vừa có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thứ cấp trong việc triển khai nhanh dự án sản xuất kinh doanh, vừa góp phần cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chung, đặc biệt là hạ tầng nông thôn của các địa phương phục vụ tích cực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương và cả nước.

Bên cạnh đó, các nhà đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT tuân thủ tương đối tốt pháp luật về môi trường, góp phần tích cực vào công tác BVMT. Trong thời gian gần đây, nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước và DN KCN, KKT về BVMT, phát triển bền vững đã được



▲ Vũ Đại Thắng, Vụ trưởng
Vụ Quản lý các Khu kinh tế
Bộ Kế hoạch và Đầu tư

cải thiện. Đến tháng 12/2011, trong tổng số KCN đã vận hành có 118 KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung, chiếm 65% tổng số KCN đã vận hành và hơn 30 KCN đang xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung. Trong số 36 KCN do nhà đầu tư nước ngoài làm chủ đầu tư phát triển hạ tầng, có 25 KCN đã xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung, các KCN còn lại cũng đang triển khai các thủ tục để đầu tư xây dựng.

BỘ TÀI CHÍNH: CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH NHẪM THU HÚT FDI TẠI VIỆT NAM

Một trong các yếu tố góp phần vào việc gia tăng liên tục của khu vực công nghiệp và xuất khẩu của các DN có vốn FDI là chính sách ưu đãi được quy định trong Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư nước ngoài, và các văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể là: Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công cho nước ngoài và khi xuất trả sản phẩm cho phía nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài để gia công cho phía Việt Nam được miễn thuế xuất khẩu và khi nhập khẩu trở lại được miễn thuế nhập khẩu trên phần trị giá của hàng hóa xuất khẩu ra nước

ngoài để gia công theo hợp đồng. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa để tạo tài sản cố định đối với các dự án đầu tư vào các lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư, khuyến khích đầu tư và các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; đối với dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA. Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 5 năm kể từ ngày bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của các dự án đầu tư và lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc

biệt khó khăn.

Bên cạnh đó, việc thực hiện cắt giảm thuế quan hàng năm theo các cam kết trong WTO và trong khu vực ASEAN đối với các nguyên liệu, vật tư trong nước chưa sản xuất được đã tạo điều kiện giúp các DN có vốn FDI nói riêng và DN nói chung giảm chi phí đầu vào trong sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trong nước so với hàng nhập khẩu.

Với chính sách ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đã và đang củng cố lòng tin cho các DN trong nước và nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và thu hút vốn FDI và công nghệ sản xuất hiện đại vào Việt Nam■



Đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI với phát triển bền vững

GS. TSKH. NGUYỄN MẠI - Chủ tịch
Hiệp hội các doanh nghiệp FDI Việt Nam

1. CẦN CÓ CÁCH TIẾP CẬN ĐÚNG VỀ FDI

Tháng 7/2010, Hội nghị Thương mại và Phát triển của Liên hợp quốc - UNCTAD đã công bố Báo cáo Đầu tư nước ngoài năm 2010 với thông điệp “Đầu tư để có nền kinh tế ít các bon”. Theo đó, tiêu chuẩn môi trường là một yếu tố cấu thành môi trường kinh doanh, được các quốc gia ban hành và thực hiện đối với doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI.

Thông điệp đó phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của Việt Nam và đã được thể hiện tại “Định hướng phát triển bền vững” và “Chiến lược phát triển sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020”.

Những thành tựu kinh tế - xã hội của nước ta trong hai thập niên gần đây có nhiều nguyên nhân, trong đó đầu tư trong nước và FDI là các yếu tố quyết định.

Báo cáo của Tổng cục Thống kê cho biết, từ đầu năm đến ngày 31/7/2013, vốn FDI đăng ký là 11,91 tỷ USD tăng 11,91% và vốn FDI thực hiện là 6,7 tỷ USD tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2012. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 6 tháng đầu năm đạt 62 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 20,9 tỷ USD, tăng 2,2%; khu vực FDI (kể cả dầu thô) đạt 41,1 tỷ USD, tăng 24,7%, chiếm 66,3% kim ngạch xuất khẩu. Mức tăng kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI đóng góp 15,3 điểm phần trăm vào mức tăng chung, trong khi con số tương ứng của khu vực kinh tế trong nước là 0,8 điểm phần trăm. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 6 tháng đầu năm đạt 63,4 tỷ USD,

tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó của khu vực kinh tế trong nước đạt 27,7 tỷ USD, tăng 6,3%; khu vực FDI đạt 35,7 tỷ USD, tăng 27,8%.

Đó là những con số khá ấn tượng khẳng định tác động to lớn của khu vực FDI đối với kinh tế Việt Nam trong điều kiện kinh tế thế giới và FDI toàn cầu chưa phục hồi như dự báo đầu năm.

Khu vực FDI đã góp phần hình thành nhiều ngành công nghiệp, dịch vụ hiện đại, tạo thêm hàng triệu việc làm với thu nhập ngày càng tăng của người lao động, du nhập công nghệ mới, dịch vụ chất lượng cao, phương thức kinh doanh, quản lý tiên tiến.

Bên cạnh đó, mặt trái của thu hút FDI là “chuyển giá” để trốn thuế, lậu thuế, gây ô nhiễm môi trường, nhập khẩu trang thiết bị cũ gây nguy cơ “biến nước ta thành bãi rác thải công nghiệp”, tạo ra giá trị gia tăng không tương ứng với vốn đầu tư, chuyển giao công nghệ chưa như kỳ vọng, hàng trăm doanh nghiệp FDI ngừng hoạt động, một số chủ nhà máy đã về nước và các cuộc tranh chấp lao động trở nên phổ biến hơn.

2. MÔI TRƯỜNG VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Cách đây khoảng 5 năm, Công ty VEDAN đã gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên sông Thị Vải, Đồng Nai. Hàng trăm, hộ dân đã khởi kiện và VEDAN phải bồi thường thiệt hại hàng trăm tỷ đồng. Sự việc đó đã nói lên nhiều điều từ phía doanh nghiệp và nhà nước. Lợi nhuận bao giờ cũng là mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp; nếu doanh nghiệp không ý thức được trách nhiệm xã hội đối



▲ GS.TSKH. Nguyễn Mại

với môi trường thì sẽ có những hành động trái luật pháp và đạo lý, gây ra hậu quả nghiêm trọng về kinh tế - xã hội và môi trường.

Tại Trung Quốc, bên cạnh những thành tựu về kinh tế, nước này cũng đang phải gánh chịu hậu quả của ô nhiễm môi trường. Tình trạng khói bụi và sương mù đã che phủ bầu trời của thành phố Thượng Hải, trung tâm tài chính của Trung Quốc, khi tình trạng ô nhiễm không khí ngày càng trầm trọng. Chỉ số chất lượng không khí (AQI) tại Thượng Hải trong buổi sáng được ghi nhận ở mức 303, vượt qua cả ngưỡng 300 - đánh dấu mức độ ô nhiễm nghiêm trọng. AQI được tính toán dựa theo nồng độ của 6 chất gây ô nhiễm không khí, bao gồm cả các hạt bụi có đường kính nhỏ hơn 2,5 micromet (gọi tắt là PM_{2,5}), trong vòng một giờ. Đây cũng là một trong những thủ phạm khiến tình trạng ô nhiễm khói bụi gia tăng tại Trung Quốc trong những năm gần đây.

Ngày 25/10/2007, UNEP công bố “Báo cáo viễn cảnh môi trường toàn cầu”, được coi là tài liệu tổng quan về biến đổi khí hậu, nguồn nước và đa dạng sinh học trên Trái đất, đã đưa ra lời cảnh báo: “Môi trường Trái đất đang tiến dần đến ngưỡng giới hạn



tồn vong của nhân loại phụ thuộc vào việc chúng ta bắt tay hành động ngay hôm nay chứ không phải ngày mai”.

Từ thực tế cho thấy, con người là tác nhân chính của tình trạng biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, thì con người phải có trách nhiệm cứu lấy thảm họa hủy diệt Trái đất bằng các công trình nghiên cứu khoa học.

3. ĐỊNH HƯỚNG MỚI VỀ FDI

Tổng kết 25 năm thu hút FDI (1988 - 2012), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đề ra định hướng mới về FDI cho giai đoạn 2013 - 2020: Chất lượng và hiệu quả cao; Phát triển bền vững, xây dựng nền kinh tế ít các bon; Có sự cam kết về chuyển giao công nghệ thích hợp với từng ngành, từng dự án; Lao động có kỹ năng cao.

Chất lượng và hiệu quả của các dự án FDI cần được xem xét dưới góc độ phù hợp với mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước, của từng ngành, vùng lãnh thổ và địa phương. Những vấn đề liên quan đến chất lượng và hiệu quả luôn phải được đặt ra khi thẩm định: Dự án FDI có phù hợp với quy hoạch ngành, định hướng phát triển của vùng lãnh thổ và địa phương; Đưa lại lợi ích gì cho địa phương như thu ngân sách, chuyển giao công nghệ, hình thành đội ngũ lao động có kỹ năng cao; Có làm tổn hại đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư...

Về nguyên tắc, FDI không bắt buộc đối với mỗi quốc gia. Chính phủ các nước có quyền lựa chọn dự án và đối tác đầu tư một cách chủ động, từ chối cấp phép những dự án FDI không bảo đảm tiêu chuẩn lao động, tiền lương thấp, không phù hợp với lợi ích cộng đồng, không bảo đảm an toàn lao động, gây ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên để xuất khẩu chứ không phải để chế biến làm gia tăng giá trị sản phẩm...



▲ Nhà nước cần đề ra định hướng thu hút FDI đối với ngành, lĩnh vực theo hướng phát triển bền vững

Nhà nước đề ra định hướng thu hút FDI theo hướng phát triển bền vững đối với ngành, lĩnh vực: Năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời, điện gió, xây dựng tòa cao ốc xanh và tiết kiệm năng lượng, công nghiệp hiện đại ít gây ô nhiễm môi trường, dịch vụ có chất lượng cao, tạo ra phương thức sản xuất và kinh doanh mới.

Bên cạnh đó, các địa phương cần chủ động lựa chọn dự án FDI trên cơ sở đảm bảo lợi ích lâu dài của đất nước. Do đó, khi thẩm định dự án công nghiệp, nhà đầu tư cần tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, đầu tư hệ thống xử lý chất thải, công nghệ phát thải ít khí các bon nhất theo mức tiên tiến của thế giới. Nếu ứng dụng công nghệ mới thì sản xuất thép có thể tiết kiệm được 40% năng lượng và giảm phát thải 50% khí các bon; những con số tương ứng với xi măng là 35% và 25%, với giấy in và bột giấy là 80% và 60%. Các cam kết đó phải được thực hiện nghiêm túc và chỉ sau khi cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát thực địa, xác nhận đã đủ tiêu chuẩn thì mới được vận hành nhà máy.

Năng lượng là tác nhân chính gây hiệu ứng nhà kính, trong khi Việt Nam có tốc độ tiêu thụ điện năng hàng năm khá cao 14 - 15%. Chương trình năng lượng của Chính phủ đề ra mục tiêu tiết kiệm 3 - 5% tổng mức tiêu thụ năng lượng trong giai đoạn 2006 - 2010 và 5 - 8% thời kỳ 2011-

2015. Do vậy khi cấp phép các dự án FDI cần đòi hỏi khắt khe công nghệ giảm thiểu phát thải khí các bon. Đối với các nhà máy đang hoạt động cần yêu cầu có lịch trình cam kết ứng dụng công nghệ mới giảm thiểu phát thải khí các bon. Các tòa nhà do nhà đầu tư nước ngoài xây dựng phải áp dụng công nghệ mới sử dụng ít năng lượng, tòa nhà xanh, thân thiện với môi trường. Cũng cần có chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn đối với các dự án năng lượng tái tạo, thay thế từ các nguồn rác thải, điện mặt trời, điện gió.

Khi đã có định hướng mới về FDI, các Bộ, ngành và địa phương cần hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cải cách thủ tục hành chính... và chủ động trong việc lựa chọn dự án và nhà đầu tư.

Mặt khác, cần bổ sung những nội dung liên quan đến FDI với phát triển bền vững về đầu tư và quy tắc đầu tư trong các Hiệp định thương mại song phương, để xác định rõ quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư và nước chủ nhà. Để thu hút FDI, mỗi nước phải tôn trọng quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư theo thông lệ quốc tế, nhưng nhà đầu tư cũng phải tôn trọng tính đặc thù của mỗi nước, các mục tiêu định hướng và những ưu tiên trong từng chiến lược phát triển, điều đó phản ánh sự chia sẻ lợi ích của nhà đầu tư và nước chủ nhà■



Chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp đầu tư vào công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam

THS. DƯƠNG XUÂN ĐIỆP, CN. TẠ THỊ THÙY LINH

Viện Khoa học quản lý môi trường

Trong thời gian qua, Nhà nước đã ban hành các chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp (DN) đầu tư vào công tác BVMT. Pháp luật đã quy định tương đối rõ ràng, cụ thể về quyền lợi của DN như DN được hỗ trợ cơ sở hạ tầng, đất đai, vốn, thuế, phí, cơ sở vật chất khi tham gia thực hiện các hoạt động công ích về BVMT. Đối với những cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khi tham gia thực hiện Kế hoạch xử lý ô nhiễm triệt để cũng sẽ được hưởng ưu đãi về thuế, ưu tiên đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn; được hỗ trợ vay vốn từ Quỹ BVMT Trung ương, ngành hoặc địa phương để triển khai hoạt động; được hưởng lợi về quản lý, tạo dựng thương hiệu, tài chính khi áp dụng chứng chỉ ISO 14001; Đồng thời, các DN hoạt động có hiệu quả, đem lại lợi ích đối với môi trường sẽ được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Môi trường Việt Nam.

CÁC LOẠI HÌNH CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC DN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Chính sách của Nhà nước tập trung ưu đãi, hỗ trợ cho các DN có các dự án thuộc các lĩnh vực: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn; Phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường, hậu quả do sự cố, thảm họa môi trường gây ra; Nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ,



▲ Hệ thống xử lý nước thải KCN Tiên Sơn 3 từ vốn vay ưu đãi của Quỹ BVMT Việt Nam

sản phẩm thân thiện môi trường; Công nghệ tái chế, tái sử dụng chất thải; Sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo...

Có thể phân theo 4 nhóm loại hình ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước bao gồm:

Nhóm các chính sách ưu đãi về đất đai và hạ tầng cơ sở: Ưu đãi về sử dụng đất; Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng; Hỗ trợ về giải phóng mặt bằng và bồi thường;

Nhóm các chính sách ưu đãi về vốn, thuế, phí: Ưu đãi về huy động vốn đầu tư; Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp; Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế giá trị gia tăng; Ưu đãi về phí BVMT; Khấu hao

tài sản cố định;

Nhóm các chính sách ưu đãi về trợ giá, hỗ trợ tiêu thụ và quảng bá sản phẩm: Hỗ trợ chi phí đầu vào; Hỗ trợ tiêu thụ và hỗ trợ về giá đối với sản phẩm; Hỗ trợ chi phí thực hiện hoạt động quảng bá sản phẩm;

Nhóm các chính sách về giải thưởng, chứng chỉ môi trường: Ưu đãi về giải thưởng môi trường; Ưu đãi về cấp chứng chỉ môi trường (ISO 14000, Nhân sinh thái...).

Một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về ưu đãi, hỗ trợ DN đầu tư trong BVMT quan trọng như Luật BVMT 2005, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định số 4/2009/NĐ-CP về ưu đãi, hỗ trợ hoạt



động BVMT; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 129/2009/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ TN&MT”...

Trong số các văn bản quy định về ưu đãi, hỗ trợ DN đầu tư vào công tác BVMT thì Nghị định số 4/2009/NĐ-CP của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động BVMT được xem là văn bản toàn diện nhất. Nghị định đã đưa ra nhiều quy định về ưu đãi, hỗ trợ đất đai, vốn; miễn, giảm thuế, phí đối với hoạt động BVMT; trợ giá, hỗ trợ khác đối với hoạt động và sản phẩm từ hoạt động BVMT... Sau gần 4 năm triển khai thực hiện cho thấy, các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đã bước đầu phát huy được vai trò khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động BVMT, bảo đảm hài hòa lợi ích của cộng đồng cũng như nhà đầu tư.

Đến nay, tại một số địa phương (Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Bình Định, Đồng Tháp...), UBND cấp tỉnh/TP cũng đã ban hành cơ chế/chính sách quy định về BVMT nhằm cụ thể hóa một số nội dung của Luật BVMT và các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ DN trong

hoạt động BVMT phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể tại địa phương.

Một số kết quả triển khai thực hiện các chính sách về ưu đãi đối với DN đầu tư vào công tác BVMT

Ưu đãi vay vốn từ Quỹ BVMT

Quỹ BVMT Việt Nam có nhiệm vụ hỗ trợ tài chính - cho vay với lãi suất ưu đãi. Theo báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ (tính đến thời điểm 31/12/2012), Quỹ đã cho vay 156 dự án đầu tư BVMT tại gần 40 tỉnh/TP, với tổng số vốn khoảng 950 tỷ đồng trong các lĩnh vực xử lý chất thải công nghiệp của các KCN, xử lý ô nhiễm môi trường của các đối tượng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg, xử lý nước thải của nhà máy xí nghiệp, xử lý ô nhiễm làng nghề, xử lý chất thải sinh hoạt, xử lý khói bụi xi măng và các loại bụi khác, triển khai công nghệ sạch, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, sản xuất các sản phẩm BVMT, xã hội hóa thu gom rác.

Ưu đãi về vốn, thuế, phí, cơ sở hạ tầng và đất đai

Các DN có đủ điều kiện, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg khi tham gia xử lý triệt để cũng được hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước ở Trung ương và địa phương, vốn vay ODA. Theo báo cáo

đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Bộ TN&MT năm 2012, tổng kinh phí đầu tư cho xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng sau 9 năm thực hiện là 4.831,270 tỷ đồng. Đã có 367/ 439 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành các biện pháp xử lý (chiếm 83,6%).

Theo báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 4/2009/NĐ-CP của UBND tỉnh Đồng Tháp, đến nay tỉnh đã hỗ trợ triển khai đầu tư xây dựng 6 dự án với tổng mức đầu tư 600,514 tỷ đồng, bao gồm: xây dựng 2 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung với tổng mức đầu tư 48,995 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách địa phương; xây dựng 3 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với tổng mức đầu tư 526,177 tỷ đồng từ nguồn vốn ODA 417,947 tỷ đồng, vốn Trung ương 53,604 tỷ đồng, vốn địa phương 53,604 tỷ đồng; Xây dựng cơ sở hòa táng, điện táng với tổng mức đầu tư 25,342 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách địa phương. Đối với tỉnh Ninh Thuận, từ năm 2009 đến nay, trên địa bàn tỉnh có 11 dự án đầu tư vào các lĩnh vực: Xử lý nước thải sinh hoạt đô thị tập trung, xử lý nước thải khu công nghiệp, xử lý nước thải và chất thải rắn y tế tại các bệnh viện, với tổng kinh phí đầu tư là 169,030 tỷ đồng. Trong đó, kinh phí đầu tư

Bảng : Tổng hợp kết quả cho vay với lãi suất ưu đãi theo lĩnh vực đến tháng 10/2011

STT	Lĩnh vực cho vay	Số tiền (tỷ VNĐ)	≈ triệu USD	Tỷ trọng (%)	Số dự án
1	Xử lý chất thải công nghiệp của các KCN	381.040	20,57	51,40	32
2	Xử lý ô nhiễm môi trường của các đối tượng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc QĐ 64	43.19	2,33	5,83	13
3	Xử lý nước thải của nhà máy xí nghiệp	89.753	4,84	12,11	13
4	Xử lý ô nhiễm làng nghề	15.637	0,84	2,11	32
5	Xử lý chất thải sinh hoạt	73.490	3,97	9,91	4
6	Xử lý khói bụi xi măng và các loại bụi khác	6.000	0,2	0,81	2
7	Triển khai công nghệ sạch, thân thiện môi trường, Tiết kiệm năng lượng (TKNL)	39.499	2,13	5,33	19
8	Sản xuất các sản phẩm BVMT	71.800	3,87	9,69	5
9	Xã hội hóa thu gom rác thải	20.915	1,13	2,82	9
Tổng		741.390	40,00	100,00	129

(Nguồn: Tài liệu Hội thảo quốc tế hợp tác BVMT và phát triển bền vững, Phú Quốc, 2011)



▲ Bộ TN&MT trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác BVMT năm 2013

cho xử lý nước thải sinh hoạt đô thị tập trung là 127,114 tỷ đồng; đầu tư cho xử lý nước thải khu công nghiệp là 11,690 tỷ đồng; đầu tư xử lý rác thải và nước thải tại các bệnh viện là 30,226 tỷ đồng.

Ưu đãi về Giải thưởng Môi trường Việt Nam

Giải thưởng Môi trường Việt Nam là giải thưởng chính thức của Bộ TN&MT trao tặng các tổ chức, cá nhân và cộng đồng có thành tích xuất sắc trong công tác BVMT. Giải thưởng nhằm động viên, khuyến khích phong trào BVMT góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Theo báo cáo tổng kết 10 năm Giải thưởng Môi trường, đến nay Bộ TN&MT đã tổ chức 9 lần xét tặng và trao Giải thưởng cho 158 tổ chức và cá nhân, trong đó có 99 tổ chức và 59 cá nhân, với 5 lĩnh vực được xem xét và trao giải là giáo dục đào tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, khắc phục sự cố, bảo vệ tài nguyên và quản lý nhà nước về BVMT. Ngày 31/5/2013 vừa qua, Bộ trưởng Bộ TN&MT đã ký Quyết định số 832/QĐ-BTNMT công nhận 31 tổ chức, 1 cộng đồng và 18 cá nhân đạt Giải thưởng Môi trường Việt Nam.

Bên cạnh đó, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã có sáng kiến tổ chức giải thưởng Trách nhiệm Xã hội DN trong lĩnh vực môi trường và lao động hàng năm. Ngày 30/3/2013, VCCI đã phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức trao giải cho 41 DN đạt giải, điều đó cho thấy ngày càng có nhiều DN quan tâm tới vấn đề trách nhiệm xã hội DN cũng như trách nhiệm của DN đối với BVMT.

Một số khó khăn khi triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với DN đầu tư vào công tác BVMT ở Việt Nam

Hiện nay, các chính sách ưu đãi của Việt Nam về BVMT còn tản mạn, chưa có tính hệ thống và thiếu nhất quán; một số văn bản khi triển khai trên thực tế đã bộc lộ những bất cập. Các DN hầu hết chỉ chú trọng đến mục đích kinh doanh mà chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề môi trường. Việc đầu tư công nghệ mới, công nghệ xử lý môi trường đòi hỏi kinh phí rất lớn, trong khi đó hiệu quả kinh tế và khả năng sinh lời thấp nên DN thường không quan tâm việc thực hiện dự án môi trường.

Bên cạnh đó, hầu hết các DN phải tự tìm hiểu các văn bản pháp luật để nắm được quyền lợi mình được hưởng khi đầu tư vào công tác BVMT, do các thông tin này chưa được công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với vấn đề ưu đãi vốn, thuế, phí, cơ sở hạ tầng và đất đai có rất nhiều văn bản ban hành nhưng thực tế điều kiện đảm bảo tại mỗi địa phương có sự khác nhau.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhìn chung, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ DN đầu tư vào công tác BVMT ngày càng được chú trọng và đang nhận được sự quan tâm đặc biệt. Các cơ chế chính sách đã được ban hành, giúp các DN thực hiện tốt hơn trách nhiệm BVMT, góp phần từng bước nâng cao chất lượng môi trường. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các chính sách này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Vì vậy, trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với DN đầu tư vào công tác BVMT cần thực hiện tốt một số giải pháp:

Tuyên truyền phổ biến các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước cho DN đầu tư vào công tác BVMT;

Cần phải có những cơ chế tạo nguồn tài chính dành cho ưu đãi, hỗ trợ; xây dựng những hướng dẫn cụ thể về quy trình, thủ tục, cơ quan tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt hồ sơ... để hưởng các nguồn ưu đãi, hỗ trợ;

Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với một số nội dung: Hỗ trợ về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng; Hỗ trợ về giải phóng mặt bằng và bồi thường;

Ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Hỗ trợ tiêu thụ và hỗ trợ về giá đối với sản phẩm...;

Tăng cường, đa dạng nguồn vốn hỗ trợ cho DN thông qua các tổ chức tín dụng ngân hàng, Quỹ BVMT...■



FDI tiếp tục đóng vai trò xứng đáng trong sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam

Đó là ý kiến của Lãnh đạo các địa phương nhân dịp Hội nghị Tổng kết 25 năm FDI tại Việt Nam. Qua đó cho thấy, FDI đã có tác động mạnh đối với tăng trưởng kinh tế, thể hiện rõ hơn qua các hoạt động như bổ sung cho tổng vốn đầu tư xã hội; Góp phần quan trọng vào xuất khẩu; Đóng góp vào nguồn thu ngân sách; Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thay đổi cơ cấu lao động; Kênh chuyển giao công nghệ quan trọng, góp phần nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế...

Để nâng cao hiệu quả thu hút FDI, mỗi địa phương có các chính sách ưu đãi riêng nhằm bổ sung vốn cho đầu tư và phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn. Tạp chí Môi trường tổng hợp những ý kiến của các địa phương xung quanh vấn đề này.

• BẮC NINH: 7 GIẢI PHÁP TĂNG HIỆU QUẢ THU HÚT FDI

Nhìn lại quá trình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI), chúng tôi nhận thấy vẫn cần có sự điều chỉnh chính sách để tăng hiệu quả thu hút nguồn vốn này.

Trước hết, Bắc Ninh lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên thu hút FDI theo định hướng “sử dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản, đất đai”.

Thứ hai, triển khai thực hiện cơ chế chính sách ưu tiên, ưu đãi thu hút FDI gồm: Hỗ trợ về giải phóng mặt bằng; Hỗ trợ nhà đầu tư cung ứng và đào tạo lao động; Đối với các dự án có quy mô lớn (vốn đầu tư từ 1.500 tỷ trở lên), sử dụng công nghệ cao, ngoài các ưu đãi theo quy định chung của Chính phủ, nhà đầu tư được UBND tỉnh xem xét hỗ trợ xây dựng cơ chế



▲ Ông Nguyễn Nhân Chiến,
Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh

hỗ trợ ưu đãi đặc thù trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận...

Thứ ba, tỉnh tiếp tục khuyến khích đầu tư theo hình thức BT, BOT, đồng thời chỉ đạo nghiên cứu và triển khai mô hình đầu tư hợp tác công tư (PPP) theo Quyết định số 71/2010 ngày 9/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ tư, nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, thẩm định cấp, điều

chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư. Ưu tiên công nghệ sử dụng trong dự án phải là công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường...

Thứ năm, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư sau cấp phép, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật về đầu tư...

Thứ sáu, chú trọng các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ theo định hướng tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã được cấp Giấy CNĐT.

Thứ bảy, tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các thủ tục đầu tư, xây dựng, thúc đẩy nhanh việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

• FDI ĐÓNG VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Hiện nay, Hà Nội có 3 cơ quan đầu mối thực hiện công tác quản lý nhà nước về FDI: Sở Kế Hoạch và Đầu tư; Ban quản lý các KCN và KCX; Ban quản lý KCN cao Hòa Lạc.

Theo thống kê, đến hết năm 2012, Hà Nội là địa phương đứng thứ 3 trên toàn quốc về thu hút vốn FDI. Cùng với các thành phần kinh tế khác, khu vực FDI đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng, là một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế Thủ đô. Từ

khi Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành năm 1987 và Dự án FDI đầu tiên được cấp phép trên địa bàn thành phố năm 1989, đến nay, sau 25 năm thực hiện, đã có trên 41 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia đầu tư trên địa bàn với 2.456 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 21,2 tỷ USD, tổng vốn thực hiện đạt khoảng 9,2 tỷ USD. Trong đó, Hàn Quốc dẫn đầu về số dự án đầu tư đăng ký với 665 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 3,83 tỷ USD,

Nhật Bản dẫn đầu về vốn đầu tư đăng ký với 4,22 tỷ USD và 471 dự án.



▲ Nguyễn Văn Sửu,
Phó Chủ tịch
UBND TP.
Hà Nội

• FDI GÓP PHẦN MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ VỚI KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI

Trong 15 năm qua, FDI đóng góp tích cực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc, đặc biệt là đóng góp vào giá trị sản xuất chung, trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp trung bình qua các giai đoạn chiếm trên 80%; Thu ngân sách chiếm 80 - 85%; Giá trị xuất khẩu từ 85 - 90%. Hiện nay, thu ngân sách của tỉnh xếp thứ 8 cả nước. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 1997 xếp thứ 45, từ năm 2007 đến nay xếp thứ 7 cả nước. GDP bình quân đầu người năm 1997 chỉ đạt 144 USD, năm 2010 đạt 1.777 USD, năm 2011 đạt 2.045 USD. Trên cơ sở đó, giai đoạn 2006 - 2010, Vĩnh Phúc đã đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh cho khu vực nông nghiệp, nông thôn khoảng

2.300 tỷ VND.

Bên cạnh đó, FDI góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới: hoạt động của các dự án đầu tư trực tiếp giúp tỉnh tiếp cận và mở rộng thị trường quốc tế, nâng cao năng lực xuất khẩu hàng hóa. Trong giai đoạn 2001 - 2005, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt trên 293 triệu USD, mức tăng bình quân đạt 134,2%/năm; giai đoạn 2006 - 2010, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1.573,787 triệu USD, gấp 5,4 lần so với 5 năm trước, mức tăng bình quân đạt 31,43%/năm; năm 2011, đạt 510 triệu USD. Đồng thời, góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng đa phương hóa, đa



▲ Ông Phùng Quang Hùng
Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc

dạng hóa, hợp tác hữu nghị với một số vùng, thành phố của các quốc gia có dự án đầu tư trên địa bàn. Đến nay, tỉnh đã đạt quan hệ hợp tác về kinh tế, văn hóa, đầu tư, thương mại với Hàn Quốc và Nhật Bản.

• TP. HỒ CHÍ MINH SẴN SÀNG ĐÓN NHẬN CÁC NHÀ ĐẦU TƯ



▲ Lê Mạnh Hà, Phó Chủ tịch
UBND TP. Hồ Chí Minh

TP. Hồ Chí Minh dẫn đầu cả về tổng vốn đầu tư (đạt xấp xỉ 32 tỷ USD, chiếm gần 16% cả nước) và số lượng dự án (chiếm gần 30% số dự án của cả nước) trong việc tiếp nhận nguồn vốn FDI.

Tính từ năm 1988 đến ngày 30/6/2012, tổng số dự án được cấp Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư còn hiệu lực trên địa bàn TP là 4.378 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 31,622 tỷ USD, vốn đầu tư thực hiện là 12,96 tỷ USD, đạt khoảng 42%. Trong tổng vốn FDI đầu tư vào TP có trên 62% là nhà đầu tư vào công nghiệp, dịch vụ. Các dự án công nghệ cao, công nghệ thông tin; các dự án đầu tư vào dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế của TP theo hướng tập trung phát triển các ngành có hàm lượng chất xám cao và dịch vụ cao cấp.

Với số lượng 16 KCN được thành lập với tổng diện tích trên 3.600 ha hiện nay, TP. Hồ Chí Minh là một trong những địa phương có số KCN nhiều nhất cả nước. Trong đó, có 8 KCN đạt tỷ lệ lấp đầy 100%. 4 KCN đạt tỷ lệ lấp đầy trên 85%. Kim ngạch xuất khẩu của các DN FDI trong KCN chiếm gần 10% của kim ngạch xuất khẩu chung và chiếm trên 60% kim ngạch xuất khẩu công nghiệp trên địa bàn. Theo quy hoạch đến năm 2020, TP sẽ có 24 KCX và KCN với tổng diện tích 6.152 ha sẵn sàng đón nhận các nhà đầu tư mới.



• MỘT NĂM THÀNH CÔNG TRONG THU HÚT FDI VÀO HẢI PHÒNG

Năm 2012, thu hút FDI của Hải Phòng không chỉ là tổng vốn, mà còn thể hiện ở lĩnh vực đầu tư và điểm đến của nhà đầu tư. Nhiều tập đoàn kinh tế có thương hiệu đã đầu tư vào Hải Phòng tạo hiệu ứng tốt cho việc xúc tiến và thu hút FDI.

Một số dự án sản xuất công nghiệp có ý nghĩa quan trọng thu hút từ các tập đoàn lớn, danh tiếng của Nhật Bản như: Dự án Nhà máy Sản xuất lốp xe ô tô (công suất 24.700 chiếc/ngày) của Bridgestone Corporation, vốn đầu tư 574,8 triệu USD, sử dụng 102 ha đất tại KCN Đình Vũ; Dự án Sản xuất thuốc tiêu chuẩn cao Nipro Pharma Corporation, vốn đầu tư 250



▲ Dương Anh Điền,
Chủ tịch UBND TP. Hải Phòng

triệu USD, sử dụng 15 ha đất tại KCN VSIP... Trong số các dự án đầu tư cấp mới năm 2012, Nhật Bản tiếp tục là quốc gia dẫn đầu với 16 dự án (chiếm

41,02%), vốn đầu tư 1,06 tỷ USD (chiếm 95,5%), tiếp đó là Malaixia (3 dự án, chiếm 7,7%; vốn đầu tư 14,91 triệu USD, chiếm 1,3%); Hàn Quốc (7 dự án, chiếm 17,9%; vốn đầu tư 14,3 triệu USD, chiếm 1,3%)...

Trong thời gian tới, Hải Phòng tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; Công khai, minh bạch hóa, cắt giảm thời gian xử lý các thủ tục hành chính trong cấp phép và quản lý dự án ở mức tối đa; Thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án; Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội...

• FDI VÀO QUẢNG NINH: NHỮNG BƯỚC CHUYỂN TÍCH CỰC

Trong thời gian qua, tình hình thu hút FDI của Quảng Ninh đã có những bước chuyển tích cực. Năm 2012, vốn đầu tư của các DN trong KCN đạt 53,3 triệu USD, trong đó, vốn FDI đạt 51,84 triệu USD, tăng nhiều so với năm 2011. Doanh thu của các DN FDI trong năm 2012 đạt 670 triệu USD, góp phần tạo việc làm cho 3.400 lao động và đóng góp ngân sách nhà nước 56,2 triệu USD.

Hiện, tỉnh đang tập trung kêu gọi đầu tư vào Dự án Đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái và hướng tới các dự án trọng điểm, như Dự án Cảng hàng không Quảng Ninh;

các dự án FDI sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Mặt khác, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính theo nguyên tắc công khai và đơn giản hóa; tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận cơ chế chính sách về đầu tư tại các KCN, KKT; Hỗ trợ các DN FDI giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh; Hướng dẫn các nhà đầu tư phát triển hạ tầng phối hợp với chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác hoàn thiện xây dựng cơ sở hạ tầng, đảm



▲ Phùng Danh Đài, Trưởng ban
Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh

bảo nhu cầu sử dụng của các nhà đầu tư thứ cấp...

• BÀ RỊA - VŨNG TÀU: ĐIỂM ĐẾN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ ĐÀI LOAN

Hiện Đài Loan đang xếp thứ 3 về đầu tư nước ngoài tại Bà Rịa - Vũng Tàu và đây cũng là một trong những thị trường chính trong chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh năm 2014. Trong những năm qua, nhiều DN của Đài Loan đã đẩy mạnh thực hiện các dự án đầu tư vào Bà Rịa - Vũng Tàu. Mới đây, trong tháng 10/2013, tại KCN Mỹ Xuân A2, Công ty CP China Steel

Sumikin Việt Nam đã khánh thành Nhà máy cán nguội thép tấm, công suất 1,2 triệu tấn/năm. Sản phẩm chính của nhà máy gồm: Thép cán nguội, tôn mạ, thép tấm điện, thép tẩy gỉ, thép phủ dầu cung cấp cho các ngành công nghiệp chế tạo (ống thép, máy móc, xây dựng, phụ tùng ô tô, xe máy, đồ gia dụng...). Đây là dự án được đầu tư lớn nhất của Tập đoàn Thép CSC với 51% trong tổng

vốn đầu tư. Theo đánh giá của các nhà đầu tư Đài Loan, với điều kiện cảng biển, đường giao thông thuận lợi, nguồn lao động dồi dào cùng với cơ sở hạ tầng được đầu tư phù hợp, Bà Rịa - Vũng Tàu luôn làm các nhà đầu tư Đài Loan hài lòng. Bên cạnh đó, môi trường đầu tư thông thoáng cũng là nhân tố hấp dẫn các DN Đài Loan gắn bó lâu dài với tỉnh.



Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực môi trường

PGS.TS. NGUYỄN THẾ CHINH

Phó Viện trưởng, Viện Chiến lược Chính sách TN&MT

Kể từ khi mở cửa hội nhập kinh tế thế giới (1986), đầu tư nước ngoài (ĐTNN) vào Việt Nam liên tục tăng trưởng qua các năm, đặc biệt là sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào năm 2007. Từ đó đến nay, Việt Nam luôn cam kết mở rộng thị trường, kêu gọi nguồn vốn đầu tư vào các lĩnh vực khác nhau, trong đó lĩnh vực môi trường, bao gồm xử lý nước thải, rác thải, khí thải, đánh giá tác động môi trường. Đây là cơ sở để thu hút vốn ĐTNN vào lĩnh vực môi trường, tuy nhiên, để thu hút nguồn vốn này đòi hỏi phải có nhiều chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà ĐTNN.



▲ PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh

CÁC CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐTNN VÀO LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

ĐTNN vào lĩnh vực môi trường đã được Đảng rất quan tâm, thể hiện trong một số chủ trương lớn: Chỉ thị số 36-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 24-NQ/TW của BCH TƯĐCSVN về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT.

Luật BVMT năm 2005 có nhiều điều khoản liên quan đến thu hút ĐTNN trong lĩnh vực môi trường, trong đó Điều 120 "Mở rộng hợp tác quốc tế về BVMT" khẳng định: Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, hỗ trợ hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, bảo tồn thiên nhiên và các hoạt động khác trong lĩnh vực BVMT.

Luật Đầu tư năm 2005, mặc dù không tách biệt thu hút đầu tư vào

lĩnh vực môi trường nhưng các điều khoản liên quan đến ĐTNN có một số điều thể hiện rõ các lĩnh vực môi trường, có lợi cho môi trường được khuyến khích thu hút đầu tư (Điều 27), những lĩnh vực ĐTNN có hại cho môi trường bị nghiêm cấm (Điều 30).

Chính phủ đã ban hành các Nghị định, thông tư hướng dẫn, đồng thời đã chi tiết hóa các nội dung thu hút ĐTNN vào lĩnh vực môi trường. Ví dụ, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư (NĐ 108), trong đó nêu rõ danh mục lĩnh vực được hưởng ưu đãi đầu tư. Theo Điều 26, NĐ 108, mức độ ưu đãi được chia ra làm 2 lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư. Trong đó, *lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư* gồm: Xử lý ô nhiễm và BVMT; sản xuất thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, thiết bị quan trắc và phân tích môi trường. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải. *Lĩnh vực ưu đãi đầu tư* gồm: Sản xuất thiết bị ứng phó, xử lý tràn dầu; Sản xuất thiết bị xử lý chất thải; Xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp, đầu tư xây dựng hệ thống

thoát nước.

Có thể nói, các chính sách thu hút ĐTNN trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam khá đầy đủ, cùng với việc gia nhập WTO, với cam kết mạnh mẽ về lĩnh vực dịch vụ môi trường đã thể hiện rõ chính sách của Đảng và Nhà nước nhất quán trong việc khuyến khích thu hút ĐTNN vào lĩnh vực môi trường.

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG VIỆC THU HÚT ĐTNN VÀO LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Thuận lợi: Thể chế chính trị Việt Nam ổn định là yếu tố thuận lợi thu hút các nhà ĐTNN vào Việt Nam nói chung và lĩnh vực môi trường nói riêng. Xét về nhu cầu ngành môi trường cần đầu tư, việc cung cấp các dịch vụ môi trường là rất quan trọng, trong đó có nhu cầu xử lý nước thải và chất thải rắn. Cùng với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, nhu cầu về BVMT ngày càng cao, trong khi khả năng cung cấp về dịch vụ môi trường của các doanh nghiệp trong nước còn nhiều hạn chế. Hiện nay, các chính sách tạo điều kiện cho môi trường đầu tư nói chung và lĩnh vực môi trường nói riêng ở Việt



▲ Cần có các chính sách ưu đãi đối với lĩnh vực xử lý môi trường

Nam đang hoàn thiện. Chính phủ khuyến khích các nhà ĐTNN cung cấp dịch vụ môi trường theo những cam kết của lộ trình gia nhập WTO. Việt Nam được xếp vào nhóm nước có thu nhập trung bình, vì vậy, cùng với việc tăng trưởng kinh tế, nhu cầu của người dân về các dịch vụ và sản phẩm thân thiện với môi trường cũng cao hơn. Mặt khác, do tính cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp ngày càng phải đối mặt với trách nhiệm xã hội và áp lực cạnh tranh về sản phẩm hàng hóa, do đó cần có các dịch vụ môi trường để xử lý ô nhiễm, nâng cao chất lượng và uy tín sản phẩm trên thị trường. Xét về hiệu quả kinh tế, chi phí đầu tư ở Việt Nam có những lợi thế nhất định so với một số nước trong khu vực, nhất là chi phí cho nhân công, điều đó làm gia tăng lợi nhuận của nhà đầu tư. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam đang có chủ trương tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang kết hợp cả chiều rộng và chiều sâu, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đây là nhân tố thuận lợi, thu hút ĐTNN vào môi trường, bởi lẽ đầu tư vào lĩnh vực môi trường đòi hỏi công nghệ cao, mang lại hiệu quả thiết thực.

Khó khăn, thách thức: So với các nước có thể chế kinh tế thị trường tốt, Việt Nam còn nhiều hạn chế khi thực hiện nguyên tắc “Người gây ô nhiễm và người hưởng lợi môi trường phải trả tiền”. Mặt khác, người dân và doanh nghiệp chưa có ý thức trả tiền để hưởng lợi từ các dịch vụ môi trường do khó khăn về tài chính và thu nhập thấp. Sự bao cấp của Nhà nước cho lĩnh vực môi trường vẫn còn lớn so với các quốc gia khác.

Mặc dù, chính sách thu hút ĐTNN vào lĩnh vực môi trường khá đầy đủ, nhưng vẫn chưa thực sự hấp dẫn đối với các nhà ĐTNN. Trước hết, do thủ tục hành chính còn phức tạp, gây phiền hà cho nhà đầu tư, chi phí dịch vụ cao như: điện, nước, vận tải, hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn ít, một số cơ chế chính sách chưa thông thoáng, gây cản trở như chính sách giải tỏa đền bù khi thu hồi đất... Tình trạng độc quyền Nhà nước trong lĩnh vực môi trường vẫn còn cao, nhất là ở cấp địa phương. Hiện nay, trong dịch vụ môi trường chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa; một số ngành liên quan đến công nghiệp môi trường chưa phát triển; chế tạo máy và thiết bị lớn chủ yếu vẫn thuộc các doanh nghiệp nhà nước.

Trong bối cảnh gia nhập WTO, tính cạnh tranh trong lĩnh vực thu hút vốn FDI và ODA có xu hướng ngày càng gay gắt do suy thoái kinh tế toàn cầu; Việt Nam chưa có các chính sách hấp dẫn để thu hút được nhiều tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp FDI có công nghệ cao. Cơ chế phối hợp công tư (PPP) tuy đã được triển khai thí điểm nhưng sức hấp dẫn và kết quả thu hút vốn vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng chưa cao, bao gồm hạ tầng kỹ thuật môi trường. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, sự phối hợp giữa các cơ quan Trung ương và địa phương, giữa các Bộ, ngành trong quản lý hoạt động FDI chưa tốt. Phân cấp mạnh trong quản lý FDI nhưng chưa gắn với việc nâng cao năng lực tổ chức thực hiện. Giám sát đầu tư còn yếu, chưa kịp thời phát hiện và xử lý những bất cập xảy ra của doanh nghiệp ĐTNN, những biện pháp răn đe đối với các hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư chưa đủ mạnh, nhất là các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng... do vậy khó phát triển lĩnh vực xử lý môi trường.

ĐỀ XUẤT CÁC KIẾN NGHỊ NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐTNN VÀO LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Trên cơ sở phân tích các chính sách, căn cứ vào những thuận lợi, khó khăn và hạn chế của Việt Nam, nhìn nhận bối cảnh kinh tế thế giới hiện nay và xu thế hội nhập mở cửa ngày càng sâu rộng của Việt Nam, để thu hút ĐTNN vào lĩnh vực môi trường, những vấn đề sau đây cần được cân nhắc trong thời gian tới.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nhất là việc sửa đổi Luật BVMT năm 2005 cho phù hợp với thể chế kinh tế thị trường nhằm thúc đẩy cạnh tranh và nâng cao chất lượng thu hút ĐTNN vào lĩnh vực môi trường cụ thể và có hiệu quả cao. Tăng mức xử phạt vi phạm hành chính đối với các cơ sở gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường để có sự răn đe.



Thứ hai, thúc đẩy mạnh mẽ hơn cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực ĐTNN nói chung và môi trường nói riêng. Tăng thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, khi đã được chấp nhận, cần rút ngắn thời gian tối đa để cấp phép cho nhà đầu tư triển khai nhanh tăng hiệu quả quay vòng vốn. Giảm tỷ lệ hệ số sử dụng vốn (ICOR) đầu tư cho các lĩnh vực ngang bằng và tiến tới thấp hơn các nước trong khu vực.

Thứ ba, cải thiện cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ cho nhà đầu tư trong lĩnh vực môi trường nhằm giảm chi phí trung gian và tăng hiệu quả đầu tư, hạ giá thành sản phẩm và dịch vụ.

Thứ tư, có chính sách đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao chất lượng lao động, nhất là lao động có trình độ và tay nghề cao có khả năng thực hiện yêu cầu và hấp dẫn nhà ĐTNN vào lĩnh vực môi trường.

Thứ năm, cần phải sớm sửa đổi NĐ 108 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định này đối với hoạt động FDI nhằm xử lý kịp thời các vướng mắc, khai thông hoạt động đầu tư và giải ngân. Sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi đầu tư để hấp dẫn các nhà đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, địa bàn cần thu hút đầu tư bao gồm cả môi trường. Xây dựng chính sách vận động, thu hút đầu tư đối với các tập đoàn đa quốc gia cũng như có chính sách riêng đối với từng tập đoàn và các đối tác trọng điểm như các quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu (EU), Mỹ, Nhật Bản đầu tư vào lĩnh vực môi trường.

Thứ sáu, rà soát vướng mắc của các văn bản liên quan, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành và Bộ, ngành với địa phương đối với thu hút vốn ĐTNN cho môi trường, tạo cơ chế thông thoáng để thực hiện.

Thứ bảy, tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh. Công bố công khai mọi quy trình, thủ tục có liên quan. Loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết và các loại phí không chính thức. Cần phải xử lý dứt điểm, kịp thời các vướng mắc trong quá trình cấp phép, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư không chỉ cho các lĩnh vực kinh tế khác mà cả lĩnh vực môi trường■

Tạo cú hích cho các doanh nghiệp FDI trong công tác bảo vệ môi trường

Theo nhận định của một số chuyên gia kinh tế, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đang bước sang một giai đoạn mới khi cách thức tiếp cận nguồn vốn quan trọng này đã thay đổi về cơ bản. Sẽ không còn tình trạng thu hút FDI bằng mọi giá khi nguồn vốn đầu tư đang được đa dạng hóa, cùng với những đòi hỏi về phát triển kinh tế bền vững và trách nhiệm BVMT đang được đặt ra khắt khe hơn bao giờ hết.

HỆ QUẢ TỪ QUẢN LÝ FDI THIẾU CHẶT CHẼ

Những năm qua, hoạt động của các doanh nghiệp FDI đã tạo ra tác động lan tỏa tích cực đối với các doanh nghiệp trong nước, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Sự hiện diện của các doanh nghiệp FDI đã khơi dậy nguồn lực đầu tư trong nước, tạo sức ép cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới và chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, việc thu hút FDI một cách ồ ạt và quản lý FDI thiếu chặt chẽ đã gây ra những tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội, làm gia tăng ô nhiễm môi trường, nguy cơ nhập khẩu công nghệ lạc hậu từ các nước... Thực tiễn trên thế giới cho thấy, nếu các doanh nghiệp FDI không nhận thức được hết trách nhiệm của mình để đầu tư BVMT thì những tổn thất mà xã hội phải gánh chịu sẽ lớn hơn rất nhiều lần những lợi ích kinh tế mà các doanh nghiệp này mang

lại. Ví dụ, ở Ấn Độ, Chính phủ đã phải vay Ngân hàng Phát triển Châu Á 3,5 tỷ USD để làm sạch con sông Citarum. CHLB Đức cũng phải chi hàng chục tỷ USD để làm sạch và phục hồi trạng thái ban đầu của sông Rhein trong vòng 30 năm từ năm 1972 - 2000. Không đầu tư, Trung Quốc cũng đang phải trả giá cho tốc độ phát triển kinh tế quá nhanh khi phải bỏ ra khoảng 10% GDP mỗi năm để phục hồi môi trường và chi trả các dịch vụ y tế cho các nạn nhân bị ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường.

Trong những năm qua, tại Việt Nam, số lượng doanh nghiệp FDI vi phạm các quy định về BVMT, đặc biệt là hành vi xả chất thải độc hại ra môi trường ngày một nhiều. Việc đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường tại nhiều doanh nghiệp chỉ mang tính chất đối phó với các cơ quan chức năng chứ chưa xuất phát từ ý thức. Theo báo cáo "Điều tra thực trạng đầu tư cho BVMT trong khu vực FDI" của Cục Đầu tư nước



ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), năm 2011, qua khảo sát 480 doanh nghiệp FDI trên 14 tỉnh, TP có 69% doanh nghiệp đầu tư cho BVMT dưới 5% tổng vốn đầu tư, 55% doanh nghiệp không đầu tư dây chuyền xử lý chất thải. Cùng với đó, các nước phát triển như Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan... tăng cường “thanh lý” và “chuyển giao” những công nghệ cũ, lạc hậu, trong đó có nhiều loại rác thải nguy hại sang Việt Nam. Sau những bài học từ vụ vi phạm quy định về BVMT của Công ty Vedan ở Đồng Nai; Công ty Tung Kuang ở Hải Dương hay Công ty TNHH Longtech Precision Việt Nam ở Bắc Ninh có thể thấy, mối quan hệ giữa tăng trưởng và cái giá của môi trường là vấn đề cần được quan tâm hàng đầu trong chiến lược phát triển của mỗi doanh nghiệp, mỗi ngành, mỗi địa phương và mỗi quốc gia.

THAY ĐỔI TƯ DUY VỀ THU HÚT FDI

Đã đến lúc, Việt Nam phải từ chối những dự án FDI gây ô nhiễm môi trường, loại bỏ những dự án có hại cho môi trường, tàn phá tài nguyên thiên nhiên và chỉ chấp nhận những dự án FDI có chất lượng, hàm lượng công nghệ cao và thân thiện với môi trường. Theo ý kiến của các chuyên gia kinh tế, Chính phủ các nước có quyền lựa chọn dự án và đối tác đầu tư một cách chủ động, từ chối cấp phép những dự án FDI không bảo đảm tiêu chuẩn lao động, tiền lương, không phù hợp với lợi ích cộng đồng, không bảo đảm an toàn toàn lao động, gây ô nhiễm môi trường, khai thác cạn kiệt tài nguyên. Việc thu hút FDI theo hướng chọn lọc, nâng cao chất lượng góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu và hướng đến phát triển bền vững. BVMT đối với nhiều doanh nghiệp không còn là nghĩa vụ phải thực hiện, mà là lợi ích thiết thực, cũng như mục tiêu vươn tới. Trong những năm



▲ VSIP Quảng Ngãi là mô hình doanh nghiệp FDI thân thiện với môi trường

qua, nhiều doanh nghiệp FDI với lợi thế về vốn, khoa học công nghệ và kinh nghiệm quản lý đã áp dụng các biện pháp xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường được các Bộ, ban, ngành của Việt Nam và xã hội công nhận như: Công ty Ford Việt Nam với Cúp vàng Môi trường (2007) do Bộ TN&MT trao tặng, Công ty Khu công nghiệp Việt Nam- Singapore (VSIP) đạt Giải doanh nghiệp thân thiện với môi trường tại Giải thưởng Rồng vàng năm 2009, Công ty TNHH ô tô Toyota Việt Nam (TMV) là một trong những doanh nghiệp FDI tiên phong trong việc khởi xướng và thực hiện các dự án, chương trình lớn về BVMT... Qua đánh giá, các doanh nghiệp này đều rất quan tâm đến sản xuất cũng như BVMT vì họ xác định, phát triển thương hiệu đi đôi với trách nhiệm BVMT, họ đã đầu tư các trang thiết bị để sản xuất sạch hơn, thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng và môi trường.

Hiện nay, Việt Nam đang nỗ lực thực hiện Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh, thay đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững dựa trên việc phát thải các bon thấp, sản xuất và tiêu dùng “xanh”, sử dụng hiệu quả tài

nguyên thiên nhiên. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu, việc thu hút nguồn vốn FDI vào nước ta lại càng trở nên quan trọng, tuy nhiên cần phải chọn lọc các dự án đầu tư để đảm bảo các mục tiêu đã đề ra trong tiến trình Xanh hóa nền kinh tế. Bên cạnh việc “trải thảm đỏ” mời gọi những nhà đầu tư có trách nhiệm với xã hội, môi trường thì cũng phải từ chối những nhà đầu tư chỉ vì cái lợi trước mắt mà hủy hoại môi trường. Việt Nam cần chủ động lựa chọn đối tác theo từng lĩnh vực thu hút đầu tư, tập trung vào những ngành sử dụng công nghệ cao, hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường, đồng thời, có thêm nhiều chính sách ưu đãi về vay vốn, lãi suất, thuế... đối với những dự án thân thiện môi trường như năng lượng tái tạo, xây dựng công trình xanh, tái chế chất thải...

Nếu thực hiện tốt công tác BVMT trong hoạt động sản xuất thì doanh nghiệp không chỉ có được lợi nhuận về chi phí sản xuất, thương hiệu trên thị trường, tạo nền tảng cho phát triển bền vững mà còn góp phần thúc đẩy vào hành trình Tăng trưởng xanh của đất nước■

P.LINH



Áp dụng tích hợp sản xuất sạch hơn và tiết kiệm năng lượng trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp

TRẦN AN

Công ty tư vấn EPRO

Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên trong sản xuất công nghiệp không chỉ đem lại lợi ích về môi trường mà còn trực tiếp mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, Chính phủ đã xác định việc áp dụng sản xuất sạch hơn (SXSH) và các biện pháp tiết kiệm năng lượng (TKNL) trong công nghiệp là một trong những yếu tố then chốt để đảm bảo phát triển công nghiệp bền vững. Chiến lược SXSH trong công nghiệp đến năm 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thể hiện sự quyết tâm của Việt Nam trong việc phát triển một nền công nghiệp bền vững, đồng thời tạo các điều kiện thuận lợi để thúc đẩy việc áp dụng SXSH và TKNL trong các doanh nghiệp công nghiệp. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, việc triển khai đồng thời SXSH và TKNL có thể làm cho các doanh nghiệp lúng túng khi lựa chọn.

Từ thực tế sản xuất công nghiệp cho thấy, thất thoát trong quá trình sản xuất, dưới dạng các phát thải, bao gồm hai dạng tài nguyên cơ bản là nguyên vật liệu và năng lượng. Trong khi các thất thoát nguyên vật liệu là hữu hình (trong các dòng thải) thì đối với năng lượng, trong nhiều trường hợp, các thất thoát là vô hình (khi hiệu suất khai thác thiết bị thấp) hoặc ẩn bên trong thất thoát vật liệu (ví dụ như thất thoát nước do rò rỉ cũng gây nên tổn thất phần năng lượng dùng để bơm lượng nước bị rò rỉ đó). Điều này khẳng định, tổn

thất nguyên vật liệu và năng lượng có quan hệ chặt chẽ với nhau và nếu chỉ áp dụng SXSH (tập trung vào các dòng vật liệu) hoặc TKNL (tập trung vào năng lượng) doanh nghiệp có khả năng sẽ bỏ lỡ các cơ hội cải tiến thông qua việc xác định và loại bỏ các thất thoát vô hình hoặc thất thoát ẩn. Chính vì vậy, giải pháp tốt nhất đối với doanh nghiệp công nghiệp là áp dụng tích hợp SXSH và TKNL.

Mặc dù có những sự khác biệt nhất định khi SXSH chú trọng tới việc kiểm soát các dòng vật chất còn TKNL chú trọng tới kiểm soát các dòng năng lượng nhưng với sự tương đồng về nguyên tắc, phương pháp và kỹ thuật thực hiện thì việc áp dụng tích hợp SXSH và TKNL hoàn toàn khả thi và đem lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp. Hãy cùng xem xét các điểm tương đồng nói trên:

Về mặt nguyên tắc, cả SXSH và TKNL đều phải tiếp cận và thực hiện một cách có hệ thống: Ưu tiên và tập trung vào các biện pháp phòng ngừa; Đề cao vai trò của người lãnh đạo và sự tham gia của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

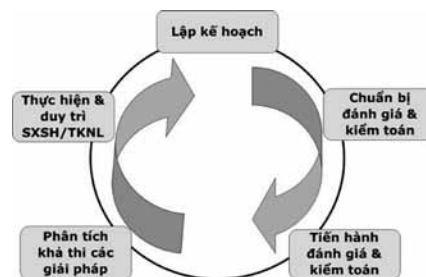
Về phương pháp thực hiện, SXSH và TKNL được thực hiện thông qua

các bước: Lập kế hoạch; Chuẩn bị đánh giá và kiểm toán; Phân tích hiện trạng thông qua đánh giá và kiểm toán; Xác định và lựa chọn giải pháp; Thực hiện và duy trì.

Về các kỹ thuật thực hiện, SXSH và TKNL cùng áp dụng các kỹ thuật sau:

Tăng cường quản lý nội vi: SXSH và TKNL luôn đề cao việc thực hành quản lý nội vi tốt như là một giải pháp đơn giản, tiết kiệm đem lại hiệu quả đáng kể. Việc quản lý nội vi tốt trong nhà máy sẽ đảm bảo: Khắc phục các rò rỉ nguyên liệu và năng lượng; Duy trì hiệu suất làm việc cao nhất của các máy móc thiết bị; Giảm các sản phẩm kém chất lượng nhờ sắp xếp gọn gàng, tránh các sai hỏng gây ra do đổ vỡ, dính các tạp chất...

Kiểm soát quá trình sản xuất: Bao gồm việc tổ chức sản xuất tốt và kiểm soát các thông số công nghệ sản xuất. Việc tổ chức khoa học sẽ giúp loại bỏ hoặc giảm bớt thời gian máy chạy không tải hoặc chạy không đầy tải do phải chờ đợt nguyên liệu hay bán thành phẩm, từ đó góp phần giảm các thất thoát năng lượng vô hình. Đồng thời, việc kiểm soát các thông số công nghệ sẽ đảm bảo kiểm soát chất lượng sản phẩm cũng như các tiêu thụ nguyên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất. Trong thực tế, tại một số cơ sở dệt nhuộm, do không kiểm soát tốt quá trình sản xuất, một mẻ vải sau nhuộm không đạt chất lượng sẽ phải nhuộm lại. Khi đó không chỉ tiêu hao nước, hóa chất, thuốc nhuộm mà cả lượng nước





▲ Lò nung gốm sử dụng gas LPG có hệ thống kiểm soát nhiệt độ TKNL

▲ Kiểm soát tốt các thông số công nghệ để loại bỏ các lỗi kỹ thuật gây lãng phí

thải thải ra môi trường cũng gia tăng. Tương tự, trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và các sản phẩm ceramic, nếu không kiểm soát tốt các thông số công nghệ thì tỷ lệ sản phẩm hỏng sau quá trình nung sẽ tăng cao, gây ra các lãng phí cả về nguyên liệu lẫn năng lượng.

Thay thế nguyên nhiên liệu: Là việc sử dụng các loại nguyên nhiên liệu có chất lượng, hiệu suất cao hoặc ít gây nguy hại tới môi trường. Trong nhiều trường hợp, người ta có thể sẽ phải sử dụng loại nguyên nhiên liệu đắt tiền, nhưng giúp giảm chi phí sản xuất (nhờ hiệu suất cao hơn), đồng thời, nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc sử dụng gas LPG trong các lò nung gốm sứ thay thế cho dùng than là một ví dụ điển hình.

Ngoài ra, việc thay thế nguyên nhiên liệu còn có thể thực hiện bằng cách tận dụng các nguồn nhiên liệu tự nhiên sẵn có ở địa phương phù hợp với nhu cầu sử dụng, giúp doanh nghiệp giảm chi phí cũng như góp phần giảm chất thải. Việc các cơ sở sản xuất gạch nung ở Đồng bằng sông Cửu Long sử dụng nguồn trấu sẵn có để đốt thay thế cho than là một ví dụ tiêu biểu.

Tuần hoàn tái sử dụng: Đây là một trong những kỹ thuật phổ biến được áp dụng cả trong SXSH và TKNL. Các hệ thống thu hồi bột trong nước thải sản xuất giấy, tuần hoàn nước mạ trong ngành mạ, thu hồi nhiệt khói thải lò đốt hay xử lý nước thải thu hồi biogas để đốt lò sấy thay thế cho việc mua nhiên liệu tại các nhà máy tin bột sản là các ví dụ điển hình của việc áp dụng kỹ thuật tuần hoàn tái sử dụng trong SXSH và TKNL.

Cải tiến thiết bị: Là giải pháp nhằm đạt mục tiêu nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng và tăng năng suất. Các ví dụ về việc cải tiến thiết bị điển hình trong công nghiệp bao gồm lắp thêm biến tần cho các động cơ, cải tiến hệ thống kiểm soát cấp gió cho lò hơi, bổ sung bơm áp lực cao và dùng vòi xịt có khóa ở tay cầm để nâng cao hiệu quả rửa và tiết kiệm nước trong các cơ sở chế biến thực phẩm, thủy sản...

Đổi mới thiết bị và công nghệ: Sử dụng các thiết bị hoặc công nghệ tiên tiến hơn, để nâng cao hiệu suất về tiêu thụ năng lượng và nguyên vật liệu. Đổi mới thiết bị và công nghệ luôn

đòi hỏi phải đầu tư tài chính nhưng đảm bảo đem lại nhiều lợi ích như tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm phát thải... Hệ thống lò nung gốm sứ sử dụng gas LPG có hệ thống kiểm soát nhiệt độ, công nghệ sơn tĩnh điện trong xử lý bề mặt hay hệ thống rửa ngược dòng trong chế biến nông sản thực phẩm là những ví dụ điển hình về việc áp dụng các công nghệ và thiết bị mới.

Qua các phân tích và ví dụ nêu trên, việc áp dụng tích hợp SXSH với TKNL trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp là hoàn toàn khả thi. Ngoài ra, thông qua việc áp dụng tích hợp, doanh nghiệp còn đạt được các lợi ích khác, bao gồm: Nhất quán các mục tiêu cải tiến SXSH và TKNL; Tiết kiệm chi phí và thời gian thực hiện; Nâng cao hiệu quả đầu tư; Nâng cao hình ảnh và tiềm năng mở rộng thị phần bằng các sản phẩm “xanh” thân thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng; Tăng cường khả năng tiếp cận tới các quy tính dụng (vay đầu tư, tài trợ...); Tạo điều kiện thực hiện tích hợp Hệ thống quản lý môi trường ISO 14000 và quản lý năng lượng ISO 50000■



ĐỒNG NAI:

Điểm hẹn lý tưởng của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài

Nhìn lại chặng đường sau 25 năm thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) của cả nước, Đồng Nai là một trong những tỉnh đạt kết quả khả quan. Chính sự tham gia của nguồn FDI đã góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT- XH) tỉnh. Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai Phan Thị Mỹ Thanh về những thành quả thu hút FDI của Đồng Nai trong những năm qua.

***Xin bà cho biết, vai trò của FDI đối với việc phát triển KT- XH tại tỉnh Đồng Nai thời gian qua?**

Bà Phan Thị Mỹ Thanh: Đến tháng 9/2013, trên địa bàn tỉnh có 1.365 dự án FDI được cấp phép với tổng vốn đăng ký 23,6 tỷ USD. Hiện nay đã có 40 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào tỉnh Đồng Nai. Hầu hết các nhà đầu tư nước ngoài trên địa bàn đều triển khai thực hiện dự án nghiêm túc, đúng tiến độ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tốt.

Việc phát triển FDI đã góp phần đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tăng cao và chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa; Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân giai đoạn 1991- 2011 trên 12,5%, năm 2012 đạt 12,1%, ước năm 2013 là 11,5%. Cơ cấu kinh tế từ một nền kinh tế với nông nghiệp là chủ đạo, chiếm trên 50% GRDP chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp hóa, dự kiến đến cuối năm 2013, ngành công nghiệp xây dựng chiếm (56,9%); ngành dịch vụ (36,8%); ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (6,3 %).

Hiện các doanh nghiệp (DN) FDI đã giải quyết công ăn việc làm cho

trên 520.000 lao động trực tiếp, đồng thời cũng từng bước hình thành một đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề. Bên cạnh đó, thông qua quy hoạch bố trí dự án đầu tư, FDI góp phần công nghiệp hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn, miền núi.

Ngoài ra, các DN FDI đã có đóng góp đáng kể cho các hoạt động xã hội như tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo, tặng nhà tình thương, tình nghĩa, xây dựng các công trình phúc lợi, tài trợ các hoạt động văn hóa, thể thao, ủng hộ đồng bào vùng thiên tai, bão lụt ... Nhiều DN FDI đã tạo điều kiện thuận cho các tổ chức chính trị - xã hội thành lập và hoạt động trong DN.

Các DN FDI chiếm 41% cơ cấu GRDP, 62% giá trị sản lượng công nghiệp, 91% kim ngạch xuất khẩu đóng góp trên 40% thu ngân sách trên địa bàn tỉnh, khẳng định vai trò, vị trí và tầm quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển KT- XH của địa phương.

***Đồng Nai đã đón “dòng chảy” FDI vào địa phương một cách hiệu quả với nhiều dự án có công nghệ hiện đại và có giá trị gia tăng cao, vậy bà có thể chia sẻ kinh nghiệm cũng như**



▲ Bà Phan Thị Mỹ Thanh,
Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai

chính sách thu hút vốn FDI trên địa bàn tỉnh theo định hướng phát triển bền vững?

Bà Phan Thị Mỹ Thanh: Qua kết quả của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài, Đồng Nai đã rút ra một số kinh nghiệm như: Nâng cao chất lượng quy hoạch, phù hợp quy hoạch trên toàn tỉnh. Việc thu hút đầu tư căn cứ theo quy hoạch đã được duyệt. Chú trọng công tác xúc tiến đầu tư quảng bá hình ảnh Đồng Nai đến các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các nhà đầu tư Nhật Bản, Hàn Quốc...

Quan tâm thực hiện chủ trương “chính quyền đồng hành cùng DN”, giải quyết hồ sơ của DN bằng cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” với thủ tục rõ ràng, công khai, minh bạch. Khi đến với Đồng Nai, các nhà đầu tư sẽ không đơn độc mà luôn có sự sát cánh cùng hợp tác, hỗ trợ, chia sẻ của chính quyền các cấp. Chủ trương của tỉnh là không thu hút đầu tư bằng cách ban hành các ưu đãi riêng ngoài quy định pháp luật hiện hành mà chủ yếu tạo lập một môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh, tăng cường cải tiến thủ tục



hành chính và các hoạt động hỗ trợ DN, để họ an tâm đầu tư phát triển.

Bên cạnh đó, Đồng Nai đã thực hiện chọn lọc dự án theo hướng ưu tiên phát triển dự án các ngành công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, các dự án có giá trị gia tăng cao, ít tiêu tốn năng lượng, thân thiện môi trường. Đặc biệt, nhằm BVMT lưu vực sông Đồng Nai, tỉnh đã tạm dừng hoặc hạn chế cấp giấy phép đầu tư một số loại dự án có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước. Ngoài ra, đối với các KCN chưa có trạm xử lý nước thải, hoặc có trạm xử lý nước thải đang hoạt động nhưng không đảm bảo công suất thì vẫn không được thu hút đầu tư.

Với những tiềm năng, thế mạnh sẵn có, cùng với sự phối hợp kịp thời trong chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh, Đồng Nai đang phát triển theo hướng bền vững và luôn là điểm hẹn lý tưởng của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

★Thưa bà, bên cạnh những đóng góp cho việc phát triển KT - XH, trách nhiệm của các DN FDI với công tác BVMT tại địa phương như thế nào?

Bà Phan Thị Mỹ Thanh: Nhìn chung, các DN FDI tại Đồng Nai có ý thức chấp hành pháp luật BVMT; thực hiện đầy đủ thủ tục đánh giá

tác động môi trường trước khi đi vào hoạt động; chủ động trong kế hoạch, biện pháp thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh, thực hiện kê khai và nộp phí BVMT đối với chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất.

Thời gian qua mặc dù trong bối cảnh kinh tế chung gặp nhiều khó khăn nhưng nhiều DN FDI đã nỗ lực phấn đấu, đầu tư kinh phí đáng kể cho công tác khắc phục ô nhiễm môi trường. Điển hình trong số này có thể kể đến Công ty CPHH Vedan Việt Nam, đã đầu tư khoảng 33 triệu USD; Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam, đã đầu tư khoảng 17 triệu USD cho các công trình, biện pháp BVMT. Kết quả đến nay, nhiều DN FDI đã được chứng nhận hoàn thành việc khắc phục ô nhiễm với tỷ lệ khoảng 72% (63/88 cơ sở), là tỷ lệ khá cao so với nhiều tỉnh, thành phố trong khu vực và trên cả nước.

Bên cạnh đó, nhiều DN FDI cũng đã hình thành được hệ thống tiêu chuẩn về quản lý môi trường, được công nhận đạt chuẩn ISO 14000; đạt các giải thưởng về môi trường, đăng ký tham gia phong trào DN thân thiện với môi trường, góp phần từng bước xây dựng văn hóa, môi trường kinh doanh tiến bộ tại Đồng Nai.

★Thời gian vừa qua, một số DN FDI chưa có nhận thức đúng đắn về BVMT, theo bà nguyên nhân và cách khắc phục tình trạng này?

Bà Phan Thị Mỹ Thanh: Như tôi đã trình bày, trong khoảng hơn một nghìn DN FDI đến đầu tư tại Đồng Nai, không tránh khỏi một số ít DN chưa thật sự nhận thức và hành động đúng đắn về BVMT trong sản xuất, kinh doanh.

Qua theo dõi các trường hợp vi phạm pháp luật về BVMT, chúng tôi nhận thấy, một trong những nguyên nhân chính là do DN tự ý mở rộng sản xuất, nâng công suất mà thiếu đầu tư đồng bộ cho yêu cầu về BVMT. Nói cách khác, đây là hành vi chạy theo lợi nhuận đơn thuần của DN mà chưa quan tâm đến trách nhiệm BVMT. Các trường hợp này đã dẫn đến hậu quả đáng tiếc cho phía DN, thiệt hại lớn về kinh phí phải chi trả khắc phục ô nhiễm và quan trọng hơn là ảnh hưởng xấu đến uy tín, thương hiệu DN phải gây dựng nhiều năm.

Nguyên nhân khác, có phần khách quan hơn, đó là do tình hình khó khăn chung về kinh tế trong những năm qua khiến nguồn kinh phí đầu tư cho BVMT của DN bị



▲ Đồng Nai ưu tiên phát triển các ngành công nghệ cao ít tiêu tốn năng lượng, thân thiện môi trường



giảm sút, không đầu tư kịp thời cho BVMT. Mặt khác, việc thực hiện công trình, biện pháp BVMT cũng cần nhiều thời gian, hiểu biết; trong khi đó, đa số DN vẫn thiếu nhân sự chuyên trách, am hiểu về pháp luật và chuyên môn về lĩnh vực BVMT. Nhân viên môi trường tại các DN thường phải kiêm nhiệm nhiều việc, không phù hợp chuyên môn, không ổn định lâu dài; do vậy tình trạng không nắm bắt, không cập nhật kịp thời quy định pháp luật về BVMT còn khá phổ biến.

Để khắc phục tình trạng này, thời gian tới UBND tỉnh sẽ tăng cường chỉ đạo mở rộng và đổi mới nội dung, phương thức truyền thông môi trường để giúp doanh nghiệp FDI nâng cao nhận thức; cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn đơn giản, để giúp các DN FDI dễ dàng thực hiện các quy định pháp luật về BVMT.

Đồng thời, UBND tỉnh cũng sẽ duy trì tổ chức định kỳ các cuộc gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với các DN FDI để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình sản xuất kinh doanh.

***Hiện nay, công tác thu hút FDI vào lĩnh vực môi trường đã được tỉnh Đồng Nai triển khai như thế nào, thưa bà?**

Bà Phan Thị Mỹ Thanh: Việc thu hút đầu tư nói chung và FDI nói riêng vào lĩnh vực môi trường được tỉnh Đồng Nai quan tâm triển khai, để trở thành một trong những ngành công nghiệp của tỉnh. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương xây dựng Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường tỉnh Đồng Nai, giai đoạn đến năm 2020 trong Chiến lược phát triển công nghiệp của tỉnh.

Nhìn chung, các chủ dự án đầu tư ở lĩnh vực môi trường sẽ được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị định 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ, bao gồm các nội dung ưu đãi về thuế, phí, giá thuê đất... Bước đầu, tỉnh đã thu hút được một số dự án đầu tư trong nước ở lĩnh vực xử lý chất thải. Bên cạnh đó, Đồng Nai đang thực hiện các thủ tục để triển khai dự án từ nguồn vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản để đầu tư hệ thống xử lý nước thải cho thành phố Biên Hòa, đã hoàn tất hồ sơ trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Chính phủ Nhật Bản xem xét cấp vốn ODA cho dự án. Ngoài ra, tỉnh đang triển khai chương trình hợp tác với vùng Kansai - Nhật Bản, trong đó có nội dung kêu gọi phía Kansai hỗ trợ tỉnh trong lĩnh vực cải thiện môi trường và tiết kiệm năng lượng.

***Xin cảm ơn bà.**

PHẠM TUYÊN (Thực hiện)

CẦN THƠ MỜI GỌI ĐẦU TƯ VÀO 27 DỰ ÁN

TP. Cần Thơ hiện đang tập trung mời gọi đầu tư vào 27 dự án ở các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng khu đô thị mới, khu du lịch... với trị giá 28.187 tỷ đồng. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, Cần Thơ có chủ trương hỗ trợ một phần lãi suất cho nhà đầu tư khi vay vốn tín dụng để đầu tư; hỗ trợ 20% lãi suất vay vốn đầu tư đối với vốn vay trong hạn của dự án. Đồng thời, TP còn hỗ trợ một phần kinh phí cho nhà đầu tư khi tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch theo chương trình đã được duyệt hàng năm.

NAM ĐỊNH: TẬP TRUNG THỰC HIỆN NHIỀU GIẢI PHÁP CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

Trước thực trạng khó khăn chung của doanh nghiệp, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở ban ngành, các huyện và thành phố tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 7/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ mở rộng thị trường, giải quyết nợ xấu.

Tỉnh đã tập trung thực hiện miễn giảm, giãn thời hạn nộp thuế cho doanh nghiệp; Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, đổi mới công nghệ; Tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng; tiếp cận đất đai. Trên cơ sở các cơ chế đã ban hành, đẩy mạnh giải quyết các chi phí hỗ trợ đào tạo lao động, cán bộ quản lý, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp.

Những tháng cuối năm 2013, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh việc thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, chỉ đạo và vận dụng tốt các chỉ thị, cơ chế chính sách, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ tạo việc làm cho doanh nghiệp và nâng cao đời sống người lao động.

BÌNH ĐỊNH: HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ NHỜ THỦ TỤC NHANH GỌN

Khi đầu tư vào Bình Định, ngoài chính sách ưu đãi đầu tư của Chính phủ, nhà đầu tư còn được hưởng các chính sách sau của tỉnh như: Hỗ trợ tối thiểu 50% kinh phí đào tạo công nhân kỹ thuật, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho lao động; Hỗ trợ một phần kinh phí tham gia hội chợ triển lãm để tiếp cận, khai thác mở rộng thị trường trong và ngoài nước; Hỗ trợ xác định nguồn nước ngầm, xử lý nước thải; Thời gian thụ lý và hỗ trợ thủ tục hành chính trong lập và triển khai dự án đầu tư được quy định cụ thể; Hỗ trợ 150 triệu đồng/ha và hỗ trợ 15% mức đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải... Với những chính sách thông thoáng, Bình Định coi lợi ích hợp pháp và thành công của nhà đầu tư là lợi ích của chính mình. Các Sở, ban ngành và hệ thống chính quyền các cấp ở Bình Định không ngừng cải tiến thủ tục hành chính, giải quyết kịp thời các yêu cầu nhằm tạo nên môi trường đầu tư thuận lợi nhất.



Vĩnh Phúc ưu tiên các doanh nghiệp FDI đầu tư công nghệ cao, thân thiện với môi trường

“Những doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FDI) đầu tư vào Vĩnh Phúc hầu hết chấp hành tốt các chính sách, pháp luật về BVMT. Tuy nhiên, vẫn còn một số doanh nghiệp (DN) chưa thực hiện đầy đủ quy định về pháp luật BVMT. Để khắc phục tình trạng này, sắp tới tỉnh có hướng ưu tiên lựa chọn các DN FDI đầu tư công nghệ cao, thân thiện với môi trường” - Đó là ý kiến của ông Nguyễn Văn Lộc - Giám đốc Sở TN&MT Vĩnh Phúc trong cuộc trao đổi với Tạp chí Môi trường về vai trò của DN FDI trên địa bàn tỉnh thời gian qua.



▲ Ông Nguyễn Văn Lộc - Giám đốc Sở TN&MT Vĩnh Phúc

***Xin ông cho biết, thực trạng môi trường trong các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thời gian qua?**

Ông Nguyễn Văn Lộc: Trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có 20 khu công nghiệp (KCN) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục quy hoạch phát triển các KCN của cả nước đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Tổng diện tích quy hoạch là 5.965 ha.

Trong thời gian qua, nhờ nỗ lực của các cơ quan quản lý nhà nước, công tác BVMT tại các KCN đã có những chuyển biến tích cực. Các Công ty đầu tư hạ tầng KCN đã tiến hành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) theo quy định và thực hiện các hoạt động sau thẩm định; đã có 4 KCN xây hạ

tầng hệ thống thu gom xử lý nước thải KCN Kim Hoa, Bình Xuyên, Bá Thiện, Khai Quang; tuy nhiên hầu hết các khu công nghiệp chưa có hệ thống trạm tập kết, trung chuyển chất thải rắn.

Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh trong các KCN, 100% cơ sở đã tiến hành lập báo cáo ĐTM, bản cam kết BVMT trình cơ quan thẩm quyền trước khi đi vào hoạt động và thực hiện việc giám sát môi trường, lập báo cáo định kỳ công tác BVMT gửi cơ quan chức năng đúng quy định. Mặt khác, được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường xác nhận hoàn thành các nội dung của báo cáo ĐTM và Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.

Về công tác quản lý chất thải, hầu hết các cơ sở sản xuất trong các KCN tại Vĩnh Phúc đã thực hiện phân loại chất thải; đăng ký chủ

nguồn thải chất thải nguy hại; ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải với các tổ chức, cá nhân có chức năng. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế, vẫn còn một số cơ sở chưa phân loại rác thải ngay tại nguồn; chưa thực hiện đầy đủ biện pháp BVMT trong lưu trữ, bảo quản chất thải rắn, chất thải nguy hại. Hiện nay các cơ sở trong các KCN đều lắp đặt hệ thống xử lý khí thải phát sinh, tuy nhiên, một số cơ sở vẫn chưa xử lý đạt quy chuẩn ban hành.

***Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn một số DN FDI chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp BVMT... Theo ông cần những giải pháp gì để khắc phục tình trạng trên?**

Ông Nguyễn Văn Lộc: Những doanh nghiệp FDI đầu tư vào Vĩnh Phúc hầu hết chấp hành tốt pháp luật về BVMT. Đặc biệt là các doanh



▲ Công ty TNHH HJC VINA quyết định chọn Vĩnh Phúc là điểm đến để đầu tư sản xuất kinh doanh vì nhận được nhiều chính sách ưu đãi của địa phương

ngiệp Nhật Bản và Hàn Quốc. Tuy nhiên, vẫn còn một số DN chưa thực hiện đầy đủ quy định về pháp luật BVMT. Để khắc phục tình trạng trên, trước hết những DN FDI phải được bố trí vào các KCN đã có đầy đủ hạ tầng nhất là hạ tầng BVMT. Đồng thời, chỉ lựa chọn các DN FDI công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Không chấp nhận những doanh nghiệp sản xuất có nguy cơ ô nhiễm cao. Để thực hiện tốt vấn đề này cần triển khai một số các giải pháp:

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT của các DN, kiên quyết xử lý những đơn vị vi phạm các quy định của Nhà nước về BVMT; Công khai về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT của các cơ sở sản xuất nhằm khuyến khích các đơn vị thực hiện.

Yêu cầu các DN kinh doanh cơ sở hạ tầng của các khu, cụm công nghiệp phải hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng KCN, nhất là hạ tầng BVMT như hệ thống thu gom xử lý nước thải, hệ thống theo dõi quan trắc môi trường tự động để giám sát chất lượng môi trường của các Công ty thứ cấp, hệ thống nhà kho, hệ thống thu gom chất thải công nghiệp...

Tăng cường tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn nhằm tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh, đặc biệt các DN FDI thực hiện các quy định của pháp luật về BVMT.

Đầu tư trang thiết bị quan trắc môi trường để chủ động giám sát, kiểm soát hoạt động BVMT trong các KCN.

***Xin cảm ơn ông!**

PHẠM ĐÌNH (Thực hiện)

Việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

PHẠM MẠNH CƯỜNG

Chi cục BVMT tỉnh Vĩnh Phúc

Trong những năm qua, tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục phát triển kinh tế nhanh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Nhiều khu, cụm công nghiệp, các dự án sản xuất công nghiệp đã được thành lập và đi vào hoạt động đã góp phần đưa Vĩnh Phúc vào nhóm các tỉnh phát triển nhất trong khu vực miền Bắc. Đóng góp vào sự phát triển này phải kể đến khối doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FDI). Trong 5 năm qua (2006 - 2010), tốc độ phát triển công nghiệp tăng bình quân 20,6%/năm, giá trị sản xuất công nghiệp của các dự án FDI chiếm trên 90% tổng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần đưa tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của tỉnh lên 17,4%/năm. Riêng năm 2010, khu vực có vốn FDI chiếm 42% trong cơ cấu kinh tế và đóng góp trên 70% tổng giá trị sản xuất toàn tỉnh. Năm 2010, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp công nghiệp FDI đạt 403 triệu USD, chiếm 88% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, góp phần giải quyết công ăn, việc làm cho hơn 30.000 lao động, trong đó trên 60% là lao động địa phương.

Tính đến tháng 10/2013, tỉnh Vĩnh Phúc có 137 dự án FDI với tổng số vốn đầu tư 2.767 triệu USD, trong đó có 90 dự án hoạt động trong các khu công nghiệp, 7 dự án hoạt động trong các cụm công nghiệp, 26 dự án hoạt động ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và 14 doanh nghiệp chưa đi vào hoạt động.

HOẠT ĐỘNG BVMT

Với lợi thế về vốn, khoa học công nghệ và kinh nghiệm quản lý, phần lớn các doanh nghiệp FDI thực hiện nghiêm túc các biện pháp BVMT, chủ động áp dụng các biện pháp xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường; đầu tư đổi mới công nghệ trong sản xuất, công nghệ xử lý để giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: Công ty HONDA Việt Nam, Công ty TOYOTA Việt Nam, Công ty TNHH EXEDY Việt Nam, Công ty TNHH MEISEI Việt Nam...



▲ Công ty Daewoo Bus- KCN Khai Quang chủ động áp dụng công nghệ xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm hoặc chỉ thực hiện mang tính chất đối phó như: Công ty TNHH Seoul Print Vina (đã buộc dừng hoạt động, chuyển đến địa điểm mới), Công ty TNHH Dệt Hiếu Huy (trước đây là Công ty LANTIAN Việt Nam - đã buộc dừng hoạt động xưởng nhuộm để xây dựng hệ thống xử lý nước thải mới), Công ty TNHH Piaggio Việt Nam (gây ô nhiễm mùi)... Nhờ sự đôn đốc và giám sát tích cực của các cơ quan chức năng, hầu hết các cơ sở này đã có các biện pháp giảm thiểu hữu hiệu.

Qua kiểm tra, giám sát môi trường cho thấy, không có doanh nghiệp FDI nào thuộc đối tượng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, song một số đơn vị chưa thực sự quan tâm đầu tư cho hệ thống xử lý chất thải hoặc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tích cực nên còn những chỉ tiêu vượt quy chuẩn môi trường.

CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA VỀ BVMT

Trong thời gian qua, các doanh nghiệp FDI tuân thủ các quy định về BVMT. Khi được cấp phép vào Vĩnh Phúc, các doanh nghiệp đều tiến hành lập các hồ sơ môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), Bản cam kết môi trường); đồng thời thực hiện đầy đủ các cam kết trong hồ sơ môi trường như: xây dựng công trình BVMT, tổ chức giám sát môi trường - lập báo cáo định kỳ, đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định... Tuy nhiên, vẫn còn một số doanh nghiệp FDI vi phạm về BVMT.

Năm 2011, Sở TN&MT Vĩnh Phúc đã tiến hành thanh, kiểm tra 35 doanh nghiệp FDI, trong đó 16 đơn vị có hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, xử phạt và đề xuất xử phạt với số tiền 528,75 triệu đồng. Năm 2012, Sở đã kiểm tra 7 doanh nghiệp FDI, có 2 đơn vị có hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, xử phạt với số tiền 23,5 triệu đồng.

Các hành vi vi phạm pháp luật của các doanh nghiệp FDI chủ yếu là xả chất thải vượt quy chuẩn hoặc quản lý chất thải nguy hại chưa đảm bảo, lập Báo cáo định kỳ về công tác BVMT chưa đầy đủ... Vi phạm trên chủ yếu là các doanh nghiệp FDI nhỏ và vừa.

Để tăng cường công tác BVMT trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, trong thời gian tới, Sở TN&MT tiếp tục tuyên truyền, phổ biến pháp luật BVMT và các văn bản quy định pháp luật liên quan; tăng cường công tác thanh, kiểm tra phát hiện xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường, kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm; đề xuất với UBND tỉnh không cấp phép đầu tư cho các dự án FDI xin đầu tư ngoài khu, cụm công nghiệp; đề xuất đình chỉ hoạt động đối với các đơn vị chưa hoàn thiện các công trình BVMT đã đi vào hoạt động hoặc đơn vị đã hoàn thiện nhưng công trình biện pháp BVMT chưa đảm bảo■



Khu kinh tế Vũng Áng - tiềm năng và cơ hội đầu tư

LÊ TRUNG PHƯỚC

Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh

HOÀNG NHẤT THỐNG

Tổng cục Biển và Hải đảo

Hà Tĩnh là một tỉnh nằm ở khu vực Bắc Trung bộ thuộc vùng duyên hải miền Trung, có 137 km bờ biển, là nơi hội tụ các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy. Với vị trí địa lý thuộc mặt tiền của tiểu vùng sông Mê Công và châu Á - Thái Bình Dương nên việc phát triển Khu kinh tế (KKT) gắn với Cảng biển nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương đã dẫn đến hình thành một trung tâm công nghiệp với các ngành công nghiệp năng lượng, luyện cán thép, lọc hóa dầu, công nghiệp thứ cấp, phụ trợ, công nghiệp nhẹ và hình thành các ngành du lịch, dịch vụ, tài chính, ngân hàng...

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KKT VEN BIỂN

KKT Vũng Áng là một trong 5 KKT trọng điểm được Chính phủ lựa chọn tập trung đầu tư tại Đề án "Rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2013 - 2015" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

KKT Vũng Áng được xác định là vùng kinh tế động lực, nơi tập trung phát triển cụm ngành trọng điểm của tỉnh và khu vực trong định hướng phát triển không gian và lãnh thổ, với các cụm ngành trụ cột có ý nghĩa chiến lược của quốc gia như: khu liên hợp luyện cán thép công suất từ 15 - 20 triệu tấn (là trung tâm sản xuất, chế biến sắt, thép và các sản phẩm từ thép); Trung tâm nhiệt điện 6.300MW thuộc Quy hoạch điện 7 quốc gia; Trung tâm lọc hóa dầu công



▲ Đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng được đầu tư xây dựng nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước

suất 16 triệu tấn; Trung tâm thương mại và dịch vụ hậu cần gắn với tổ hợp cảng Vũng Áng - Sơn Dương.

Để triển khai xây dựng, vận hành các khu chức năng đảm bảo tính đồng bộ, đúng mục tiêu, chức năng được xác định trong quy hoạch tổng thể. KKT đã xây dựng và phê duyệt cơ bản hoàn chỉnh hệ thống quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000, 1/500 với 37 đồ án; Các khu chức năng theo quy hoạch đã và đang được kêu gọi đầu tư, triển khai thực hiện.

Được sự đầu tư từ ngân sách Trung ương và địa phương, đến nay KKT Vũng Áng đã hoàn thành khung kết cấu hạ tầng quan trọng, cơ bản. Hệ thống giao thông đối ngoại, đối nội KKT Vũng Áng được tập trung đầu tư; hình thành các tuyến giao thông trục chính, tuyến đường dọc, ngang kết nối các công trình dự án quan trọng như cụm cảng nước sâu, nhà máy nhiệt điện, khu liên hợp thép với

các hành lang đường bộ quốc gia ở phía Tây như đường cao tốc, đường Hồ Chí Minh, nối Vũng Áng - quốc lộ (QL) 1A - QL 12A qua 2 KKT cửa khẩu quốc tế Cha Lo (Quảng Bình) và Cầu Treo (Hà Tĩnh), nối KKT Đông Nam (Nghệ An) và Hòn La (Quảng Bình) qua tuyến QL ven biển; từng bước hình thành hệ thống đường liên đô thị, đường khu vực các khu đô thị quy hoạch trong KKT Vũng Áng. Hoàn thành kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội 5 Khu tái định cư với tổng diện tích 377 ha theo tiêu chí phát triển đô thị, đáp ứng đủ điều kiện để các hộ dân tái định cư, phục vụ GPMB triển khai các dự án đầu tư vào KKT.

Với quy hoạch Trung tâm nhiệt điện 6.300MW, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 công suất 1.200 MW đã cơ bản hoàn thành, Quý IV/2013 sẽ hòa lưới điện quốc gia, đồng thời chuẩn bị khởi công Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2 công suất 1.200



MW, Tổ hợp 5 Nhà máy điện Formosa (giai đoạn 1) công suất 750 MW đang xây dựng, cùng hệ thống trạm biến áp và lưới điện riêng đầu nối trực tiếp lưới điện quốc gia, hạ tầng điện KKT Vũng Áng đã sẵn sàng đáp ứng đủ nhu cầu điện phục vụ sản xuất kinh doanh trên toàn địa bàn KKT.

Cùng với việc đầu tư nâng cấp Nhà máy nước sạch KKT Vũng Áng lên 30.000 m³/ngày đêm được sự quan tâm tạo điều kiện của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Hà Tĩnh đang tập trung huy động mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ Dự án cấp nước KKT Vũng Áng, đây là Dự án xã hội hóa đầu tư với tổng mức đầu tư trên 4.400 tỷ đồng, Dự án hoàn thành sẽ bảo đảm cung cấp 1,005 triệu m³ nước/ngày, đêm, bảo đảm nhu cầu phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp trong KKT.

Ngoài ra, tại Khu công nghiệp Vũng Áng 1 (Khu KKT Vũng Áng) đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa đạt 80%; hệ thống thoát nước thải đạt 51% khối lượng toàn Dự án; 100% các nhà máy đầu nối hệ thống thoát nước mưa đúng quy định với hệ thống thoát nước thải chung của KCN. Các cơ sở sản xuất trong KCN ký hợp đồng với Trung tâm dịch vụ và hạ tầng KKT, Công ty TNHH Tư vấn xây dựng quản lý môi trường đô thị Kỳ Anh để thu gom, vận chuyển tới bãi rác tập trung.

Với các dự án trọng điểm, quy mô lớn, dự báo nhu cầu sử dụng nhân lực trong KKT đến năm 2015 là trên 7 vạn lao động. Dự án Vũng Áng đang triển khai thực hiện Dự án thí điểm xây dựng khu nhà ở cho công nhân và người lao động thuê tại KKT với quy mô giai đoạn 1 đến năm 2015 là 6.000 chỗ ở.

VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KKT

Hà Tĩnh đã ban hành chính sách riêng về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; chính sách đặc thù về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện

các dự án trọng điểm trong KKT Vũng Áng; chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị và nhà ở cho công nhân lao động tại KKT, Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Ngoài ra, thực hiện các chính sách, quy định pháp luật BVMT, UBND tỉnh đã trực tiếp chỉ đạo BQL KKT Vũng Áng tăng cường công tác kiểm tra bảo đảm tất cả các cơ sở đang hoạt động trong các KKT đều lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc cam kết BVMT theo quy định. Tính đến thời điểm hiện nay BQL KKT Vũng Áng đã phê duyệt được 18 báo cáo ĐTM và 19 bản cam kết BVMT do Sở TN&MT thực hiện.

Hiện tại, KKT Vũng Áng có trên 200 doanh nghiệp được cấp Đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đầu tư với số vốn đăng ký hơn 16 tỷ USD. Một số dự án đã hoàn thành, đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả như: Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ; Tổng kho xăng dầu Vũng Áng; Cảng Vũng Áng với 2 cầu cảng công suất 1,3 triệu tấn/năm. Một số công trình, dự án lớn đang được nhà đầu tư huy động mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ, như: Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I công suất 1.200 MW, vốn đầu tư 1,5 tỷ USD chuẩn bị đi vào phát điện thương mại; Khu Liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa công suất giai đoạn 1 là 7,5 triệu tấn, vốn đầu tư gần 10 tỷ USD (giai đoạn nâng công suất lên 15 triệu tấn, vốn đầu tư tăng thêm 9 tỷ USD) dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2014; dự án khách sạn 5 sao và cao ốc văn phòng (78,6 triệu USD); dự án khu du lịch dịch vụ hồ Tàu Voi (70 triệu USD), Dự án Trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng, chung cư Lobana (57,5 triệu USD), Dự án Khu đô thị dịch vụ và thương mại Phú Vinh (27 triệu USD)... Nhiều dự án có quy mô đầu tư lớn đang hoàn chỉnh hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận đầu

tư, như: Nhà máy lọc hóa dầu công suất 16 triệu tấn/năm (12,47 tỷ USD); Nhà máy luyện thép công suất 4,5 triệu tấn (5 tỷ USD); Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II công suất 1200MW (2,5 tỷ USD)... Và nhiều nhà đầu tư lớn khác trong và ngoài nước đang tìm hiểu cơ hội đầu tư, hợp tác kinh doanh.

Các lĩnh vực Hà Tĩnh ưu tiên kêu gọi đầu tư vào KKT Vũng Áng: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp; các ngành công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, các ngành chế biến sâu sản phẩm sau thép; dịch vụ thương mại; nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp; du lịch biển, du lịch sinh thái; cảng biển; dịch vụ bốc xếp, vận tải biển; nhà ở cho người lao động; khu phi thuế quan...

Qua 7 năm hình thành và phát triển, KKT Vũng Áng đóng vai trò quan trọng trong chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050; phát triển các cụm ngành chủ lực năng lượng, sắt thép, lọc hóa dầu, với các dự án lớn hàng chục tỷ USD có sức lan tỏa lớn, Vũng Áng từng bước trở thành trung tâm công nghiệp lớn, là hạt nhân, động lực phát triển của khu vực và quốc gia. Từ đó phát triển các ngành công nghiệp thứ cấp, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nhẹ, các ngành du lịch, dịch vụ, tài chính, ngân hàng... dẫn đến sự hình thành các chuỗi đô thị, địa ốc dọc miền duyên hải.

Mặc dù còn nhiều khó khăn trước mắt nhưng với hệ thống quy hoạch xây dựng đồng bộ, có tầm chiến lược; kết cấu hạ tầng KKT ngày càng hoàn thiện; nguồn nhân lực dồi dào, hệ thống cơ chế chính sách thông thoáng cùng với sự quan tâm giúp đỡ của Đảng, Chính phủ, các Bộ, ban, ngành Trung ương... trong thời gian tới, KKT Vũng Áng sẽ có những bước phát triển vượt bậc, trở thành điểm sáng phát triển kinh tế - xã hội với mũi nhọn chiến lược phát triển kinh tế biển nhanh và bền vững■

Siemens cam kết hỗ trợ Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường

Siemens, một trong những Tập đoàn lớn nhất của Đức, vừa tổ chức kỷ niệm 20 năm phát triển tại thị trường Việt Nam. Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường có cuộc phỏng vấn TS. Phạm Thái Lai - Tổng Giám đốc Công ty Siemens Việt Nam về những đóng góp cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội và BVMT Việt Nam trong thời gian vừa qua.



▲ TS. Phạm Thái Lai -
Tổng Giám đốc Công ty
Siemens Việt Nam

★Xin ông cho biết đôi nét về hành trình 20 năm thương hiệu Siemens tại Việt Nam?

TS. Phạm Thái Lai: Công ty Siemens chính thức thành lập tại Việt Nam vào năm 1993, nhưng trong thực tế sản phẩm của Công ty đã có mặt tại Việt Nam từ năm 1968 với hợp đồng cung cấp 5 máy phát chạy bằng dầu diesel cho Khu liên hợp Gang thép Thái Nguyên.

Hiện nay, Công ty có 3 văn phòng đặt tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng và một Nhà máy tại Bình Dương.

Trong vài thập kỷ qua, Siemens đã thực hiện thành công rất nhiều Dự án hạ tầng quan trọng, là đối tác tin cậy của các khách hàng Việt Nam. Siemens hiện dẫn đầu thị trường về 4 lĩnh vực: Năng lượng, y tế, công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Đồng thời, Siemens cũng là một trong những doanh nghiệp nước ngoài đóng thuế lớn nhất tại Việt Nam và nằm trong top các công ty có chương trình trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) hiệu quả.

★Được biết, Siemens khẳng định thương hiệu bằng các giải pháp tiên tiến nhằm giảm tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH), BVMT... Vậy

cụ thể của những giải pháp này là gì, thưa ông?

TS. Phạm Thái Lai: BĐKH là một thách thức nghiêm trọng đối với môi trường sống của con người và bầu sinh quyển. Công cụ hiệu quả nhất để ứng phó với những hậu quả tiêu cực do BĐKH gây ra là đổi mới công nghệ trên tất cả các lĩnh vực cung cấp và tiêu thụ năng lượng. Với nguồn năng lượng tiết kiệm, đồng thời kết hợp những lợi ích về sinh thái từ việc áp dụng các giải pháp bảo vệ khí hậu một cách thông minh với những lợi ích về kinh tế.

Là Công ty dẫn đầu thế giới về công nghệ BVMT, dải sản phẩm và giải pháp toàn diện của Công ty trong sản xuất, phân phối và tiêu thụ năng lượng bao gồm các biện pháp giúp giảm phát thải khí CO₂ hiệu quả. Trong năm 2012, nhờ vào dải sản phẩm và giải pháp thân thiện với môi trường của Siemens mà các khách hàng trên toàn thế giới có thể giảm lượng phát thải khí CO₂ lên tới 332 triệu tấn, tương đương với lượng phát thải của 9 thành phố lớn trên thế giới: Béc-lin, Hồng Kông, Luân Đôn, New York, Tokyo, Matxcova, Ja-ka-ta, Sao Paulo và Melbourne.

Dải sản phẩm và giải pháp thân thiện với môi trường của Siemens bao trùm hầu hết các lĩnh vực: sản xuất, truyền tải, phân phối và sử dụng năng lượng (ví dụ: Các ngành xây dựng, giao thông vận tải hay công nghiệp, cũng như các công nghệ liên quan đến môi trường). Tất cả các sản phẩm và giải pháp thân thiện với môi trường phải đáp ứng yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính hoặc phải giảm ô nhiễm nước và không khí. Lượng khí CO₂ của Siemens giảm nhờ sử dụng thiết được tính trên cơ sở các giá trị tham chiếu cụ thể. Ví dụ, lượng khí CO₂ giảm nhờ sử dụng các tua bin khí hiệu suất cao tiên tiến. Các giải pháp cho việc hiện đại hóa các nhà máy điện cũ cũng nằm trong dải sản phẩm và giải pháp liên quan tới môi trường, bởi khi tăng năng suất hoạt động của các nhà máy điện sẽ góp phần đáng kể vào việc giảm phát thải CO₂ với chi phí thấp. Lượng điện năng tiết kiệm được nhờ tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng tại các tòa nhà được tính toán trên cơ sở so sánh (trước và sau).

Với dải sản phẩm và giải pháp xanh này, Siemens hoàn toàn có thể giúp Việt Nam trong việc ứng phó với vấn đề BĐKH.



***Là thương hiệu nổi tiếng thế giới, vậy Siemens có thể chia sẻ kinh nghiệm đối với công tác phát triển bền vững tại Việt Nam?**

TS. Phạm Thái Lai: Việt Nam là một trong những nước dễ bị ảnh hưởng nhất từ BĐKH. Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ năng lượng tăng 10% hàng năm cũng là nguyên nhân gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường. Do đó, Siemens giúp Việt Nam ứng phó với BĐKH bằng việc triển khai các công nghệ cho hiệu suất cao tại nhiều Nhà máy nhiệt điện. Hiện nay, Công ty là nhà thầu chìa khóa trao tay cho các dự án Nhà máy nhiệt điện tiêu biểu như: Phú Mỹ 2-1 mở rộng, Phú Mỹ 3, Cà Mau 1 và 2, Nhơn Trạch 2. Đây là những Nhà máy nhiệt điện hiệu quả nhất Việt Nam, góp phần đáng kể vào việc giảm phát thải khí nhà kính. Truyền tải điện hiệu quả cũng là một công việc quan trọng trong việc cung cấp năng lượng. Các thiết bị tiên tiến của chúng tôi được cung cấp và lắp đặt tại nhiều trạm điện lớn của mạng lưới điện quốc gia. Ngoài ra,

các sản phẩm tự động hóa và truyền động điện tiết kiệm năng lượng của Siemens cũng được ứng dụng rộng rãi tại nhiều ngành công nghiệp trọng điểm như: Giấy và bột giấy (VinaKraft), xi măng (Hòa Phát, Bút Sơn), thép (Thép Việt); thực phẩm và đồ uống (Kinh Đô, Coca Cola, Heineken)... Một số công trình lớn của Việt Nam được trang bị các hệ thống hiện đại, tiết kiệm điện của Siemens như: Tòa tháp Bitexco, bệnh viện Chợ Rẫy (TP. Hồ Chí Minh), bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội)...

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến vấn đề nâng cao nhận thức của giới trẻ Việt Nam về các xu hướng đương đại như BĐKH và đô thị hóa. Trong năm 2010, Công ty đã tổ chức Cuộc thi Ảnh về đề tài đô thị hóa cho các em sinh viên khu vực phía Nam; Năm 2011, tổ chức Cuộc thi làm video clip về đề tài phát triển bền vững cho các bạn sinh viên trên cả nước; Năm 2013, cộng tác với Viện Văn hóa Goethe thực hiện dự án Liên hoan phim về Khoa học cho học sinh, với chủ đề về Năng lượng tái tạo...

***Vừa qua, Siemens ra mắt sản phẩm xe buýt thân thiện môi trường, vậy lý do nào khiến Công ty triển khai công nghệ này?**

TS. Phạm Thái Lai: Dự án xe buýt hybrid bắt đầu triển khai ở Việt Nam vào tháng 6/2012, đây là sự hợp tác giữa Siemens với Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam (Vinamotor). Xe buýt hybrid có khả năng tiết kiệm năng lượng tới 50%, hoạt động ít gây tiếng ồn và không phát thải, qua đó giảm tác động đến môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam cũng như giúp cho khách hàng có thêm sự lựa chọn phương tiện đi lại phù hợp. Đây cũng là dự án đầu tiên ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á mà Siemens đang triển khai thành công.

Siemens sẽ chuyển giao công nghệ của Đức cho Việt Nam và sau khi thử nghiệm thành công, xe buýt hybrid này sẽ được đưa vào sản xuất hàng loạt.

***Xin cảm ơn ông!**

PHẠM ĐỨC TRÍ (thực hiện)



▲ Công nghệ của Siemens giúp Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đạt hiệu suất trên 57% - mức hiệu suất cao nhất Việt Nam hiện nay

Là Công ty dẫn đầu thế giới về công nghệ BVMT, dải sản phẩm và giải pháp toàn diện của Công ty trong sản xuất, phân phối và tiêu thụ năng lượng bao gồm các biện pháp giúp giảm phát thải khí CO₂ hiệu quả. Trong năm 2012, nhờ vào dải sản phẩm và giải pháp thân thiện với môi trường của Siemens mà các khách hàng trên toàn thế giới có thể giảm lượng phát thải khí CO₂ lên tới 332 triệu tấn, tương đương với lượng phát thải của 9 thành phố lớn trên thế giới: Béc-lin, Hồng Kông, Luân Đôn, New York, Tokyo, Matxcova, Ja-ka-ta, Sao Paulo và Melbourne.

Tiêu chí đầu tiên của Intel là tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về môi trường

Là Tập đoàn công nghệ hàng đầu của thế giới, Intel còn được biết đến là một trong những đơn vị đi đầu trong phát triển bền vững, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Với những đóng góp cho công tác an sinh xã hội và BVMT, Intel sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động đầu tư lâu dài tại Việt Nam. Đây là chia sẻ của bà Sherry Boger - Tổng Giám đốc Công ty Intel Products Việt nam với Tạp chí Môi trường về những sáng kiến mới để nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm chi phí, đảm bảo an sinh xã hội và BVMT.



▲ Bà Sherry Boger -
Tổng Giám đốc Công ty
Intel Products Việt Nam

★ Là một thương hiệu toàn cầu, Công ty Intel Việt Nam đã có chính sách gì tuân thủ các quy định pháp luật về BVMT?

Bà Sherry Boger: Intel là Công ty hàng đầu thế giới về lĩnh vực sản xuất vi mạch bán dẫn, nên chúng tôi luôn tuân thủ các quy định của pháp luật của nước sở tại ở bất cứ quốc gia nào. Riêng trong lĩnh vực môi trường, Intel cam kết “Đảm bảo môi trường làm việc không tai nạn; Tuân thủ theo các yêu cầu của pháp luật; Khuyến khích lối sống lành mạnh cho nhân viên; Bảo vệ, sử dụng hợp lý và phát triển tài nguyên thiên nhiên thông qua các mục tiêu tiết giảm, tái sử dụng, tái chế...”. Bên cạnh đó, Intel đề ra các mục tiêu cho các chương trình tiết kiệm năng lượng; tăng cường nâng cao nhận thức cho nhân viên và cộng đồng về ý thức BVMT.

★ Với quy mô lớn, nhiều Nhà máy sản xuất, lắp ráp, Công ty đã có những biện pháp gì nhằm

quản lý các nguồn thải, góp phần BVMT?

Bà Sherry Boger: Song song với kế hoạch kinh doanh, công tác BVMT luôn được Intel Việt Nam cũng như Intel toàn cầu đặt lên hàng đầu. Chúng tôi luôn tuân thủ theo pháp luật và các quy định hiện hành về môi trường, bao gồm quản lý nguồn thải (khí thải, nước thải và chất thải); báo cáo tác động môi trường; kế hoạch quan trắc báo cáo định kỳ và các vấn đề liên quan khác... Cùng với đó, Intel đề ra các mục tiêu tiết giảm và tái chế chất thải, tiết kiệm điện nước, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, giúp Intel trở thành Tập đoàn tiên phong về doanh nghiệp xanh.

Hiện thực hóa nội dung trên, ngày 7/8/2007, Nhà máy Intel tại Việt Nam đã hoàn thành Bản Cam kết BVMT; Tháng 7/2010, Công ty đã hoàn thành hệ thống xử lý nước thải và quản lý chất thải đạt tiêu chuẩn quy định và

được cấp giấy phép vận hành. Ngoài ra, 6 tháng một lần, Công ty thực hiện Báo cáo giám sát môi trường (chất lượng nước thải, không khí xung quanh, tiếng ồn và lượng phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại); thực hiện đo đặc chất lượng nước thải và tiếng ồn 3 tháng/lần...

★PV: Bà có thể chia sẻ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong thời gian vừa qua cũng như trong thời gian tới?

Bà Sherry Boger: Intel luôn gắn trách nhiệm xã hội với hoạt động sản xuất, kinh doanh và điều này được phổ biến đến toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty. Tại Việt Nam, Intel đã có những chương trình cụ thể liên quan đến lĩnh vực môi trường như:

Thiết kế và áp dụng quy trình sản xuất LEAN để giảm thiểu các tác động đến môi trường ở mức thấp nhất, lập kế hoạch và triển khai những dự án tiết kiệm năng lượng phù hợp



với “Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”. Bộ phận quản lý năng lượng của Công ty luôn tìm kiếm những cơ hội giảm tiêu thụ điện năng hoặc nguồn tài nguyên; tối ưu hóa hệ thống đèn và hệ thống làm lạnh ở tất cả các khu vực trong Nhà máy; lắp đặt vòi nước tự động; thay đèn T8 sang T5; tái sử dụng nước để tưới tiêu.

Đồng thời, xây dựng hệ thống điện mặt trời có quy mô lớn nhất Việt Nam tính đến thời điểm hiện tại. Chính sách phân loại và tái chế rác thải rắn tại nguồn được triển khai đồng bộ, theo đó tỷ lệ tái chế rác không nguy hại của năm 2011 (86,3 %) và năm 2012 (93,8%) trên tổng lượng rác không nguy hại của công ty. Trong năm 2013, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu tỷ lệ tái chế là 95 %.

Tất cả các loại chất thải công nghiệp nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của công ty (nếu có) đều được quản lý theo điều 71, 72, 73 của Luật BVMT 2005. Bên cạnh đó, nhân viên đều tuân thủ chặt chẽ quy trình về rác thải nguy hại, tất cả nhân viên trong Nhà máy

đều tham dự lớp tập huấn bắt buộc “Quản lý chất thải nguy hại” trước khi thực hiện công việc.

Ngoài ra, Intel cũng là Công ty đi đầu trong các hoạt động tình nguyện tại cộng đồng trong các dự án liên quan đến môi trường như trồng rừng tại khu bảo tồn tự nhiên Vĩnh Cửu (Đồng Nai), tham gia sự kiện “Giờ Trái đất” và “Ngày quốc tế dọn sạch bãi biển” hàng năm để kêu gọi người dân nâng cao nhận thức về BVMT. Riêng năm 2012, nhân viên Intel đóng góp hơn 36.000 giờ tình nguyện.

★Thưa bà, là một trong những đơn vị vinh dự được Bộ TN&MT trao tặng Giải thưởng Môi trường năm 2013, vậy Giải thưởng có ý nghĩa như thế nào với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty?

Bà Sherry Boger: Giải thưởng Môi trường là một vinh dự và có ý nghĩa rất quan trọng đối với Tập đoàn Intel nói riêng và nhân viên Intel tại Việt Nam nói chung, điều đó đã phản ánh đúng cam kết thực hiện các quy định của pháp luật BVMT mà Intel luôn gương mẫu trong quá

trình triển khai Dự án. Ngoài ra, Giải thưởng là một chất xúc tác tích cực để Intel tiếp tục tìm ra các sáng kiến mới để nâng cao hiệu quả sản xuất và tiết kiệm tối đa các chi phí, đảm bảo mục tiêu BVMT.

★Bà có những đề xuất, kiến nghị gì với các cơ quan chức năng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chính sách luật pháp về BVMT ở Việt Nam hiện nay?

Bà Sherry Boger: Hiện nay, Nhà máy Intel đang trong giai đoạn phát triển và sẽ tiếp tục mở rộng trong tương lai, việc đảm bảo nguồn điện để phục vụ sản xuất là ưu tiên mà Intel quan tâm hàng đầu. Bên cạnh việc chủ động xây dựng hệ thống điện mặt trời cho khu vực văn phòng, cũng như xây dựng một kế hoạch cụ thể đối với công tác BVMT, Intel mong muốn các cơ quan chức năng duy trì và mở rộng quy mô Giải thưởng Môi trường cho mọi đối tượng, không chỉ là khối doanh nghiệp hay các tổ chức, cá nhân có quan tâm đến môi trường.

★ PV: Xin cảm ơn bà.

QUỲNH ANH (thực hiện)



▲ Intel Việt Nam luôn gương mẫu chấp hành các quy định pháp luật về BVMT

CÔNG TY TNHH EXEDY VIỆT NAM:

Xây dựng môi trường làm việc an toàn cho người lao động

Là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư của Nhật Bản, Công ty TNHH EXEDY Việt Nam mong muốn sẽ là đơn vị nước ngoài thành công trên mọi mặt, đặc biệt là xây dựng môi trường làm việc khoa học và các chế độ ưu đãi cho công nhân.

Với diện tích khiêm tốn khoảng 7680 m² (trong khuôn viên Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam) mới nhìn qua, nhiều người sẽ nhầm tưởng Công ty TNHH EXEDY Việt Nam đơn thuần chỉ là một xưởng sản xuất nhỏ. Tuy nhiên, bất cứ ai bước chân vào đây đều không khỏi bất ngờ khi tận mắt chứng kiến khuôn viên của Công ty được bài trí khoa học, sạch đẹp từ khu văn phòng, nghỉ ngơi, nhà xưởng, cho tới bếp ăn, khu vệ sinh. Chị Phạm Thị Thúy - cán bộ quản lý hành chính tổng hợp của EXEDY cho biết: “Tôi đã làm việc, cũng như từng tham quan nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng với EXEDY, tôi thấy hài lòng nhất. Tại đây, chúng tôi được làm việc trong một môi trường rất chuyên nghiệp, sạch đẹp và thân thiện. Có thể nói, Công ty là doanh nghiệp nước ngoài duy nhất tại Vĩnh Phúc làm được điều này”. Để chứng minh, chị Thúy dẫn chúng tôi tới căng tin của Công ty - một không gian lãng mạn có đầy đủ tivi, loa đài, có hoa, tranh vẽ và những bộ bàn ghế mây tre đan rất đẹp. Ban công có những hoa văn bằng gỗ được cắt đẽo rất tinh tế và đẹp mắt. Chị Thúy cho biết, những chiếc bàn, ghế, hàng lan can ở đây chính là sản phẩm từ bàn tay khéo léo của những người công nhân trong Công ty. Nguồn gỗ nguyên liệu của các sản phẩm này được tận dụng từ những pallet gỗ bị hỏng. Căng tin



▲ EXEDY Việt Nam xây dựng môi trường làm việc khoa học, sạch đẹp cho người lao động

này là ý tưởng sáng tạo của Ban lãnh đạo Công ty khi tạo không gian thư giãn thoải mái cho công nhân những lúc nghỉ ngơi. Tới khu trưng bày hàng mẫu của Công ty, trước mắt chúng tôi là sàn nhà sạch bóng, trên những gian trưng bày có ghi dòng chữ rất đẹp được tô sơn màu đỏ “Pika Pika”. Đây là phong trào được Công ty phát động từ đầu năm 2010 với nội dung “Làm cho Công ty luôn sạch bóng”. Tại phòng an toàn lao động có hai nhân viên trẻ đang thực hành các thao tác an toàn và giảng bài, phân tích các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra tai nạn cho toàn thể công nhân trong Công ty.

Trao đổi về vấn đề này, ông Takenaka - Tổng Giám đốc cho biết: “Công ty luôn đặt vấn đề về con người lên trên hết. Do đó, tất cả các vấn đề liên quan tới an toàn và đào tạo con người luôn được quan tâm”. Hàng năm, người lao động được gửi tới một số trường cao đẳng, đại học tại Vĩnh Phúc và Hà Nội để đào tạo. Ngoài ra, các cán bộ kỹ thuật còn được gửi sang Nhật Bản, Thái Lan để học tập nâng cao tay nghề. Không chỉ vậy, hiện tại

ở Công ty, công nhân liên tục được tham dự các khóa học tiếng Anh và tiếng Nhật để phục vụ công việc hàng ngày và công tác học tập, nghiên cứu tại nước ngoài. Các chế độ về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, phụ cấp, lương, thưởng dành cho công nhân luôn được đảm bảo. Người lao động trong Công ty thường xuyên được tham gia các buổi giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan du lịch trong những dịp đặc biệt như ngày sinh nhật, ngày lễ, tết, dịp quốc khánh hay quốc tế lao động. Năm nay, Công ty dự định sẽ tổ chức ngày hội gia đình cho toàn bộ người lao động và người thân của họ. “Chúng tôi đã và đang xây dựng Công ty EXEDY thành ngôi nhà chung cho người lao động và sẽ đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của Vĩnh Phúc” - ông Takenaka chia sẻ.

Với thành công trong hoạt động kinh doanh và chính sách tốt cho người lao động, EXEDY Việt Nam đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc công nhận là doanh nghiệp xuất sắc vào năm 2007 và 2010■

MẠNH CƯỜNG

Doanh nhân Nhật Bản nhặt rác ở hồ Gươm



▲ Ông
Ninomiya nhặt
rác tại hồ Gươm

Vào mỗi sáng Chủ nhật, những người sống gần hồ Gươm, Hà Nội lại thấy một nước ngoài lớn tuổi cúi húi, tỉ mỉ nhặt rác quanh các bụi cây, dặm cỏ. Hỏi ra mới biết, ông là Ninomiya - một doanh nhân người Nhật Bản. Hiện ông là Giám đốc Công ty ISHIGAKI RUBBER Việt Nam có trụ sở tại khu công nghiệp Hà Nội - Đài Tư, Quận Long Biên, Hà Nội.

Tuy đứng đầu một doanh nghiệp nhưng ông Ninomiya có phong cách khá giản dị, dễ mến. Ông cho biết, bản thân sống và làm việc tại Việt Nam được 4 năm, rất muốn làm việc gì đó cho Hà Nội, thành phố mang lại cho ông nhiều thiện cảm.

Đến nay, ông Ninomiya đã có thâm niên 3 năm nhặt rác tại hồ Hoàn Kiếm. Một tay cầm túi nilông, tay kia một cái kẹp sắt dài, ông cặm cụi gom từng đầu mẫu thuốc lá, cái vỏ kẹo... mà những người vô ý vứt lại. Lúc đầu làm một mình, rồi dần dần những người đồng nghiệp của ông tình nguyện tham gia, đến

nay rất nhiều bạn trẻ đến tham gia làm vệ sinh quanh hồ, khi đông có thể tới 30 - 40 người. Cũng theo ông Ninomiya, tất cả những người Nhật tham gia nhặt rác tại hồ Gươm đều là nhà đầu tư hoặc chuyên gia kỹ thuật đang làm việc tại Hà Nội. Ngoài việc trực tiếp nhặt rác, ông còn in những tờ rơi có ảnh màu kêu gọi BVMT và phát cho những người tham gia nhóm để mọi người có thể chuyển đến tay người khác biết về hoạt động này. Những người có con nhỏ thì đưa các bé đến để chúng có

cơ hội được học một bài học về ý thức BVMT chân thực và giàu ý nghĩa hơn bất cứ bài giảng nào ở nhà trường. Trong ba lô của ông lúc nào cũng chuẩn bị sẵn vài chục chiếc túi nilông và kẹp sắt để phát cho những người tình nguyện tham gia.

Mỗi buổi nhặt rác chỉ kéo dài chừng nửa giờ trên bờ hồ đoạn phố Đinh Tiên Hoàng nhưng hành động của ông Ninomiya như “thông điệp” để mỗi chúng ta cùng chung tay góp sức vì Thủ đô Xanh - Sạch - Đẹp■

NGUYỄN HẰNG



▲ Hành động của ông Ninomiya thu hút được nhiều tình nguyện viên tham gia làm sạch hồ Gươm



Vừa qua, nhân viên, cán bộ về hưu và các đại lý của Ford Việt Nam đã cùng nhau chung tay tham gia vào các dự án cộng đồng nhân Tuần lễ chăm sóc toàn cầu lần thứ 8 của Ford.

Các tình nguyện viên Ford Việt Nam là một phần của Đội tình nguyện Ford gồm hơn 10.000 thành viên trên toàn thế giới, đang chung tay thực hiện hơn 200 dự án từ thiện trên khắp 6 châu lục. Tuần lễ chăm sóc toàn cầu là điểm nhấn của chiến dịch tình nguyện quanh năm của nhân viên, cán bộ về hưu và đại lý Ford. Các thành viên của Đội tình nguyện Ford đã cùng nhau thực hiện các dự án cộng đồng trên toàn cầu, gồm xây dựng nơi ở tạm thời cho trẻ em vô gia cư ở Trung Quốc, sửa chữa các trung tâm thanh thiếu niên tại Đức, cung cấp thiết bị nước sạch đến các vùng khó khăn ở Ấn Độ, châu Phi và tham gia các hoạt động BVMT tại Úc.

Tại Việt Nam, đội ngũ tình nguyện viên của Ford đã tổ chức các hoạt động vì cộng đồng tại Hà Nội, Hải Dương và TP. Hồ Chí Minh. Ford Việt Nam và các đại lý đã dành gần 2.000 giờ lao động với hơn 500 tình nguyện viên để tham gia vào tuần lễ chăm sóc toàn cầu năm nay. Ngày 6/9/2013, đội tình nguyện Ford đã tổ chức một buổi gây Quỹ từ thiện tại nhà máy ở Hải Dương, với số tiền quyên góp lên tới 54 triệu đồng thông qua các hoạt

10.000

tình nguyện viên Ford

Chung tay vì cộng đồng



▲ Ông Jesus Metelo Arias 'Met' - Tổng Giám đốc Ford Việt Nam trao mũ bảo hiểm cho học sinh

động bán hàng như quần áo, thức ăn, nước uống, sách báo, đồ chơi trẻ em; hoạt động đấu giá từ thiện, bốc thăm trúng thưởng và đá bóng giao hữu. Ngày 13/9/2013, đoàn đã đến thăm trường Tiểu học Tú Minh để trao tặng máy tính, mũ bảo hiểm, trao quà và học bổng cho các em học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn, tham gia vào hoạt động trồng cây xanh trong khuôn viên nhà trường. Cùng ngày, những thành viên khác của Đội tình nguyện

đã đến thăm Hội người mù tỉnh Hải Dương, trao tặng máy tính và quà cho các em học sinh khiếm thị.

Cũng trong dịp này, Quỹ Ford (Ford Fund) cũng sẽ tài trợ cho Tổ chức hỗ trợ nhân đạo cho Trẻ em Việt Nam (Humanitarian Services for Children of Vietnam) để phát học bổng và gạo đến những hộ nghèo trên địa bàn Hà Nội.

Tại khu vực phía Nam, đội tình nguyện đã đến thăm mái ấm Hoa Hồng tại huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh để trao quà và tổ chức các hoạt động tập thể, trò chơi cho các em nhỏ. Chủ tịch Quỹ từ thiện và các hoạt động phục vụ cộng đồng của tập đoàn Ford Motor cho biết: "Nhân viên của Ford vô cùng tự hào khi được làm việc trong một công ty luôn khuyến khích mang đến những điều tốt đẹp, thiết thực cho cộng đồng. Tôi thực sự hạnh diện khi nhân viên của Ford đã tham gia vào các hoạt động nhiệt tình, sôi nổi và thấy được những đóng góp của họ mang đến cho xã hội." ■

BÙI HẰNG



▲ Đội tình nguyện Ford Việt Nam đã đến thăm, trao quà cho thầy và trò Trường Tiểu học Tú Minh



Cùng Honda giữ mãi màu xanh cho Việt Nam



▲ Thanh niên tỉnh Bắc Cạn tham gia “Ngày hội Trồng rừng 2013”

Tiếp nối thành công của Dự án Trồng rừng theo Cơ chế Phát triển sạch (AR - CDM) tại tỉnh Hòa Bình, từ năm 2013 - 2020, Công ty Honda Việt Nam sẽ tiếp tục phối hợp với Sở NN&PTNT tỉnh Bắc Cạn triển khai Dự án Trồng rừng sản xuất tại 2 xã Nông Thượng và Xuất Hóa của thị xã Bắc Cạn.

Dự án Trồng rừng sản xuất tại thị xã Bắc Cạn do Sở NN&PTNT Bắc Cạn xây dựng với sự tư vấn kỹ thuật của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản tại Việt Nam (JICA) và sự hướng dẫn về chuyên môn của Đại học Lâm nghiệp. Dự án được thực hiện trong 8 năm (2013 - 2020), 4 năm đầu tiên (2013 - 2016), Dự án sẽ tiến hành trồng rừng phủ xanh 490 ha rừng phòng hộ tại 2 xã Nông Thượng, Xuất Hóa của thị xã Bắc Cạn. Những năm tiếp theo, Dự án sẽ bước vào giai đoạn chăm sóc, tỉa thưa và bảo vệ cây trồng và dự kiến khai thác bắt đầu từ năm 2020. Hai loài cây trồng chính là cây mỡ khoảng 380 ha và keo tai tượng 110 ha, vì phù hợp với tính chất của đất ở Bắc Cạn, đồng thời mang lại lợi ích kinh tế cao. Trong khuôn khổ của Dự án, sẽ có khoảng 350 hộ dân của 2 xã Nông Thượng, Xuất Hóa của thị xã Bắc Cạn tham gia trực tiếp trồng, bảo vệ, chăm sóc và khai thác.

Với tư cách là nhà tài trợ duy nhất, trong tổng số 17 tỷ đồng chi phí Dự án, Công ty Honda Việt Nam sẽ hỗ trợ 4,9 tỷ đồng trong vòng 8 năm, tập trung vào các hoạt động: Xây dựng dự án, đào tạo kỹ thuật trồng rừng mới cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm và người dân địa phương; Mua giống cây trồng chất lượng cao, hỗ trợ trực tiếp cho người dân; Chi phí nhân công chăm sóc và phân bón cho toàn bộ Dự án.

Sau 8 năm triển khai, ước tính Dự án sẽ thu được 73.500 m³ gỗ, mang lại lợi nhuận khoảng 50 tỷ đồng. Đặc biệt, các hộ dân tham gia Dự án sẽ được hưởng lợi 100% từ việc bán sản phẩm gỗ sau khi thu hoạch. Như vậy, Dự án không chỉ góp phần vào việc BVMT mà còn trực tiếp nâng cao đời sống, góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân địa phương. Tham gia vào Dự án này, Honda Việt Nam mong muốn tiếp tục đóng góp thiết thực vào công tác BVMT của Việt Nam. Bên cạnh đó, với quan điểm không chỉ tham gia với tư cách là một nhà tài trợ, Honda Việt Nam còn là thành viên tích cực, trực tiếp giám sát quá trình triển khai Dự án, cùng với người dân địa phương tiến hành trồng rừng.

Năm 2008, Honda Việt Nam cũng đã phối hợp với JICA và Bộ NN&PTNT thực hiện Dự án AR - CDM tại tỉnh Hòa Bình. Với việc tái tạo rừng trên tổng diện tích 309 ha đất trống đồi trọc, Dự án sẽ hấp thụ khoảng 41.000 tấn các bon dioxin trong 16 năm và thu hút 320 hộ nông dân tham gia trồng 2 loại cây keo tai tượng và keo lá chàm. Trong khuôn khổ Dự án, Honda Việt Nam đã hỗ trợ tài chính với tổng số tiền lên tới 3,5 tỷ đồng và tổ chức đưa hơn 1.000 cán bộ công nhân viên trồng thêm 10 ha rừng bên ngoài Dự án. Dự án đã triển khai thành công và được Liên hợp quốc công nhận là dự án AR - CDM đầu tiên tại Việt Nam. Dự án trồng rừng tại Hòa Bình đã kết thúc giai đoạn trồng cây và hiện tại đang phát triển tốt dưới sự chăm sóc của người dân địa phương.

“Ngày hội Trồng rừng 2013” là một trong nhiều hoạt động của Dự án Trồng rừng sản xuất tại tỉnh Bắc Cạn, thể hiện những nỗ lực của Honda Việt Nam nói riêng và các đơn vị tham gia nói chung trong việc bảo vệ và giữ gìn môi trường, đồng thời cũng là bước khởi đầu tích cực cho sự thành công của Dự án trong những năm tiếp theo. Không chỉ là một trong những doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô xe máy hàng đầu tại Việt Nam, Công ty Honda Việt Nam đang nỗ lực hết mình vì sự phát triển chung của cộng đồng thông qua các hoạt động từ thiện, an toàn giao thông, các hoạt động hỗ trợ giáo dục và đặc biệt là hoạt động BVMT.

PHAN VĂN TỬ



Vừa qua, Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam (HVL) đã trao Giải Đặc biệt và Ứng dụng của Holcim Prize 2013 cho nhóm sinh viên đến từ trường Đại học (ĐH) Kiến trúc TP. HCM, với đề tài sử dụng mô hình “giun xử lý rác thải hữu cơ”, ứng dụng cho thân cây thanh long để tạo thành “Thùng rác sinh học” góp phần BVMT, cải thiện cuộc sống cho người nông dân.

Được khởi động từ tháng 10/2012, với gần 160 đề tài dự thi gửi về Ban Tổ chức, Holcim Prize 2013 đã lựa chọn 42 đề tài vào vòng Bán kết. Tại đây, mỗi trường đã chọn ra 1 đề tài xuất sắc có tính khả thi cao đi tiếp vào vòng Chung kết. Kết quả: Giải Đặc biệt, đề tài “Thùng rác sinh học” (ĐH Kiến trúc TP. HCM); Giải BVMT với đề tài “Sản xuất panel làm trần cách nhiệt từ các phế phẩm nông nghiệp” (ĐH Bách khoa Đà Nẵng); Giải Phát triển cộng đồng, đề tài “Mô hình cho thuê xe đạp tại TP. HCM...” (ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM); Giải Xây dựng bền vững đề tài “Nghiên cứu sử dụng chất thải rắn - SIT của các mỏ than Thái Nguyên làm nguyên liệu sản xuất block bê tông trang trí tự chèn” (ĐH Kiến trúc Hà Nội) và 3 Giải Khuyến khích cho các trường (ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, (ĐH Bách khoa TP. HCM, ĐH Cần Thơ).

Đánh giá về kết quả cuộc thi, PGS.TS. Phùng Chí Sỹ, Viện Kỹ thuật Nhiệt đới và BVMT TP. HCM, thành

HOLCIM PRIZE 2013 -

Nơi chấp cánh ý tưởng phát triển bền vững



▲ Ban Tổ chức trao Giải Đặc biệt Holcim Prize 2013 cho nhóm sinh viên ĐH Kiến trúc TP.HCM

viên Ban Giám khảo nhận xét: “Đề tài của các em thể hiện sự quan tâm đến những vấn đề cấp thiết của xã hội hiện nay. Với Giải thưởng Holcim Prize, tôi mong các bạn không chỉ giới hạn ý tưởng của mình tại một cuộc thi, tại phòng thí nghiệm, hay bài khóa luận tốt nghiệp mà ý tưởng của các bạn sẽ làm thay đổi tích cực cuộc sống của cộng đồng dân cư ở nước ta.”

Phát biểu tại Lễ trao giải, ông Nguyễn Công Minh Bảo, Giám đốc Phát triển bền vững Holcim Việt Nam cho biết: “Mục đích cao nhất của Holcim Prize là khuyến khích các em sinh viên đưa ra những ý tưởng phát triển bền vững phục vụ

cộng đồng. Từ đó thúc đẩy ý thức phát triển bền vững nhân rộng hơn, phát triển ra toàn xã hội. Chúng tôi tự hào là người chấp cánh cho những ý tưởng đó thành hiện thực.”

Nhân dịp này, Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam đã khởi động Giải thưởng Holcim Prize 2014 tại 7 trường đại học trên cả nước, với tổng giá trị tiền thưởng 600 triệu đồng (trong đó 200 triệu đồng tối đa hỗ trợ ứng dụng đề tài vào thực tế). Hy vọng, Holcim Prize 2014 sẽ phát hiện thêm nhiều sáng kiến thiết thực, đóng góp vào công cuộc phát triển bền vững của đất nước■

CHÂU LOAN

THÔNG TIN VỀ GIẢI THƯỞNG HOLCIM PRIZE

Holcim Prize lần đầu tiên được triển khai năm 2009 và trở thành sân chơi bổ ích, hấp dẫn, có tính chuyên môn cao, thu hút hàng trăm đề tài nghiên cứu của các bạn sinh viên đam mê nghiên cứu khoa học từ 7 trường ĐH học hàng đầu Việt Nam (Bách Khoa Đà Nẵng, Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, Bách Khoa TP.HCM, Kiến Trúc TP.HCM, Kiến trúc Hà Nội, Cần Thơ, Khoa học Xã hội & Nhân văn TP.HCM).

Tiêu chí chấm điểm dựa trên những sáng kiến ứng dụng xuất sắc nhất kết hợp hài hòa 3 yếu tố: Phát triển cộng đồng, BVMT, Xây dựng bền vững. Đây cũng là một trong những hoạt động trách nhiệm xã hội của HVL.

Holcim Prize không chỉ khích lệ ý tưởng sáng tạo của sinh viên mà còn tạo cơ hội để biến những ý tưởng đó thành hiện thực thông qua một phần hỗ trợ triển khai ứng dụng cho đề tài khả thi nhất. Các đề tài đoạt Giải đặc biệt của Cuộc thi Holcim Prize những năm trước đều đã và đang được triển khai thực tế, bao gồm Dự án “Thu gom và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật” (năm 2009); Dự án “Nhà vệ sinh nổi” (năm 2010); Dự án “Thiết bị chưng cất nước ngọt quy mô hộ gia đình cho người dân miền biển” (năm 2011); Dự án “Hệ thống tưới tiêu hoa màu sử dụng ánh sáng mặt trời ở nông thôn” (năm 2012).



KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP FDI ĐẦU TƯ XANH

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, FDI là kênh đầu tư quan trọng để thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Trong chính sách thu hút FDI của Việt Nam thời gian tới, Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư FDI hướng tới nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ xanh cho Việt Nam để phát triển sản xuất bền vững.

Hiện nay, việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở nước ta vẫn còn lãng phí, gây ô nhiễm môi

trường. Trong năm 2012-2013, Chính phủ Việt Nam triển khai, ban hành một số chính sách quan trọng như hoàn thiện Đề án tái cơ cấu nền kinh tế; ban hành Chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh... Trong đó, Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh có 3 mục tiêu chính: Tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có, khuyến khích phát triển các vùng kinh tế sử dụng hiệu quả

năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; Nghiên cứu ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; Nâng cao đời sống của nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh.

NESTLÉ - CAM KẾT NỖ LỰC VÌ MỘT VIỆT NAM XANH



▲ Chương trình “Đổi vỏ hộp lấy cây xanh” của Nestlé được người dân nhiệt tình hưởng ứng

Với đặc thù là Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, dinh dưỡng, Nestlé Việt Nam nói riêng và Tập đoàn Nestlé nói chung phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu từ các sản phẩm nông nghiệp. Chính vì vậy, Nestlé luôn coi việc sử dụng hợp lý và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên là yếu tố sống còn trong hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Nestlé Việt Nam cũng luôn chia sẻ, nâng cao nhận thức của các nhân viên, đối tác và cộng đồng về môi trường thông qua các hoạt động tập huấn, truyền thông hiệu quả và những hỗ trợ liên quan tới hoạt động về BVMT.

Trong những năm qua, từ các chương trình vận động sáng kiến cải

tiến, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên tại nhà máy, Nestlé đã đạt mục tiêu tiết kiệm nước hàng năm. Với quan niệm tiết kiệm nước không chỉ tại nơi sản xuất mà còn thực hiện khi các sản phẩm nông nghiệp được gieo trồng, Nestlé đã sát cánh cùng nông dân trong dự án phát triển cà phê bền vững tại Đắk Lắk thông qua các khóa tập huấn giúp bà con nông dân căn cứ vào tình hình thời tiết, nhu cầu cần nước của cây và độ ẩm của đất để tưới nước cho cây với liều lượng thấp nhất nhưng vẫn đạt hiệu quả... Những nỗ lực của Nestlé không chỉ góp phần vào sự phát triển kinh tế địa phương mà còn hướng tới một Việt Nam xanh và sạch - một môi trường thân thiện và trong lành.

CÙNG SƠN SPEC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

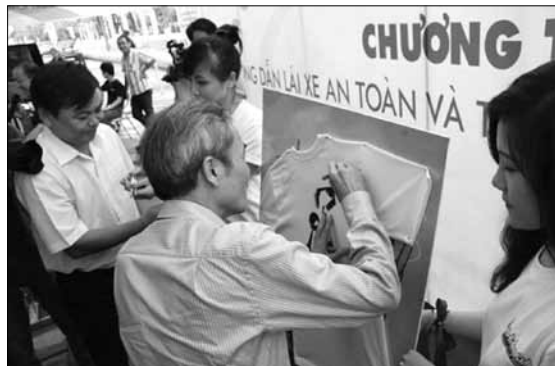
Vừa qua, tại Kiên Giang đã diễn ra buổi lễ ra quân “Cuộc sống tươi đẹp cùng sơn Spec” do nhãn hàng sơn Spec của Công ty 4 Oranges thực hiện với mong muốn kêu gọi mọi người cùng chung tay góp sức, BVMT, tiết kiệm điện, nước...

Là dòng sản phẩm sơn trang trí cao cấp, trong những năm qua, sơn Spec luôn đồng hành cùng các hoạt động BVMT thông qua việc tài trợ các chương trình truyền hình như: Khoảnh khắc thường ngày; Không gian Xanh; Giới thiệu những công trình xây dựng với kết cấu, thiết kế và sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường... Bên cạnh đó, Công ty 4 Oranges cũng đầu tư để phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường như sơn mùi tự nhiên SPEC ODORLESS KOT với hàm lượng VOCs (hợp chất hữu cơ bay hơi) rất thấp, không gây mùi, không gây ô nhiễm môi trường.

FORD VIỆT NAM PHÁT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH LÁI XE AN TOÀN VÀ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty Ford Việt Nam đã phát động Chương trình "Hướng dẫn lái xe an toàn và thân thiện với môi trường" từ năm 2008 nhằm nâng cao nhận thức về văn hóa giao thông và các tác động tiêu cực tới môi trường.

Tại lễ phát động Chương trình năm 2013, Ford Việt Nam cùng các đối tác đã đẩy mạnh chiến dịch "Không còi" bằng một tuyên bố về Ngày Không còi vào các ngày thứ 6 hàng tuần. Ngày Không còi được tuyên truyền thông qua mạng xã hội nhằm khuyến khích các bạn trẻ thay đổi hành vi sử dụng còi xe vì văn hóa giao thông tốt đẹp. Bên cạnh đó, chương trình sẽ tập trung đào tạo các kỹ năng lái xe tiết kiệm nhiên liệu nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và gia tăng tiết kiệm nhiên liệu.



▲ Ông Nguyễn Hoàng Hiệp, Phó Chủ tịch Ủy ban ATGT quốc gia ký vào chiếc áo ủng hộ Ngày Không còi

QUỸ 1 TRIỆU CÂY XANH CHO VIỆT NAM

Chương trình Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam là hoạt động phối hợp giữa Tổng cục Môi trường (VEA) và nhãn hàng nước giải khát Vfresh thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Vinamilk được phát động từ năm 2012. Mục tiêu của Chương trình là khơi dậy và khuyến khích cộng đồng đưa ra nhiều sáng kiến BVMT và quan tâm thiết thực tới việc trồng cây xanh tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

Đến tháng 9/2013, Chương trình đã triển khai trồng gần 87.000 cây xanh ở nhiều khu vực như trồng rừng ngập mặn ở TP. Hạ Long; trồng cây ở trường học Amsterdam và Lương Thế Vinh (TP. Hà Nội), khu vực Âu Thuyền và cảng cá Thọ Quang (Sơn Trà - TP. Đà Nẵng), đường tỉnh lộ 867 huyện Tân Phước và khuôn viên Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác (Thạnh Tân - Tân Phước - Tiền Giang)...

Để phát triển mật độ cây xanh như mục tiêu đã đề ra, nhãn hàng nước giải khát Vfresh của Vinamilk sẽ thực hiện chương trình liên tục trong nhiều năm tại các tỉnh/thành phố của Việt Nam.



▲ Lễ phát động Quỹ 1 triệu cây xanh tại Đà Lạt năm 2013

UNILEVER: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỂ KINH DOANH BỀN VỮNG

Trong những năm qua, Unilever Việt Nam đã triển khai hiệu quả việc tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên (năng lượng, nước, giấy...) và chương trình quản lý chất thải trong sản xuất, cải tiến sản phẩm để giảm thiểu tác động đến môi trường.

Thông qua các nhãn hàng, Unilever Việt Nam đã và đang nỗ lực thực hiện các mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững, với 3 nhiệm vụ trọng tâm: Cải thiện điều kiện sống và tiêu chuẩn vệ sinh sức khỏe của người dân Việt Nam; cải thiện tác động môi trường; sử dụng 100% nguyên liệu từ nguồn cung cấp bền vững.

Ghi nhận những nỗ lực trong sự nghiệp BVMT tại Việt Nam, Unilever Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen (năm 2011) và Bộ TN&MT trao Giải thưởng Môi trường Việt Nam (năm 2013).

PANASONIC TĂNG TỐC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

Panasonic Appliances Việt Nam, Công ty thành viên của Tập đoàn Panasonic tại Việt Nam, vừa đưa Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển (R&D) và Nhà máy Sản xuất máy giặt đi vào hoạt động tại KCN Thăng Long II (Hưng Yên), với vốn đầu tư 32 triệu USD.

Nhà máy sản xuất máy giặt và Trung tâm R&D được xây dựng trên diện tích 52.000 m², công suất khoảng 1.000 sản phẩm/ngày, nhưng trong 2 năm tới, khi đạt công suất tốt đa, có thể lên đến 600.000 sản phẩm/năm. Trong khi đó, Trung tâm R&D được thiết kế để phục vụ cho các nhà máy của Panasonic Appliances ở Thái Lan, Indônêxia, Philipin.

Có thể thấy, Panasonic đang hiện thực hóa kế hoạch tăng cường đầu tư vào Việt Nam đã được công bố từ tháng 9/2011.



KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI ĐẦU TIÊN Ở VIỆT NAM

Bourbon An Hòa được coi là KCN đầu tiên tại Việt Nam xây dựng theo tiêu chí KCN sinh thái. Nằm trên địa bàn xã An Hòa (Trảng Bàng, Tây Ninh), Bourbon An Hòa có vị trí địa lý thuận lợi giúp các nhà đầu tư kết nối với các vùng nguyên liệu và thị trường trong nước cũng như các quốc gia lân cận.

Theo quy hoạch đã được phê duyệt, trong tổng diện tích 1.020 ha KCN có 760 ha đất công nghiệp, 76 ha đất tái định cư, 184 ha xây dựng cảng, kho bãi. Đặc biệt tại KCN, ngoài 15% diện tích chung dành cho cây xanh, mỗi dự án xây dựng nhà máy chỉ được sử dụng tối đa 70% đất xây dựng, 30% còn lại được dành cho diện tích xanh. Nhà máy xử lý nước thải của vườn công nghiệp có công suất dự kiến 40.000 m³/ngày đêm. Nước thải sau khi xử lý sẽ được dẫn vào các dòng kênh nội bộ - nơi nuôi trồng nhiều loại sinh vật để làm sạch nước và kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý.

TRAO GIẢI THƯỞNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CHO CÁC DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC

Vừa qua, tại TP. Hồ Chí Minh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trao Giải thưởng Trách nhiệm xã hội cho các DN Hàn Quốc đầu tư tại Việt Nam nhằm tôn vinh những DN hoạt động hiệu quả.

Theo đó, 6 DN được trao giải là Tập đoàn Hansae, Tập đoàn Hwaseung Vina, Công ty cổ phần Thành Công (Eland), Công ty Hyundai Kefico, Công ty Xây dựng Posco, Tập đoàn CJ. Bên cạnh hoạt động kinh doanh hiệu quả, các DN này còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Đặc biệt, các DN ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên trong quá trình sản xuất.

Tính đến tháng 9/2013, có 2.695 DN Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn đăng ký hơn 16 tỷ USD. Nhờ chính sách thu hút đầu tư ngày càng thông thoáng, thủ tục hành chính được cải cách theo hướng tạo thuận lợi cho nhà đầu tư, Việt Nam là điểm đến lý tưởng cho các sản phẩm văn hóa - nghệ thuật và ẩm thực của Hàn Quốc.

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM ĐẠT CHỨNG CHỈ XANH

Siêu thị Big C Dĩ An - Trung tâm thương mại Green Square (Bình Dương) đã trở thành Trung tâm thương mại đầu tiên tại Việt Nam được cấp chứng chỉ Công trình Xanh.

Với chiến lược phát triển bền vững, Big C đã triển khai nhiều hoạt động BVMT như khuyến khích khách hàng hạn chế sử dụng túi ni lông, thu gom pin đã qua sử dụng... Mặt khác, Big C còn sử dụng 1.450 m² pin năng lượng mặt trời; hệ thống vòi nước tự động ngắt khi không có nhu cầu sử dụng; xử lý nước thải tại công trình để tưới cây... góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Chứng chỉ Công trình Xanh là minh chứng cho những nỗ lực của Big C vì một môi trường xanh - sạch - đẹp. Qua đó, tạo tiền đề thúc đẩy các DN tại Việt Nam đầu tư xây dựng Công trình Xanh và hướng tới phát triển bền vững.



▲ Sân chơi công cộng tại Big C Dĩ An

QUỸ THÁCH THỨC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM: **Nuôi dưỡng các ý tưởng kinh doanh mới**



▲ Ông Javier Ayala, Giám đốc điều hành Quỹ VBCF

Các Công ty sẽ nhận tài trợ không hoàn lại 800.000 USD cho mỗi Dự án nếu giải quyết được bài toán về nhà ở, nước sạch, dịch vụ vệ sinh cho người thu nhập thấp... đó là cam kết mà ông Javier Ayala, Giám đốc điều hành Quỹ Thách thức Doanh nghiệp Việt Nam (VBCF) khi trao đổi với Tạp chí Môi trường về mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp (DN) tư nhân hoạt động tại Việt Nam phát triển mô hình kinh doanh sáng tạo, có thể tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân có thu nhập thấp.

***Xin ông cho biết đôi nét về VBCF cũng như những thành công bước đầu của Quỹ thời gian qua?**

Ông Javier Ayala: VBCF được thiết kế đặc biệt nhằm hỗ trợ các DN tư nhân hoạt động tại Việt Nam phát triển các mô hình kinh doanh nhỏ nhưng có tính sáng tạo, mang lại lợi ích thương mại cho DN, đồng thời tạo việc làm cho những người có thu nhập thấp để họ nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện tiếp cận sản phẩm và dịch vụ với giá hợp lý. Quỹ sẽ tư vấn, tài trợ không hoàn lại cho các DN lên tới 800.000 USD/mỗi Dự án thuộc 3 lĩnh vực: Nông nghiệp, Tăng trưởng xanh, cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và dịch vụ cơ bản. Quỹ VBCF được Chính phủ Anh tài trợ thông qua Bộ Phát triển Quốc tế (DFID) và do Tổ chức Phát triển Hà Lan (SNV) quản lý.

Các sáng kiến kinh doanh cho phép DN đưa người thu nhập thấp tham gia vào chuỗi kinh doanh với quan hệ đôi bên cùng có lợi và bền vững. Mô hình kinh doanh này

được thực hiện thành công tại một số quốc gia trên thế giới, chứng tỏ khối DN tư nhân đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với việc phát triển bền vững.

Một số lợi ích của DN khi thực hiện các mô hình kinh doanh cùng người thu nhập thấp (IB) do VBCF hỗ trợ bao gồm: DN sẽ đạt lợi ích thương mại như lợi nhuận, giảm thiểu chi phí, tăng thị phần, nâng cao tính bền vững trong kinh doanh...; DN cũng có thể cải thiện hình ảnh về trách nhiệm xã hội, mối quan hệ với cộng đồng địa phương, chính quyền... Mặt khác, lợi ích cho người thu nhập thấp gồm các cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập, điều kiện tiếp cận hàng hóa và dịch vụ thiết yếu để cải thiện chất lượng cuộc sống.

Trong đợt kêu gọi đề xuất Dự án lần 1, VBCF đã nhận được hơn 150 đề xuất, trong đó có 14 đề xuất được lựa chọn vào danh sách ngắn để xây dựng kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh. Một số lý do chính các đề xuất không được đưa vào

danh sách ngắn gồm: Thiếu tính sáng tạo và đổi mới trong ý tưởng kinh doanh; Không có hoặc rất ít tiềm năng tạo lợi ích cho người thu nhập thấp; Chỉ thuần túy mở rộng các hoạt động hiện đang thực hiện thành công; Thiếu năng lực thực hiện dự án.

Để nâng cao chất lượng Dự án, Quỹ luôn sẵn sàng hướng dẫn các DN trong quá trình xây dựng đề xuất, DN có thể tới văn phòng VBCF tại Hà Nội hoặc tham gia các hội thảo chia sẻ thông tin tại các địa phương... Do đó, DN cần thực sự hiểu và tin tưởng vào ý tưởng trước khi đệ trình đề xuất Dự án. Mức đầu tư và kinh phí đề nghị VBCF hỗ trợ phải thực tế, phù hợp với quy mô, mục tiêu của dự án và phù hợp với năng lực tài chính, kỹ thuật và tổ chức của DN.

***Những điểm mới của VBCF trong đề xuất Dự án lần 2 là gì, thưa ông?**

Ông Javier Ayala: Những điểm mới lần này là: 7 thách thức cụ thể đã được đưa ra để các DN giải



▲ VBCF hỗ trợ các DN tư nhân hoạt động tại Việt Nam phát triển các mô hình kinh doanh nhỏ

quyết thông qua các ý tưởng kinh doanh. Các thách thức này được nêu cụ thể trong tài liệu hướng dẫn của Quỹ. Thời gian nộp đề xuất sẽ kéo dài 4 tháng thay vì 2 tháng như đợt 1. Dự án đề xuất sẽ được đánh giá trên cơ sở “đến trước xét duyệt trước”. Các đề xuất không được lựa chọn vào danh sách ngắn ở vòng 1 hoặc vòng 2 có thể nộp lại để xuất với nội dung được cải thiện theo yêu cầu. Hai năm kinh nghiệm trong ngành liên quan là yêu cầu không chỉ đối với DN đề xuất mà cả đối với cổ đông chính hoặc ban điều hành DN.

***Để được VBCF xét duyệt và**

quyết định đầu tư, các DN phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí nào?

Ông Javier Ayala: Các điều kiện đó là: DN phải đệ trình ý tưởng kinh doanh mang tính đổi mới sáng tạo, có khả năng tạo lợi nhuận và có sự tham gia của người thu nhập thấp.

Ý tưởng kinh doanh phải phù hợp với một trong ba lĩnh vực trọng điểm (nông nghiệp, tăng trưởng xanh, cơ sở hạ tầng và dịch vụ cơ bản). Ngoài ra, có thể giải quyết ít nhất một trong số các thách thức được nêu trong kêu gọi đề xuất đợt 2.

DN hoặc cổ đông chính của

phải chứng minh ít nhất hai năm kinh nghiệm trong ngành mà dự án đề xuất.

DN gửi đề xuất phải đầu tư ít nhất 51% tổng kinh phí đầu tư Dự án. Từ đó, Quỹ VBCF đưa ra cơ hội hỗ trợ đầu tư để nuôi dưỡng các ý tưởng kinh doanh mới và năng động tập trung vào các sản phẩm mang tính đổi mới, sáng tạo và các thị trường mới. Đây sẽ là một cơ hội tốt cho các DN Việt Nam, đồng thời cũng là một thách thức để các DN đổi mới và phát triển với hỗ trợ tài chính và tư vấn từ Quỹ.

***Xin cảm ơn ông.**

ĐỨC TRÍ (Thực hiện)

BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP FDI

Vừa qua, Sở Tư pháp Đà Nẵng phối hợp với Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp) tổ chức tọa đàm về thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền lợi của người lao động trong các DN FDI trên địa bàn TP.

Hiện có 30 quốc gia đầu tư vào Đà Nẵng với tổng số 268 dự án và tổng vốn đầu tư 3,21 tỷ USD. Bên cạnh những mặt

tích cực, trình độ người lao động trong các DN FDI vẫn ở mức thấp, còn xảy ra tranh chấp lao động, bị xâm phạm đến thời gian lao động, các chế độ phúc lợi, an sinh xã hội...

Các đại biểu đã tập trung thảo luận về quyền và lợi ích của người lao động trong các doanh nghiệp FDI, vai trò của tổ chức Công đoàn, giải quyết tranh chấp lao động...; đồng

thời đưa ra một số giải pháp khắc phục, tập trung vào việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xây dựng pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao ý thức pháp luật về lao động cho người sử dụng lao động và người lao động trong các DN...

Chính sách phát triển công nghệ và công nghiệp môi trường ở Hàn Quốc

JUNG GUN YOUNG - Trưởng đại diện

Viện Công nghệ và Công nghiệp Môi trường Hàn Quốc (KEITI) tại Việt Nam

Bước sang thập niên 1990, sau gần 3 thập kỷ tăng trưởng nền kinh tế Hàn Quốc bắt đầu phải đối diện với thách thức mới do ảnh hưởng của xu thế cạnh tranh các sản phẩm công nghiệp từ các quốc gia đang phát triển có nền kinh tế mới nổi. Bên cạnh đó, các tác động về môi trường ngày càng bộc lộ rõ, làm suy giảm sức khỏe của dân cư sinh sống ở các vùng công nghiệp tập trung. Trong bối cảnh này, các định hướng chính sách môi trường của Hàn Quốc đã phải thay đổi, Chính phủ đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp môi trường trong nước nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

Trước năm 1990, Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ Y tế và các vấn đề xã hội. Từ năm 1990, được chuyển thành đơn vị độc lập trực tiếp chịu sự lãnh đạo của Văn phòng Tổng thống. Năm 1994, Tổng cục Môi trường chuyển thành Bộ Môi trường, tăng cường thêm các chức năng và nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, triển khai công nghệ và công nghiệp môi trường. Đồng thời, thành lập thêm một số cơ quan chuyên trách về lĩnh vực này.

Năm 2000, công tác nghiên cứu và triển khai trong lĩnh vực công nghệ môi trường (CNMT) đã được thể chế hóa bằng việc ban hành Luật Hỗ trợ và Phát triển công nghệ môi trường. Theo Luật này, ngành CNMT bao gồm: Các ngành công nghiệp cung cấp thiết bị, vật liệu và dịch vụ phục vụ các hoạt động BVMT như đo đạc, phòng ngừa, kiểm soát, phục hồi ô nhiễm hay tổn thất đối với môi trường không khí,



▲ Thảo luận về Dự án hợp tác giữa Bộ Môi trường Hàn Quốc và UBND tỉnh Cần Thơ trong lĩnh vực cấp nước tập trung cho nông thôn (12/11/2013)

nước, tiếng ồn, rung, hệ sinh thái; Các ngành công nghiệp cung cấp thiết bị, vật liệu và dịch vụ phục vụ duy trì và bảo tồn môi trường...

Đồng thời, Luật cũng quy định, Bộ Môi trường là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch tổng thể về phát triển công nghệ môi trường trên cơ sở rà soát hiện trạng và tổng hợp nhu cầu hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D) về CNMT ở từng cơ quan Bộ/ngành Trung ương và địa phương. Hàng năm, các cơ quan này phải có trách nhiệm báo cáo về nhu cầu và tình hình triển khai các dự án R&D trong lĩnh vực CNMT về Bộ Môi trường trước ngày 15/2. Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu và hiện trạng hoạt động của các Bộ/ngành và địa phương, Bộ Môi trường có trách nhiệm xây dựng báo cáo tổng thể để đệ trình Ủy ban Quốc gia về Khoa học và Công nghệ. Ủy ban được thành lập theo Bộ luật khung về Khoa học và Công nghệ. Luật cũng quy định các chức năng và nhiệm vụ

của Bộ Môi trường trong việc thẩm định, đánh giá và kiểm định nhằm chứng nhận các công nghệ mới, công nghệ sáng tạo trong lĩnh vực môi trường cũng như các công nghệ sạch, thân thiện môi trường.

Ngân sách Chính phủ dành cho hoạt động nghiên cứu và triển khai trong lĩnh vực công nghệ môi trường được quyết định theo từng thời kỳ trên cơ sở kế hoạch tổng thể do Bộ Môi trường xây dựng và đệ trình Chính phủ xem xét, phê chuẩn. Trong giai đoạn 2008 - 2012, hai lĩnh vực công nghệ nhận được ưu tiên cao nhất trong Chương trình nghiên cứu và phát triển công nghệ chung của quốc gia là năng lượng (gồm năng lượng hạt nhân, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, pin thế hệ mới, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu) và môi trường (gồm công nghệ xử lý nước thông minh, ô tô xanh, giảm phát thải các bon, thu hồi tài nguyên hiệu suất cao, lọc/làm sạch đất và nước

ngầm, sử dụng và tái tạo tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường, phục vụ sức khỏe môi trường, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường). Trong thời kỳ này, khoảng 66,5 nghìn tỷ won (khoảng trên 60 tỷ USD Mỹ) được đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ ở Hàn Quốc, trong đó 15% ngân sách dành cho hoạt động R&D về CNMT.

Với chính sách ủng hộ mạnh mẽ cho hoạt động nghiên cứu và triển khai nhằm tạo động lực phát triển cho nền “kinh tế sáng tạo”, Chính phủ Hàn Quốc dự kiến đầu tư cho Chương trình R&D quốc gia về lĩnh vực CNMT trong giai đoạn (2013 - 2017) khoảng 92,4 nghìn tỷ won (tương đương 80,3 tỷ USD Mỹ). Mục tiêu của Chương trình nhằm phát triển các công nghệ thế mạnh mới của Hàn Quốc, tạo thêm 640 ngàn việc làm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người của Hàn Quốc lên 30 nghìn USD Mỹ vào năm 2017. Đặc biệt, Chương trình R&D quốc gia sẽ tăng cường ưu tiên cho hoạt động hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNV&N). Công nghệ xử lý nước thải hiệu suất cao được đánh giá là một trong 10 công nghệ có triển vọng nhất trong giai đoạn sắp tới của các DNV&N của Hàn Quốc. Bộ Môi trường Hàn Quốc đã xây dựng kế hoạch hỗ trợ và thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động xuất khẩu CNMT của các DNV&N ra nước ngoài, với việc khởi xướng Dự án “Green Export 100 Project” nhằm hỗ trợ cho 100 DNV&N xuất khẩu CNMT sang các thị trường nước ngoài trong giai đoạn 2014 - 2017.

Viện Công nghệ và Công nghiệp Môi trường Hàn Quốc (KEITI), là cơ quan chức năng được Bộ Môi trường giao nhiệm vụ hỗ trợ và thúc đẩy ngành công nghiệp môi trường. Hiện nay, KEITI được Bộ Môi trường giao tổ chức và vận hành 5 Trung tâm hợp tác, xúc tiến và thúc đẩy đầu tư trong lĩnh vực môi trường nói chung cũng như hoạt động nghiên cứu và phát triển CNMT nói riêng (Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Angiêri, Côlômbia). Trong giai đoạn 2010 - 2013, KEITI đã triển khai hỗ trợ thực hiện khoảng gần 240 dự án, với tổng kinh phí hỗ trợ từ Chính phủ Hàn Quốc là 140 triệu USD. Riêng ở Việt Nam, trong giai đoạn 2008 - 2013, KEITI đã hỗ trợ triển khai 7 dự án, với tổng kinh phí lên đến 2,5 triệu USD Mỹ trong lĩnh vực môi trường. Trong thời gian tới, KEITI sẽ tích cực mở rộng các hoạt động hợp tác và tăng cường xây dựng mối quan hệ cộng tác chặt chẽ hơn nữa giữa cộng đồng các nhà công nghệ và doanh nghiệp môi trường của hai nước■

HÀN QUỐC CHIA SẺ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN XANH

Trên thế giới, nhiều nước ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng các mô hình nhà máy thông minh, mạng lưới điện thông minh... công nghệ thông tin xanh có thể tối đa hóa sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, thúc đẩy chuyển sang xã hội các bon thấp. Là quốc gia thành công trong phát triển công nghệ thông tin xanh với một Chiến lược Quốc gia công nghệ thông tin xanh được xây dựng từ năm 2008, Hàn Quốc đã thực hiện tốt việc “xanh hóa” công nghệ thông tin để sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin chất lượng cao. Song song, Hàn Quốc triển khai cuộc sống xanh “nhờ công nghệ thông tin”, xây dựng sản xuất xanh, hệ thống giao thông và dịch vụ xanh thông minh, mạng lưới năng lượng thông minh...

Với những kinh nghiệm về phát triển công nghệ thông tin xanh, các chuyên gia Hàn Quốc khuyến nghị: Chính phủ nên khuyến khích công nghệ thông tin xanh sớm để không bỏ lỡ cơ hội. TS. Sang Hyun Park, Cơ quan Xã hội thông tin quốc gia Hàn Quốc cho rằng, khởi đầu Việt Nam cần có lộ trình tuyên truyền, phổ biến thông tin để nâng cao nhận thức của người dân, làm cho người dân hiểu mối liên hệ giữa Tăng trưởng xanh và công nghệ thông tin, hiểu rằng công nghệ thông tin có thể gây tác động tiêu cực đến môi trường, bên cạnh việc công nghệ thông tin có thể giúp phát triển kinh tế và nâng cao mức sống của người Việt Nam.

Các chuyên gia Hàn Quốc cho rằng, Việt Nam cần đánh giá cấu trúc ngành và khả năng công nghệ thông tin và thực hiện xây dựng chiến lược vĩ mô ở cấp quốc gia. Chính phủ cũng nên nghiên cứu so sánh các chính sách, chiến lược công nghệ thông tin xanh của các nước tiên tiến và căn cứ vào thực tiễn để điều chỉnh chính sách thích hợp nhất đối với Việt Nam; thiết lập mục tiêu chi tiết cho mỗi khu vực sau khi thiết kế mô hình dịch vụ công nghệ thông tin xanh, có lộ trình chi tiết cho các chính sách trung - dài hạn.

Vấn đề quan trọng nhất là nguồn kinh phí để thúc đẩy công nghệ thông tin xanh. Đây có thể là một trong những khó khăn ban đầu. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của Hàn Quốc, phát triển công nghệ thông tin xanh để tiết kiệm năng lượng, nên mặc dù phải đầu tư ban đầu, nhưng lợi ích là lâu dài. Chính phủ nên có chính sách xúc tiến đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi các công ty có ứng dụng những công nghệ tiết kiệm năng lượng và không gây hại tới môi trường.

PV

Kinh nghiệm thu hút FDI của một số nước châu Á

TRUNG QUỐC

Trung Quốc là quốc gia được đánh giá có phương thức “lợi dụng vốn ngoại” một cách hiệu quả. Bình quân mỗi năm, Doanh nghiệp FDI đóng góp khoảng 30% GDP của Trung Quốc; tạo khoảng 72.000 việc làm/năm; đóng vai trò quan trọng trong xuất khẩu, thúc đẩy ngoại thương. Trong thời kỳ đầu cải cách mở cửa, Trung Quốc thành lập 4 đặc khu kinh tế, mở cửa 14 thành phố ven biển, đẩy mạnh thu hút vốn và kỹ thuật của nước ngoài với những ưu đãi về thuế, đất đai, lao động... Trong giai đoạn này, FDI vào Trung Quốc chủ yếu đầu tư vào các ngành gia công, chế tạo, sử dụng nhiều lao động.

Trong giai đoạn 1992 - 2000, Chính phủ Trung Quốc chủ trương đẩy mạnh xây dựng thể chế kinh tế thị trường, nhờ đó đầu tư nước ngoài vào nước này tăng nhanh. Phương thức “lợi dụng vốn ngoại” của Trung Quốc là cùng góp vốn với công ty nước ngoài, khuyến khích doanh nghiệp FDI nghiên cứu và thực nghiệm tại Trung Quốc. Từ năm 1995, FDI của Trung Quốc tập trung vào nhóm ngành công nghiệp, xây dựng (chiếm khoảng 70%), trong đó ngành chế tạo chiếm tỷ trọng lớn...

Sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào cuối năm 2001, chính sách thu hút FDI của Trung Quốc có sự điều chỉnh phù hợp với các quy định của WTO với việc từng bước mở cửa thu hút đầu tư FDI vào các ngành dịch vụ, bất động sản, tiền tệ... Trong giai đoạn 2010 - 2020,



▲ Trung Quốc thu hút FDI vào các ngành kỹ thuật cao, kinh nghiệm quản lý, nhân lực chất lượng cao

Trung Quốc nêu rõ quan điểm thu hút FDI vào các ngành kỹ thuật cao, kinh nghiệm quản lý, nhân lực chất lượng cao. Trung Quốc cũng tiến hành sửa đổi bổ sung “Danh mục hướng dẫn ngành nghề đầu tư nước ngoài”, đồng thời cho phép chính quyền địa phương được phê chuẩn dự án đầu tư từ 100 triệu USD lên 300 triệu USD. Đặc biệt, Trung Quốc đã đề ra nhiều chính sách ưu đãi thuế và đưa vào quy định trong Luật. Ưu đãi về kỳ hạn kinh doanh; Ưu đãi đối với khu vực đầu tư; Đãi ngộ dành cho hành vi tái đầu tư; Ưu đãi cho người đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, biện pháp miễn, giảm hoặc hoàn trả thuế doanh thu cũng được Chính phủ áp dụng để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào ngành, vùng ưu tiên. Trọng tâm cải cách về thuế được tập trung ở một số điểm: Thực hiện một chính sách

thuế thống nhất đối với mọi thành phần kinh tế nhằm đảm bảo sự bình đẳng về thuế, thuế đánh không phân biệt giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn FDI; Thay thế thuế doanh nghiệp bằng thuế giá trị gia tăng và đơn giản hóa cơ cấu thuế suất; Giảm thuế thu nhập đánh vào doanh nghiệp để kích thích sản xuất kinh doanh phát triển, mở rộng diện thu thuế thu nhập cá nhân...

THÁI LAN

FDI luôn được xem là một trọng tâm đối với nền kinh tế Thái Lan. Chính phủ Thái Lan đã xây dựng một chính sách ưu đãi để cho dòng vốn này phát huy được lợi thế. Ngay từ giai đoạn 1959 - 1971, Thái Lan đã thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế thay thế hàng nhập

khẩu, với chủ trương giảm dần đầu tư từ Chính phủ, khuyến khích đầu tư tư nhân. Vào năm 1959, Thái Lan đã thành lập Bộ Đầu tư và đến năm 1960 đã ban hành Đạo luật Đầu tư. Giai đoạn 1972 - 1996, Bộ Đầu tư Thái Lan đã ban hành chính sách thu hút các chuyên gia, lao động chất lượng cao từ bên ngoài với những ưu đãi về đất, việc làm để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế theo hướng xuất khẩu. Từ năm 2005, chính sách thu hút FDI của Thái Lan chuyển theo hướng đầu tư chọn lọc với chính sách ưu tiên nhà đầu tư trong nước, hỗ trợ phát triển các loại hình dịch vụ phi sản xuất và các loại hình dịch vụ tài chính. Thống kê cho thấy, FDI vào Thái Lan đầu tư nhiều nhất là lĩnh vực công nghiệp, sau đó là thương mại, bất động sản, xây dựng...

MALAIKIA

Đối với Malaxia, những năm 50 - 60 của thế kỷ trước, Malaixia khuyến khích thu hút FDI đầu tư vào những ngành xuất khẩu bằng việc giảm thuế thu nhập 3 năm cho các doanh nghiệp đầu tư vào những ngành được lựa chọn. Từ những năm 90 đến nay, Malaixia khuyến khích thu hút FDI vào những ngành sử dụng công nghệ cao, ít phát thải thông qua việc phân loại rõ những ngành ưu đãi đầu tư. Thời gian qua, Malaixia đã xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống chính sách thu hút FDI tương đối đồng bộ, thông thoáng, nhất quán và minh bạch đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, Malaixia còn có những chính sách khuyến khích ưu đãi về thuế, qua đó, đã tạo được môi trường đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Chính sách thuế thu hút FDI của Malaixia thể hiện tính ổn định, minh bạch, nhưng cũng rất linh hoạt, kịp thời bổ sung, điều chỉnh phù hợp với

tình hình thực tiễn trong nước và quốc tế. Chính sách thuế của Malaixia đã hướng vào một số lĩnh vực ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần tạo lập cơ cấu ngành kinh tế năng động và hiệu quả.

SINGAPO

Là một quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển, bên cạnh việc phát triển kinh tế nhanh, Singapo còn chú trọng mục tiêu phát triển bền vững, tạo ra một thể thống nhất cho mô hình phát triển kinh tế đất nước. Chính phủ Singapo đã xác định rõ việc thu hút nguồn vốn FDI tập trung vào 3 lĩnh vực ưu tiên là: ngành sản xuất mới, xây dựng và xuất khẩu. Bên cạnh đó, tùy từng điều kiện cụ thể của mỗi thời kỳ, Singapo chủ trương thu hút FDI vào các ngành thích hợp. Ngoài những chính sách thu hút đầu tư (bao gồm đảm bảo và khuyến khích đầu tư), Singapo còn ban hành những quy định nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, chủ yếu là các hạn chế đầu tư để đất nước duy trì

phát triển một cách ổn định, lâu dài, có tính đến lợi ích của các thế hệ mai sau. Singapo hầu như không phân biệt đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài...

Chính phủ Singapo đã ban hành những chính sách khuyến khích các nhà tư bản nước ngoài bỏ vốn vào đầu tư. Với chính sách ưu đãi đặc biệt, đó là: Khi kinh doanh có lợi nhuận, nhà đầu tư nước ngoài được tự do chuyển lợi nhuận về nước; Nhà đầu tư có quyền cư trú nhập cảnh (đặc quyền về nhập cảnh và nhập quốc tịch); Nhà đầu tư nào có số vốn ký thác tại Singapo từ 250.000 USD Singapo trở lên và có dự án đầu tư thì gia đình họ được hưởng quyền công dân Singapo.

Từ các chính sách thu hút dòng vốn FDI của các nước trên, có thể đúc rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư đối với khu vực FDI, nhằm tạo một "sân chơi" hấp dẫn và minh bạch cho các doanh nghiệp nước ngoài■

MINH HẠNH



▲ Malaixia đã tạo được môi trường đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài

Những mô hình tiêu biểu về đầu tư bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp FDI trên thế giới



▲ Công ty Mobil thường xuyên tổ chức đào tạo, hợp tác kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực giảm thiểu phát thải thông qua cách tiết kiệm chi phí

Việc xử lý ô nhiễm môi trường của các nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình sản xuất là không thể thiếu ngay từ khi bắt đầu hoạt động, trong nhiều trường hợp, việc xử lý các vấn đề môi trường có thể gây khó khăn khi đánh giá năng lực của nhà đầu tư.

Dưới đây là một số mô hình tiêu biểu về đầu tư vào BVMT của doanh nghiệp FDI tại các nước trên thế giới:

Trong ngành công nghiệp (CN) điện: Những năm qua, mối quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp sản xuất điện của Trung Quốc và Tổng Công ty Điện lực Tokyo (Nhật Bản) ngày càng phát triển tốt đẹp. Ngay từ năm 1992, 100 cán bộ quản lý của Bộ Điện lực Trung Quốc đã tham gia vào một chương trình hợp

tác trao đổi với Công ty Điện lực Tokyo về thúc đẩy hiệu quả trong công tác quản lý, trong đó có việc nâng cao ý thức BVMT.

Ngành CN tự động: Trong quá trình hợp tác kỹ thuật giữa hai bên, có thể thấy sự quan trọng của năng lực các nhà đầu tư nước ngoài trong ngành điện. Song song với việc chuyển giao công nghệ cho các nước đang phát triển, Tổng Công ty Điện lực Tokyo đã thiết lập nhiều dự án nghiên cứu và hợp tác với các doanh nghiệp và trường đại học của Trung Quốc. Trong khuôn khổ các chương trình hợp tác này, nhiều nghiên cứu về loại xe ô tô chạy bằng điện, ắc quy, ôxy hóa nhiên liệu và pin nhiên liệu hiện đang được tiến hành tại các phòng thí nghiệm của Trung

Quốc. Đồng thời, việc chuyển giao công nghệ cho ngành công nghiệp ô tô Trung Quốc cũng được doanh nghiệp Nhật Bản thực hiện thông qua những khoản hỗ trợ các viện nghiên cứu triển khai các hội thảo về ngành công nghiệp hỗ trợ.

Ngoài ra, tại nhiều nước trên thế giới cũng có những mô hình đầu tư BVMT của các doanh nghiệp FDI trong quá trình hoạt động sản xuất ở những quốc gia, tiêu biểu như thương hiệu sản xuất ô tô nổi tiếng thế giới - Tập đoàn Volkswagen của Đức. Khi tiến hành đầu tư ở nhiều nước trên thế giới, Tập đoàn đều tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của những nước này, đồng thời, sử dụng các công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường để sản xuất ra các loại xe ô

tô theo tiêu chuẩn châu Âu. Mặc dù vậy, trong thực tế, Tập đoàn cũng có thể không thực hiện được công tác BVMT do điều kiện, cũng như năng lực của nước sở tại không đáp ứng yêu cầu của Tập đoàn.

Tại nhiều nước, Tập đoàn đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải một cách quy mô như ở Braxin, Mêhicô, Nigêria và Trung Quốc. Cùng với đó, Tập đoàn cũng đầu tư hệ thống xử lý khí thải ngay cả khi Tập đoàn không cần phải điều đó. Ngoài ra, việc thực hiện đánh giá, xử lý các vùng đất bị ô nhiễm cũng đang được triển khai tại nhiều nơi, đặc biệt là ở các nước châu Mỹ. Đối với vấn đề xử lý chất thải, Tập đoàn cũng thực hiện khá tốt như ở Nam Phi, trước đây, các loại chất thải không nguy hại thường không được phân loại và tái chế, nhưng sau đó vấn đề này đã được giải quyết khi Tập đoàn đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải vào năm 1996. Ngoài các lợi ích về môi trường, việc xây dựng Nhà máy cũng đem lại các lợi ích xã hội như tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương và tăng nguồn thu cho người dân trong vùng thông qua việc sản xuất ra các sản phẩm tái chế.

Đặc biệt, việc chuyển giao công nghệ của Tập đoàn được tiến hành không chỉ giữa các nhà máy và nhà cung cấp, mà còn giữa một số tổ chức và các viện nghiên cứu ở các nước này.

Không chỉ ngành CN ô tô, mà còn trong các ngành khác như Lương thực thực phẩm, CN hóa chất hay CN thuộc da đều có những mô hình hay về công tác đầu tư BVMT của các doanh nghiệp FDI. Ví dụ, ngành Lương thực thực phẩm: Sự phát triển của nhiều giống cây trồng cho năng suất cao hơn là một yếu tố quan trọng góp phần phát triển nông nghiệp bền

vững và đảm bảo an ninh lương thực về lâu dài. Hoạt động duy trì và cải thiện hiệu suất cây trồng đòi hỏi phải được đầu tư công nghệ tiên tiến thường xuyên. Sự chuyển giao các công nghệ này là điều kiện tiên quyết để xây dựng ngành nông nghiệp bền vững và hiệu quả tại các nước đang phát triển. Ví dụ, hoạt động đầu tư cải thiện môi trường của các doanh nghiệp nước ngoài ở nhiều nước có thể là việc chuyển giao các ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp (ISAAA), tập trung xây dựng quan hệ đối tác giữa các nước cũng như các khu vực tư nhân dựa trên những hỗ trợ về công nghệ. ISAAA đang làm việc với các công ty về công nghệ sinh học hàng đầu của thế giới và đến nay đã triển khai được hàng chục dự án ở châu Phi, châu Á và Nam Mỹ về lĩnh vực này.

Trong ngành CN hóa chất: Theo yêu cầu của Chính phủ Indônêxia, một doanh nghiệp thuộc Hiệp hội Công nghiệp hóa chất Nhật Bản (JCIA) đã cử chuyên gia đến khu công nghiệp ở ngoại ô Jakarta để làm việc từ năm 1995 - 1996, với nhiệm vụ cung cấp các giải pháp xử lý nước thải chuyên nghiệp cho các nhà máy thực phẩm nhỏ tại địa phương. Với sự hỗ trợ về kỹ thuật, các nhà máy đã xử lý được bùn hoạt tính, góp phần cải thiện ô nhiễm môi trường của địa phương.

Bên cạnh đó, trong ngành CN Dầu khí, nổi lên một số doanh nghiệp FDI thực hiện đầu tư BVMT hiệu quả, trong đó có Công ty Amoco (Tây Sibêria). Đây là mô hình hợp tác giữa các doanh nghiệp của Mỹ và Nga nhằm thực hiện các giải pháp cải thiện và phục hồi môi trường của một số nơi ở Sibêria. Dự án nằm trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ của Mỹ dành cho Nga nhằm khắc phục những thiệt hại do hoạt động khai thác dầu khí gây ra trong thời

kỳ Liên Xô (cũ). Một ví dụ minh họa nữa là Tập đoàn BP đã đầu tư một khoản tiền lớn cho BVMT ở Côlômbia khi doanh nghiệp này triển khai một dự án quan trắc hệ thống sông ở các vùng nhiệt đới và đánh giá tác động của việc khai thác dầu khí đối với những khu vực này. Còn đối với Công ty Chevron ở Papua New Guinea, việc đầu tư cải thiện môi trường được thực hiện như sau: Việc đầu tư sản xuất dầu tại Papua New Guinea đã được Công ty Chevron tiến hành cùng với công tác BVMT, hỗ trợ phúc lợi xã hội cho những người bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai thác dầu khí, đồng thời có phương án phát triển doanh nghiệp sau khi các mỏ dầu đã cạn kiệt.

Tại Malaixia, Công ty Exxon đã đầu tư phát triển kinh tế và tăng cường các hoạt động cải thiện môi trường, góp phần đưa Malaixia trở thành một quốc gia phát triển công nghiệp bền vững theo Chiến lược Phát triển quốc gia tầm nhìn đến năm 2020. Công ty đã làm việc với các cấp chính quyền để đảm bảo từ Nhà nước đến các cộng đồng và người dân Malaixia đều nhận thức rõ các lợi ích về môi trường và kinh tế.

Trong quá trình đầu tư khai thác dầu khí ở Indônêxia, Công ty Mobil đã tổ chức đào tạo, hợp tác kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực bảo tồn nguồn tài nguyên dầu khí cho Indônêxia. Còn Công ty Shell khi đầu tư tại Cộng hòa Séc, doanh nghiệp này đã đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, góp phần quan trọng đưa ngành công nghiệp lọc dầu Cộng hòa Séc phát triển bền vững. Hay trong ngành CN thuộc da, Tập đoàn BCSD Côlômbia đã giúp các công ty nhỏ trong ngành thuộc da giảm thiểu phát thải thông qua cách tiết kiệm chi phí■

TRẦN HƯƠNG